

CÁO LỖI BẠN ĐỌC

Vì các lý-do kỹ-thuật ngoài ý muốn của chúng tôi, việc ấn-loát Phô-Thông số 7 bị đình trệ trong mấy ngày sau Tết và đã phải ra chậm mất 15 ngày. Xin cáo lỗi bạn đọc và hứa sẽ cố gắng cho Phô-Thông ra đều, bất-dầu từ số tới.

Số 8 sẽ ra đúng ngày 31 - 3 - 59.

PHÔ-THÔNG



XIN CÁC BẠN LƯU Ý

- ★ Bài vẽ, tranh ảnh để in bìa, và tất cả thư từ thuộc về tòa soạn, xin gửi thẳng đến Ông Giám-đọc, Chủ-bút tạp chí PHÔ-THÔNG.
- ★ Tạp chí gửi đến các bạn ở xa mà bị thất-lạc, hoặc nhận trễ, xin biên thư rõ-ràng cho chúng tôi biết, để chuyển-đặt thư khiếu-nại lên sở Bưu-điện và tiện việc điều tra.
- ★ Bài của các bạn gửi đến tòa soạn nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.

ĐỂ KHỎI THIẾU TOÀN BỘ :

- ★ Bạn đọc và các Đại-lý, ai có thiếu các số 1, 2, 3. Xin viết thư về nhà Tổng phát-hanh NAM-CƯỜNG số 185 Nguyễn-thái-Học Sài-gòn, sẽ gửi đến các Bạn. (3 số này đã tái bản).

Đa tạ

PHÔ-THÔNG tạp chí

227, Phạm-ngũ-Lão, Saigon — Đ. T. Saigon 558

In tại Nhà in TÔN-THẤT-LÊ, 42-46, đường Pasteur, Saigon

Kiểm- duyệt số 43/HĐKD ngày 3-3-59

Tổng phát hành : NAM-CƯỜNG 185, Nguyễn-thái-Học — Saigon



Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 227 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỚI SỐ 8 ★ 31-3-1959

	Số trang
1.— Nền thay đổi chương-trình Trung-học chúng ta . . . Nguyễn-Vỹ	5 — 7
2.— Hà-Tiên một thắng-cảnh Ngọc-Tinh	8 — 17
3.— Thiên-tài âm-nhạc LUDWIG VAN BEETHOVEN... Lưu-Ty	18 — 23
4.— Đáy xứ Lào thơ-mộng Hoàng-Thắng	24 — 28
5.— Hàn-Mạc-Tử Đình-xuân-Hòa	29 — 39
6.— Giai-thoại văn-chương Ba-Tèo	40
7.— Ba lượt lên trời Lê-Hồng	41 — 44
8.— Ngày lịch-sử Nguyễn-Triệu	45 — 49
9.— Cường-loạn Trần-tuân-Kiệt	50 — 51
10.— Tìm hiểu cách cấu-tạo vỏ trái đất Phạm-văn-Ngọc	52 — 54
11.— Kiếp Tâm dương to Nguyệt-Toàn	55 — 59
12.— Mùa Xuân thiếu-nữ Thanh-Nhung	60
13.— Nhớ cụ Phan-Khôi Thiều-Sơn	61 — 63
14.— Yêu cầu nới rộng chương trình ngoại-ngữ H. T. N.	64 — 67
15.— Em đợi chiếc lá cuối cùng rơi N. T. C.	68 — 73

**NHÀ SÁCH
ĐỨC MINH
46 CAO-THANG, SAIGON**

16.— Xin ông chút lửa	Trần-quốc-Bảo	74 — 76
17.— Quán rượu bờ sông Dịch	Trần-Tường-Niệm	77 — 80
18.— Cát-lương	Nguyễn-ang-Ca	81 — 84
19.— Ánh đèn	Vi-huyền-Đắc	85 — 89
20.— Tôi làm phim	Thái-thúc-Diến	90 — 93
21.— Đám ma Vũ-trọng-Phụng	Nguyễn-Vỹ	94 — 96
22.— Những người dốt mươì	Nguyễn-Thu-Minh	97 — 102
23.— Chiến-dịch ruồi	Cô Bạch-Yến	103 — 105
24.— Mơ Tuyết	Nguyễn-Vỹ	106
25.— Kiên-Trinh	Cô Vân-Nga	107 — 111
26.— Buồn ơì, chào mì	Diệu-Huyền	112 — 116
27.— Giòng nước thiêng	Cô Bạch-Yến	117 — 119
28.— 4.000 năm ca-dao	Ba-Tèo	120 — 124
29.— Sách mới xuất-bản		125
30.— Đáp bạn bốn phương		126 — 127

- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
- ★ Tranh vẽ Họa-sĩ Kiên
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
- ★ In Bìa offset Đông-Nam-Á

- Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí **PHỒ-THÔNG** » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Nên sửa đổi Chương-trình Trung-Học chẳng ?

HỒI THỜI Pháp-thuộc, chương-trình các lớp Trung-học và tiểu-học Pháp-Việt chú-trọng đến Pháp-ngữ NHIỀU QUÁ cho đến Văn, Sử, Địa, cũng dạy bằng Pháp-ngữ, còn Việt-ngữ thì mỗi tuần chỉ được dành cho một giờ.

Trong các năm 1925 — 1927, từ khi hai cụ Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh về nước, tinh thần quốc-gia của thanh-niên học-sinh ta bỗng dưng bùng-bật trời dậy, và liên tiếp xảy ra những cuộc bãi-khóa rất sôi-nổi tại các trường «Trung-học Bảo-hộ» và «Cao-đẳng Đông-Dương» ở Hà-Nội, «Cao-đẳng tiểu-học cụ thè» Vinh, Huế, Qui-Nhon, và các trường Trung-học Sài-gòn. Hầu hết các cuộc bãi-khóa ấy đều có nguyên-do chính-trị, nhưng học-sinh chúng tôi lúc bấy giờ lợi-dụng cơ-hội đề đưa lên chính-phủ Bảo-hộ hai điểm chính sau đây trong bản yêu cầu sửa đổi chương-trình học:

1o) Mỗi tuần bớt một giờ Sử Pháp, và thêm một giờ Sử Việt.

2o) Mỗi tuần bớt một giờ Pháp-văn và thêm một giờ Việt-văn.

Nghĩa là học-sinh thời-kỳ ấy cho rằng chương-trình tiểu-học và Trung-học nếu được sửa đổi như thế thì học-văn của thanh-niên cần-học Việt-nam được điều-hòa, thỏa-mãn.

Tuy-nhiên, sau khi thi Tú-tài Pháp toàn-phần, và ra khỏi học-đường, hầu hết các sinh-viên chúng tôi đều nhận thấy một điều thắc mắc: là một số các môn học ở Trung-học có ích-lợi gì cho chúng tôi đâu, nếu không nói rằng chương-trình học các môn ấy là một món nhồi sọ « tạ-pín-lũ » mà chúng tôi không hề cần dùng đến ?

Thí-dụ như về toán-học, có *Géométrie de l'Espace* và *Trigonométrie*, là hai môn học quá cao mà hoàn-toàn vô-dụng cho các sinh-viên ban Tú-tài vào học các trường Cao-đẳng Luật-khoa, Y-khoa, Sư-phạm.

Các Sinh-viên Cao-đẳng sau đổ ra làm Y-sĩ, hay Trạng-sư, Giáo-sư đều trả lại hết cho nhà trường các môn học khó tiêu và vô-ích kia. Chỉ trừ các bạn nào tiếp tục các môn Toán-học Cao-đẳng (Math-Sup.) và khoa-học thì mới dùng đến, nhưng các bạn này có thể bắt đầu học hai môn ấy ở ban Tú-Tài phần nhì, ban này đã có sẵn hai ngành chuyên-môn riêng biệt : Triết và Toán.

Nhưng đó là tôi nói về chương-trình Trung-học Pháp-Việt ở thời Pháp-thuộc.

Nay xin đề-cập đến chương-trình Trung-học hiện đang áp-dụng ở Việt-Nam Cộng-Hòa.

Quả-quyết rằng ngoại-ngữ là cần-thiết — tối-ư cần thiết — cho học-vấn của thanh-niên ta hiện nay, tôi xin mạo-muội trình bày một vài nhận-xét thô-sơ sau đây :

1o) Theo chương-trình Trung-học *Đệ-nhất cấp*, tôi thiết-tưởng những môn học như *Hình-học không-gian*, *Lượng-giác*, *Từ-học*, không có ích lợi gì cho học-sinh cả.

Bởi lẽ các môn này có thể bắt đầu dạy trong chương-trình *đệ-nhị cấp* ở ban Toán, cũng không muộn.

Thay vào đó, có thể thêm được mấy giờ Ngoại-ngữ (Anh, Pháp, Hoa).

Ngay như các môn Hình-Học, Đại-số, Điện-học, Quang-Học, Hóa-Học cũng rất có thể *rút bớt một phần*, đừng để chương-trình nặng quá, nhồi cho lăm vào trí nhớ của học-sinh đã chẳng ích gì, mà lại uổng-phí thì giờ.

Thay vào đó, người ta có thể ghi thêm trong Thời-khóa-biểu được vài giờ Ngoại-ngữ.

Theo thiên-ý của tôi, các môn Toán, Lý, Hóa, trong chương-trình *Đệ-nhất cấp* chỉ nên dạy các cương-yếu, các nguyên-tắc khoa-học tổng-quát, vừa đủ cho sự hiểu biết căn-bản, cũng được rồi.

2o) Hiện nay, trong chương-trình Trung-Học *Đệ-nhị cấp* của Bộ Quốc-gia Giáo-dục, tôi thấy : Sinh-ngữ thứ nhất : 5 giờ. Sinh-ngữ thứ nhì : 3 giờ.

Hai sinh-ngữ ấy là Pháp-văn và Anh-văn, tùy theo học-sinh lựa chọn.

Theo thiên-ý của tôi, thì nên bớt giờ Toán-Lý-Hóa và thêm giờ sinh-ngữ, để các bạn thi đỗ *Đệ-nhị cấp* sau này có thể theo kịp chương-trình Đại-học Âu-Mỹ.



Tại sao tôi xin đề-nghị như trên ? Vì ba lý-do :

1.— Cứ giữ chương-trình Trung-Học hiện-tại thì có những môn Toán-Lý-Hóa (theo như tôi vừa trình-bày rõ ràng) không ích gì đối với các sinh-viên Tú-Tài sau khi ra trường lo xây-dựng đời sống của các bạn, hoặc làm công-chức, tư-chức.

2.— Có thừa căn-bản Toán-Lý-Hóa mà lại thiếu căn-bản ngoại-ngữ. Căn-bản này rất cần-thiết, vì các bạn ở các lớp Trung-học ra khỏi Học-đường còn có thể tiếp-tục trau-dồi Văn-Hóa của thời-đại nhờ đọc các sách Âu-Mỹ. Như thế, thanh-niên ta ngày nay sẽ có khả-năng căn-bản để tự mình tiếp-xúc với Văn-hóa Quốc-tế trong các sách báo ngoại-quốc hầu-hết viết bằng Anh-văn và Pháp-văn.

Khả-năng căn-bản ấy chính là do Học-đường đào-tạo cho rồi thanh-niên ta tự bồi-bổ thêm bằng các sách báo ngoại-quốc, ngoài học-đường.

3.— Hiểu-biết được nhiều tiếng ngoại-ngữ, nhất là Anh, Pháp, Hoa, là một điều cần-thiết rất quan-trọng cho hầu hết các ngành hoạt-động tiến-bộ để xây-dựng một nước Việt-Nam hùng, mạnh, mới : kỹ-nghệ, thương-mãi, chính-trị, xã-hội, văn-hóa.

Riêng về phương-diện Văn-Hóa, tôi tin rằng một nhà Văn Việt-Nam ngày nay cần phải đọc hiểu được một hoặc hai, ba trong các thứ tiếng thông-dụng nhất ở Thế-giới, nhất là, Anh, Pháp, Hoa, để cảm-thông được với Văn-Hóa Quốc-tế và do đó mới nâng cao được trình-độ Văn-Hóa Quốc-gia hiện-tại.

Tôi không ngạc-nhiên khi đọc dưới đầu-đề : « *Muốn phát-triển học thuật* » đăng trong « *Giai-Phẩm Mùa Thu* » tập III, xuất-bản tại Hà-nội, năm 1956, ông bạn Đào-duy-Anh, một nhà học-giả chân-chính của Việt-Nam, thông-hiểu Hán-học và Tây-học, đã phải tỏ ra mà viết rằng : « *Chúng ta cần phải thảo-luận, ai ai cũng phải thừa-nhận rằng nền Học-thuật của ta hiện nay thấp-kém, lạc-hậu. . . Muốn nhận-định nhiệm-vụ kiến-thiết Văn-hóa cho đứng-đắn, cần phải đánh giá đúng mức tình-hình hiện-tại của công-tác học-thuật* ». Tôi không nói học-thuật của Nước ta hiện nay là lạc-hậu, như ông Đào-Duy-Anh. Nhưng tôi hoàn-toàn đồng ý về nhận-xét nền học-thuật của ta hiện nay là thấp-kém, còn thấp-kém nhiều lắm so với nền học-thuật của nhiều nước trên Thế-giới.

Bởi nó thấp-kém, nên nhiệm-vụ cần gấp của các nhà Trí-thức và của thế-hệ Thanh-niên học-sinh ta ngày nay là phải tìm tòi học hỏi thêm ở Văn-Hóa ngoại-quốc, và đem các yếu-tố Chân Thiện Mỹ của Văn-Hóa ngoại-quốc bồi đắp thêm vào nền Văn-Hóa Việt-Nam cho được cao lên.

Lấy gạch hoa, đá hoa của Ngoại-quốc, đem về tô-điêm cho tòa nhà Học-thuật của mình, công-tác ấy có chặm lòng tự-ái của ai chẳng ?



Kỳ sau : Văn-học ta thấp-kém ở chỗ nào ? Nguyên-do vì đâu ? Bồi-đắp thế nào ?

HÀ-TIÊN. (I) Thắng-cảnh



Bạn đọc thân mến,

CHÚNG tôi mở mục này để bạn tìm hiểu xem địa-dư của Nước ta, với những chi-tiết mà chúng tôi cố gắng cho được đầy đủ, từng tình một về mọi phương-diện : thắng-cảnh, phong-tục, Lịch-sử, văn-chương, kinh-tế, xã-hội...

Chúng tôi bắt đầu trình-bày tỉnh Hà-Tiên, rồi dần dần các tỉnh khác ở Nam, Trung, Bắc.

Chúng tôi tha-thiết mong-mời Bạn đọc các nơi sẵn lòng giúp chúng tôi thực-hiện bộ **Giang-Sơn Việt-Nam** này. Bạn ở tỉnh nào, hạt nào, xin viết bài sưu-tầm về tỉnh ấy, hạt ấy, và nếu có hình ảnh càng hay. Dĩ nhiên là tên bạn sẽ ghi trên đầu bài, và khi in riêng thành sách cũng sẽ đề nguyên tên mỗi bạn là tác-giả mỗi bài. Chúng tôi sẽ góp thêm chút ít tài-liệu với các bạn, nếu có. Bộ sách « **Giang-Sơn Việt-Nam** » sẽ gồm ít nhất là 10 quyển, và mong Bạn sẽ là trong số các tác-giả có thiện chí góp phần sưu-tầm để thực-hiện bộ **Địa-dư** đầy-đủ đầu-tiên của **Văn-học Việt-Nam**.

Hôm nay chúng tôi hân-hạnh giới-thiệu cùng bạn đọc thiên điều-tra « **HÀ-TIÊN** », một thiên điều-tra hữu-ích trên mọi địa-hạt : lịch-sử, kinh-tế, xã-hội, phong-tục, thi-ca.

★★ **GIANG-SƠN VIỆT-NAM** ★★

Là người du-lịch, bạn sẽ tìm thấy ở đây những điều chỉ-dẫn các danh-lâm, thắng-cảnh. Tâm mắt hiếu-kỳ của bạn sẽ được thấy một chân trời mới đầy rẫy sơn kỳ, thủy-tú của Nước Non nhà.

Là người kinh-doanh, bạn sẽ thấy những nguồn lợi thiên-nhiên mà biết đâu nó không bắt nguồn cho một vài quyết-định khai-thác công-nghệ hay thương-mại của bạn ?

Là khách văn-nhân, bạn sẽ đọc những thi-văn của họ Mạc, nhà phiêu-lưu chánh-trị có hồn thơ mạnh-mẽ nhưng không kém sắc thái lãng-mạn du-dương và các Thi-sĩ khác ở Hà-Tiên.

Ngoài ra tác-giả còn kể cho Bạn nghe những mẩu chuyện dị-kỳ và rừng-rợn làm thỏa-mãn kiến-vấn luôn luôn thêm muốn các điều mới lạ ở khắp bốn phương trời Việt-Nam.

N.V.



5 GIỜ sáng, chiếc xe đồ bắt đầu lăn bánh rời Đô-Thành Sài-gòn chạy đi Hà-Tiên.

Vào khoảng 1 giờ trưa xe đến Bãi-Ớt, một làng thuộc Quận Hà-Tiên. Tới Bãi-Ớt tôi đã được hấp-thụ một luồng không khí đặc-biệt của biển. Ngọn gió từ ngoài khơi thổi vào khiến ta thấy trong người thư-thái như vừa mới tắm xong, mát rượi vào da thịt và cả trong tâm-tư của khách viễn-du. Thật là một cuộc tiếp đón vô cùng triu-mến.

Một phong-cảnh đầy thơ-mộng đã làm cho thị-giác của ta được tận

hưởng thi-vị của trời đất bao-la, non sông gấm vóc. Đường xe chạy quanh co theo bờ biển. Xe chạy ở giữa, bên trong là đồi núi, cây cỏ xanh um, ở dưới chân núi thỉnh-thoảng điểm xuyết vài hàng cây dừa đứng xõa tóc cho gió biển tự ngoài khơi vào đùa. Tiếng gió thổi vi-vu, tiếng lá đung xào-xạc là một khúc

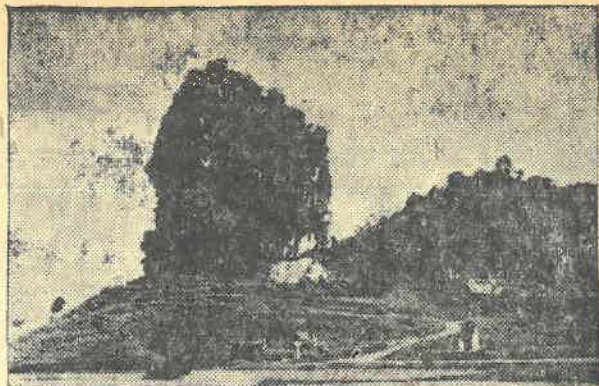
nhạc thiên - nhiên chào đón khách lại viếng Hà-Tiên. Bên ngoài là biển cả, một vùng bát-ngát bao-la. mây nước giáp nhau ở chỗ cuối chân trời. Trên thì nền trời xanh, đầy đo một vài đám mây trắng : dưới là biển, xa xa nước màu xanh lợt, khoảng giữa nước màu tím lợt, gần tới bờ là những làn sóng bạch đầu đương nô rồn đuổi nhau cùng chạy vào bờ. Một bầy chim vỗ cánh tung bay giữa khoảng mây nước ngàn trùng...

★ **NGỌC-TÌNH** ★

Từ ngàn xưa, vẫn mây này, nước ấy ; vẫn cây nọ, cỏ kia ; nhưng nếu vật kia biết nói chúng sẽ cho ta biết Hà-Tiên đã là sân-khấu của bao sự đấu bẻ đôi thay, bao dòng máu đổ lai láng chảy, bao nhiều xương trắng chất thành non ? ...

Trước khi nói về Lịch-sử tỉnh Hà-Tiên tôi xin mời các bạn cùng tôi đi xem các thắng-cảnh

trong tỉnh.
Theo lời
căn-dẫn của
ông Giám-
đốc PHỒ-
THÔNG, tôi
xin đưa các
bạn đi coi
kỹ-luỡng
từng nơi,
không vội-
vàng hấp-
tấp. Chúng
ta bắt đầu
đi xem
THẠCH-
ĐỘNG.



THẠCH-ĐỘNG

Sau khi xuống xe, lẽ tự nhiên chúng ta phải mượn phòng ngủ để nghỉ ngơi, tắm rửa cho đáng hoàng đã.

Trước khi nói tới cuộc du ngoạn, tôi nói qua về các khách-sạn ở Hà-Tiên.

Tôi phải thành thật khen ngợi sự sạch-sẽ, ngăn-nắp của các giường, nệm, bàn, ghế và những vật-dụng ở các phòng của khách-sạn Hà-Tiên. Còn gì thỏa - mãn, sung - sướng được nằm nghỉ - ngơi trên một cái giường có nệm dày, phủ một tấm da trắng, sạch, không một dấu vết bất-hảo, sau 8, 9 giờ đồng hồ ngồi lý ở trên xe? Ở một góc phòng một cái đi-văng bằng gỗ đẹp, dày, sạch; ở một góc khác, một cái bàn nhỏ, 2 cái

ghế, hết thảy đều sạch-sẽ. Khách có cảm-tưởng như ở nhà riêng của mình. Phong-cảnh ở đây quyến-rũ khách du-lich, các khách-sạn ở đây cũng gây cho chúng ta một cảm-tình nồng-hậu, mặc dầu chỉ với một thời-gian ngắn.

Bây-giờ đã tắm rửa, mát-mẻ, khỏe khoắn rồi, mời các bạn đi ra chợ Hà-Tiên với chúng tôi. Đường đi không xa đâu, vì các khách-sạn đều ở gần sát ngay chợ, chỉ vài chục bước là đến ngay. Từ đây đi thăm Thạch-Động, chỉ mất 5 đồng tiền xe và 5 phút đồng hồ là đến nơi.

Ở xa núi Thạch-Động, trông giống như đầu con rùa ngóc lên khỏi mặt đất, trái núi ở kế-cận đó là cái lưng con rùa. Đến nơi phải leo lên một con đường dốc để lên chùa. Ngay đầu

đường đó bên phải có một cái Miếu thờ Thần Giếng gọi là « Tỉnh-Thần-Miếu », mái ngói rêu phong, một trong hai vách tường đã nứt nẻ. Miếu đã hư hao nhiều mà không được tu-bổ, trông có vẻ hoang-tàn. Ngay trước miếu xây một cái giếng thật to.

Cách miếu đó lối 10 thước, lui vào phía trong, một cái tháp xưa đứng ở dưới chân núi đất, cây cỏ bao chung quanh là di-tích còn sót lại của ngôi chùa Địa - Tạng đã bị thiêu-hủy vì biến chuyển 1945. Ngôi chùa này trước kia là nơi trụ-trì của người vợ lẽ Mạc-Cửu. Khi làm ngôi chùa này, Mạc-Cửu (sẽ xem trong chương Hà-Tiên Lịch-sử) cho đào một cái kinh làm con đường thủy cho tiện việc Ông lại thăm chùa. Hồi đó con đường bộ chưa xây đắp nên Mạc-Cửu phải cho đào kinh. Bây giờ sự giao-thông từ chợ đến Thạch-Động đều sử-dụng con đường bộ trải nhựa, con kinh đó không dùng cho sự giao-thông nữa. Nó chỉ còn là di-tích của Lịch-sử.

Tới đây tôi tưởng nên mở một dấu ngoặc : con đường bộ hiện giờ là công-trình của Cụ Hoà-Thượng Trịnh-Kim-Huê hiện trụ tại chùa Thạch-Động bây giờ đã lãnh trách-nhiệm bao-thầu công-tác con đường này. Thật là một sự ngẫu-nhiên đầy ý-nghĩa,

Cụ có ngờ đâu chính tay Cụ đã đắp con đường đưa Cụ đến Động Tiên-Sơn (ngôi chùa ở Thạch-Động gọi là Tiên-Sơn-Động).

Bên trái con đường là một ngôi mộ chung quanh cỏ mọc um-tùm đó là mả Cụ Trịnh-Sỹ, vị Hoà-Thượng đã trụ trì ở Thạch-Động.

Thạch - Động là một núi đá đứng chênh-vênh trên một u đất cao. Leo được nửa con đường dốc, ngược mắt nhìn lên, chúng ta thấy ở phần trên núi Thạch-Động đá liền khít với nhau, còn phần dưới đá tét ra làm hai thành một hình tam-giác đứng thẳng Δ , tương tự như một cái miệng đá khổng-lồ thiên-tạo mà cái cửa chùa nhân-tạo là cái môi của miệng đó. Mới đến nửa đường tôi đã đọc rõ ba chữ to : « Thiên - Sơn - Động » viết bằng chữ Hán, hai bên cửa có hai câu đối chữ Nho, nhưng vì chữ nho nên ở xa không đọc được.

Tôi cũng cần phải nói thêm rằng ở liền ngay núi Thạch-Động người ta thấy hai cái tường bằng đá do người Pháp xây, tường nào cũng có 3 lỗ hờ cách xa nhau để cho súng ở trong nhắm bắn ra ngoài. Một cái xây ngay ở chân núi bên phía tay trái cổng chùa. Theo lời Hoà-Thượng nói chính cái cửa ra vào của chùa hồi đó chúng cũng xây một cái tường để che kín cửa chùa, cái tường này chỉ để chứa một lỗ hờ ở gần vách đá bên tay

mặt vữa vắn cho một người ra vào.

Cái tường đá thứ hai, cũng do người Pháp xây ở trên cao phía Đông ngay trước mặt phòng «Tĩnh-Xá-Tu-Tâm» là nơi thanh-tĩnh để vị Hòa-Thượng dùng làm chỗ nhập-thiền để kiểm-điểm tâm-tư tiết-hạnh của Người. Trên bức tường đá này có đặt ba khẩu súng lớn.

Vết dầu loang bĩ - òi chiến-tranh đã hoen-ố tất cả, không kiêng nể đình, miếu, chùa-chiền; chẳng đếm xỉa danh-lam, thắng-cảnh.

Leo hết con đường dốc, chúng ta đến cửa chùa. Điềm trước nhất đập vào mắt chúng ta là một tấm bảng sơn vàng cắm trên một cái cột nhỏ ngay chỗ sắp sửa bước chân lên cái cầu thang gạch đi vào chùa. Những hàng chữ đó ở trên tấm bảng ấy đại ý nói yêu-cầu các khách du-lịch đừng viết vẽ gì trên các vách đá trong và ngoài chùa. Đây là một biện-pháp gìn - giữ cho chùa được sạch-sẽ và không mất vẻ thâm-mỹ thiên-nhiên của núi đá. Lúc trước chưa có sự ngăn cấm này nên trên vách đá trong và ngoài chùa đã thấy bê-bết một số khá nhiều bút-tích của khách thập phương.

Qua những bậc thang gạch uốn vòng theo vách đá, chúng tôi tới trước cửa chùa. Chúng tôi dừng bước lại để đọc những chữ nổi khắc vào hai bên cột

gạch quét vôi trắng ở trước cửa chùa. Hai câu đối ấy là :

Thạch thượng linh-cơ lưu ngọc dịch,

Động trung tinh-địa ẩn kim tiên.

Xin tạm dịch là :

Trên đá nền linh lưu nước ngọc.

Động trong đất vắng ẩn tiên vàng.

Bước qua khỏi ngưỡng cửa chùa, chúng ta đi vào một thế giới khác, có thể nói là một bông-lai ở trần-tục. Bông-lai đây không có nghĩa là những cái gì mỹ-miền trang-lệ làm thỏa-mãn thị-giác của ta. Vào tới động đá này chúng ta cảm thấy cân-não cõi mở được cái căng thẳng nặng-nề của gánh nặng trần tục. Tâm hồn chúng ta phơi-phới lâng-lâng không vẩn đục một mây may tục-lụy. Cái nắng gay-gắt ở bên ngoài không lọt vào được qua ; những tấm vách đá to rộng, gió hiu-hiu mát thổi qua các khe hở của động đá luôn luôn làm cho không khí trong này đổi mới và có một hơi mát êm-dềm dễ chịu. Hai chữ. Bông-lai đây là để nói về không khí tiên-cảnh ở trong này.

Trái lại về cách kiến-trúc ngôi chùa cùng các vật-dụng trần-thiết ở đây đều có một tinh-cách thông thường. Nhưng điểm này không làm tổn thương mây may tới sự kỳ-tú oai-hùng thiên-nhiên của Thạch-Động đã vang danh tứ xứ.

Ngay dưới hai bên vách đá ở Chùa Ngoài, hai cái bệ xây bằng xi-măng bằng phẳng là hai chỗ ngồi chày dài theo vách đá, dùng làm chỗ nằm và ngồi cho khách thập phương.

Bên tay trái ngay chỗ cửa vào Động, một cái cầu thang uốn khúc đưa khách lên Điện Ngọc-Hoàng. Điện này hiện nay chỉ còn có một cái bàn gỗ nhỏ trên để một bát hương, tinh cách sơ sài của cái Điện này nói lên sự tàn-phá dã-man của chiến-tranh vào khoảng 1945 vì Động này đã bị dùng làm một căn-cứ quân-sự.

Ở đằng sau Điện Ngọc-Hoàng này đi vào trong độ 5, 7 bước ngay trên mái-Chùa Ngoài, nhìn lên trên Động ta thấy một lỗ hồng phần dưới to, phần trên nhỏ dần lại như hình một cái chuông to. Khen cho ai đã có công đo gọt vách đá để thành hình cái chuông thiên-tạo hùng-vĩ này. Ai đó ? Chỉ có thể là Ông thợ Trời.

Bây giờ chúng tôi xuống cầu thang trở lại dưới Chùa Ngoài. Ở ngay giữa chùa kê một chiếc bàn dài bằng gỗ trên để một ấm nước, một cái đĩa có mấy cái chén uống nước, một quyền sớ bìa cứng đó là quyền « sớ vàng » của Thạch - Động, khách thập phương có thể ghi bút-tích của mình vào đấy để làm kỷ-niệm. Ở sát vách tường là chỗ thờ Tam

Vị Thánh-Tổ, các vật dụng trần-thiết ở bàn thờ này đều một tinh cách thông thường. Đây đó treo trên tường những bức ảnh to nhỏ của vị Hòa-Thượng hiện trụ-tri tại chùa này.

Sau tấm vách này là một khoảng động diện-tích nhỏ hẹp hơn Chùa Ngoài. Ngay ở bên tay trái, Hòa-Thượng dẫm chân xuống chỗ đất Người đương đứng, nơi đây gọi là « Âm ». Chỗ đất này trước kia là một cái hố sâu không biết bao nhiêu thước. Vào khoảng 52 năm trước thực-dân Pháp cho trói 4 tội-nhân bị kêu án tử-hình buộc vào một sợi giây dài rồi cho thả từ từ xuống dưới hố này. Bốn tội-nhân đều bị mất-tích ở dưới hố sâu không hiểu vì nguyên-nhân nào...

Người ta lại thả xuống vực sâu đó 3 trái dừa.

Trái thứ nhất buộc vào một sợi giây dài 40 thước

— hai — — — 80 —

— ba — — — 160 —

mà cũng chưa thấy đụng mặt đất.

Sau cùng, người ta cho thả xuống 50 trái dừa có viết chữ « Tiên-Son-Động ». Những trái dừa này cũng mất-tích luôn.

Tất cả các lần thả người và trái dừa đó, thực-dân Pháp ở trên miệng hố hờm sẵn súng để khạc đạn xuống nếu có một hiện-tượng hay quái-vật dị-kỳ nào xuất hiện lên. Nhưng chẳng thấy gì cả.

Ở trên cao ngay chỗ cái hố « Âm » ấy trông lên, vách đá nứt

ra một lỗ hở, bề dài chừng 2 thước, ngang chừng 1 thước hai. Lỗ lộ-thiên này gọi là « Dương ». Khi mặt trời chiếu ngay cái lỗ hở đó, ánh-sáng lọt vào trong động làm cho trong này sáng hẳn lên như ánh-sáng của hàng trăm bó đuốc. Tôi rất lấy làm tiếc không được trông thấy cảnh tượng sáng-sủa huy-hoàng của ánh Thái-Dương vào thăm động đá. Khi trời mưa to và nhiều, nước mưa theo lỗ ấy chảy vào trong động trong chùa bị ngập chừng cỡ 5 phần nước. Khi tạnh mưa chừng lối 15, 20 phút nước mưa lại rút đi hết.

Bây giờ chúng ta vào xem Chùa Trong.

Sau khi Hòa-Thượng Chánh Quả qua đời, Hòa-Thượng Trịnh-Sỹ tiếp-tục trụ-tri ở đây. Chùa này thờ Phật Thích-Ca và Đức Ngọc-Hoàng. Hòa-Thượng Trịnh-Sỹ trụ-tri ở đây được 27, 28 năm rồi tịch. Di hài của Người để ở một ngôi mộ dưới chân núi Thạch-Động.

Cũng như ở Chùa Ngoài, đồ trần-thiết trên bàn thờ không có gì đặc-biệt. Hiện-tượng khiến ta lưu-ý tới là mấy giọt nước từ trong khe núi đá ở trên cao thông-thả đều đều nhỏ xuống mặt sân gạch như đếm từng giây phút của thời-gian. Chúng ta đi qua dưới mấy giọt nước đó để leo lên một cái cầu thang bằng gạch uốn khúc theo chung quanh vách đá để lên

xem chỗ gọi là phòng « Tỉnh-Xá Tu-Tâm » Hòa-Thượng đi trước dẫn đường, gần tới nơi Người với tay mở cánh cửa gỗ luôn luôn đóng vào mở ra vì bị luồng gió thổi, một ánh sáng đập ngay vào mắt chúng ta, vì ánh sáng mặt trời ủa vào trong phòng này theo chỗ trống của khe đá toạc ra làm thành một cái cửa trông ra ngoài trời. Căn phòng này luôn luôn sáng và mát, vì ánh sáng và gió là khách ra vào thường trực ở đây.

Xem phòng này rồi khi sắp sửa bước xuống cầu thang, Hòa-Thượng lấy cây gậy trúc chỉ lên trên cao ở vách đá phía bên tay mặt cho ta thấy một tượng Phật ngồi trên đầu con sư-tử. Tiếc thay đầu đức Phật đã không còn nữa vì một viên đạn vô ý thức của một tên lính trong quân đội Pháp đã bắn rơi mất. Hiện-tượng Phật ngồi trên đầu sư-tử này là sự kết cấu của nhiều hòn thạch-nhũ do bàn tay của Hóa-công chạm trở.

Chỗ dưới cầu thang đi lên phòng « Tỉnh-Xá Tu-Tâm » đi lại độ 5, 7 bước có hình Phật-Bà mặt trắng, tóc đen, mặc áo dài màu xanh, in tự-nhiên ở trên cao tấm vách đá bên tay phải. Chỗ này có một lối đi nhỏ hẹp, Hòa-Thượng chỉ cho ta thấy một cái lỗ tròn ẩn sâu

vào trong vách đá độ 5 tấc ở vách đá bên tay phải. Lỗ này trông giống miệng một con quái-vật há to ra để đón lấy mỗi và đây một miếng mỗi kỳ-dị đã đem lại cho nó.

Trong thời kỳ Nhật chiếm đóng, một vụ tự-sát vì tình đã xảy ra trong động này. Một tên binh nhì Nhật nọ có một người vợ Việt-Nam, có lẽ thiếu-nữ này có nhan-sắc nên viên Đại-Ủy chỉ huy-trưởng bộ đội của anh binh nhì kia say mê nàng. Anh binh nhì kia yêu vợ nhưng bất lực dưới oai-quyền hiên-ngang của Đại-Ủy nọ. Khắc nào cốp và chó tranh nhau một miếng mỗi ngon, lẽ tất nhiên bất di dịch con cốp thắng. Không cần nói ta cũng thừa biết sự uất-hận của anh binh nhì kia lên cao tới độ vô cùng khủng-khiếp. Có lẽ muốn cho Trời, Phật chứng minh cái chết bi-đát của mình, anh đã chọn Thạch-Động làm sân-khấu để biểu-dương sự uất-hận của anh. Tại đây có hiện-diện của vợ, người yêu duy-nhất của anh, có Đại-Ủy người tình-dịch của anh, trước khi đưa gươm lên tự tay anh cắt lấy đầu anh bỏ vào cái lỗ đá há ra tròn xoe, anh yêu cầu người tình - dịch của anh đem đốt cái đầu đó rồi lấy tro bỏ vào cái hộp đem về cho họ hàng anh cũng cùng ở một quê quán với viên Đại-Ủy này. Nơi thiêng-liêng thanh-tịnh này

đã chứng-kiến một vụ đoạt tình yêu vô cùng bi-đát và khủng-khiếp.

Theo con đường hẻm này, chúng ta đi ra một cái sân ở phía Tây. Đây là một cái sân lát gạch khá rộng. Trên vách tường quét vôi trắng vẽ 8 vị Tiên. Chỗ này cũng có một cái cửa trông ra ngoài trời do vách đá đã mở ra một cách tự-nhiên. Nhờ sự chỉ dẫn của Hòa-Thượng, ta được biết chỗ này là do sự sắp đặt khéo-léo của Hóa-công. Năm hòn đá to và 5 hòn đá nhỏ nương dựa vào nhau tuyệt-nhiên không có một mây may hồ, keo, vôi, cát mà các tảng đá vẫn trơ trọi không nao núng vì mưa, nắng, gió, bão. Theo truyền thuyết chỗ này là chỗ hồi xưa Thạch-Sanh chém yêu quái, sân này là sân tập võ của Hồng-Hải-Nhi.

Đứng quay lưng ra phía cửa trông ra ngoài trời, ngàng đầu lên ta thấy ở vách đá bên tay trái 2 hình người, một hình đứng ngang và 1 hình đứng ngay. Ở vách đá bên tay phải có 2 viên đá lồi hẳn ra ngoài vách đá, 2 viên đá này giống như hai cái hàm răng của một con cốp há miệng ra. Xem xong cái sân ở cửa Tây, chúng ta đi trở ra con đường nhỏ hồi nãy, leo lên một cầu thang gạch uốn khúc theo vách đá để lên tầng trên cũng ở về phía Tây. Chỗ này mới cho đứng là một cái lan-can, hai bên là vách đá, đằng trước mặt chỗ

trông ra ngoài trời có xây một cái tường, hai đầu tường dính vào hai vách đá, tường này bề cao chừng 1 th. 2 dùng làm chỗ cho người ta tỳ tay vào đây thả tầm mắt ngắm cái kỳ-tú của non sông, cây, cỏ ; cái bao-la, bát-ngát của bề rộng, trời cao.

Ngoài biên xa in hình mờ-mờ lên nền trời xanh, bên phải là dãy núi Tà-Lơn (ở Réam thuộc Cam-Bốt) mà người ta bảo là hàm trên của con rồng ; bên trái là dãy núi Phú-Quốc mà người ta bảo là hàm dưới của con rồng. Gần hơn nữa, đó đây rải rác trên mặt biển những hòn Cò, hòn Quéo, hòn Móng-Tay, hòn Đụng, hòn Kiến-Vàng, hòn Tre, hòn Mắm, hòn Cầu, v.v. Đặc-biệt hơn hết là hòn Chảo, hồi đời Mạc-Cửu dùng hòn này làm nơi để đốt lửa cho khói bay lên cao báo hiệu cho trong đất liền biết có chiến thuyền của giặc tới xâm lấn đất đai.

Ở ngay trên bờ bề cũng còn rải rác nhỏ lên khỏi mặt đất những quả núi đất cây cỏ xanh tươi. Nào là núi Đại-Táo đã được cái vinh-hạnh Vua Gia-long dùng làm nơi tế Nam-Giao trong thời-kỳ Ngải lưu-vong trú-ngụ ở Hà-Tiên. Nào là núi Tiểu-Táo đã là nơi dùng vào việc trồng trọt các cây hồ-tiêu, một sản-phẩm đem lại lợi-tức khá quan-trọng cho Hà-Tiên. Nhưng sản-phẩm này đã bị bàn tay vô ý thức của Nhật phá-hoại. Những cỏ mọc

um-tùm rậm rạp ở trên núi do bàn tay bí mật của những anh chàng Nhật-Bồn đi bán dạo ly tách khắp hang cùng, ngõ hẻm, đã đem reo-rắc những mầm cỏ khô ở nơi này và ở phần nhiều các chỗ khác mà quân đội của chúng sẽ dùng đến sau này. Những mầm cỏ khô ấy gặp mưa mọc lên rất nhanh chóng bao phủ cả mặt đất và là một trở ngại vật cho sự tiến triển của một số nhiều các cây hữu ích khác. Thứ cỏ « Nhật-Bản » này là cả một tai nạn cho các cây hồ-tiêu ở trên núi Tiểu-Táo. Cái um-tùm, rậm-rạp của những cây cỏ này là những vật trá hình thiên-nhiên dùng vào việc hành quân của chúng. Thật là cả một sự sắp đặt kiên-nhẫn và tỷ-mỷ của dân Phù-tạng. Nhưng lòng người tuy muốn, trời nào có cho.

Ở dưới chân núi bên kia đường là những ô ruộng, chỗ thì mạ mọc xanh tươi ; chỗ thì nước đọng như một tấm gương lóng lánh phản chiếu ánh sáng mặt trời. Những con đường đất nhỏ màu nâu chạy ngang dọc chung quanh các ô ruộng. Xen vào đấy cũng có một vài cái ruộng muối bỏ hoang, vì những ruộng muối này không đem lại cho chủ nó một lợi-tức khả quan. Đây đó một vài túp nhà tranh đứng im-lìm ở dưới chân các cây dừa xõa tóc nõ đùa cùng gió bẽ. Diêm tuyết vào phong cảnh này, hai ba cái lò vôi vó

ngòong-ngòong lên nen trời xanh những vệt khói trắng đục . . .

Đứng ở lan-can này ngắm cảnh trong giây lát, Cụ Hòa-Thượng và chúng ta trở xuống Chùa Ngoài. Tại đây Cụ mời mỗi người uống một chén nước mưa thanh-đạm của nhà chùa. Nhân dịp, tôi hỏi Cụ về các lợi-tức của chùa. Cụ nói trước thời-cuộc 1945 chùa có hơn 200 cây dừa, hơn 200 cây cau, 60, 70 cây xoài. Nhưng những cây trái này đã bị phá-hủy hết, chỉ còn lại là 8 cây xoài mọc ở bên vệ đường leo lên Thạch-Động. Tuy nói là 8 cây, sự thật chỉ còn có 3 cây còn đậu trái, 5 cây mọc ở chỗ có nhiều gió không đậu được trái. Như thế về lợi-tức của chùa kể như con số không. Trước kia nhà chùa cũng có trồng một ít cây cam, quýt nhưng đều bị chiến-tranh làm tiêu-hủy hết.

Hòa-Thượng mỉm cười, nói tiếp : chúng tôi chỉ trông vào một chút ít tiền cúng của khách thập phương để làm tiền chi phí nhang đèn.

Chúng ta cũng nên biết rằng Cụ Hòa - Thượng hiện giờ là người thứ tư được vinh hạnh trụ - trì tại cái lâu - đài thiên-nhiên bằng đá này.

Còn người thứ ba trụ-trì ở Thạch-Động là cô Cam-Thị-Lang. Trong thời-gian cô ở đây là lúc thời cuộc đương căng thẳng, nên cô cũng là một nạn-nhân bị-tham của chiến-tranh. Cô đã bị quân đội Pháp bắt chung với một đoàn người gồm có : 2 người đàn ông đau ốm lên chùa nằm tĩnh dưỡng và 2 người cháu của cô. Những người này bị bắt vào lúc 11 giờ 30 trưa đều bị đem ra bắn, chặt đầu, đập thây xuống sông vào hồi 18 giờ 30 cũng trong ngày hôm ấy.

Như đã nói ở trên, dưới chân núi Thạch-Động có 3 ngôi mộ. Hai cái chôn di-hải của 2 Cụ Hòa-Thượng và Chánh - Quả-Trình. Sỡ, cái mộ thứ ba do cô Lang cất nhưng vì cảnh éo-lệ của thời cuộc di-hải cô không được an nghỉ ở đây như sự mong muốn của cô.

(Còn nữa)

Số sau : Sự tích cô Cam-thị-Lang ở chùa này.

★ ĐÀN BÀ LỚN HƠN ĐÀN ÔNG

Thằng Méo hỏi má nó :

— Má ơi ! đàn bà và đàn ông ai lớn hơn ?

Má thằng Méo trả lời :

— Đàn ông lớn hơn đàn bà.

— Đàn ông lớn hơn đàn bà, sao đàn bà lại sanh ra đàn ông

— ???

LUDWIG VAN BEETHOVEN

(1770 - 1827)

★ LƯU-TY (Huế)



N GÀY 17 tháng 12 năm 1770 tại một làng hẻo lánh kẻ-cận tỉnh

Cologne (thuộc nước Đức), một thiên tài xuất-thể : đó là Ludwig van Beethoven.

Không ai ngờ, kể cả người cha nghiện rượu và người mẹ đạo-đức của (Beethoven, rằng cậu bé ấy lại là một nhạc-sĩ vĩ-dại của thế-giới sau này. Beethoven học đàn rất sớm, lên tám đã trình-diễn được trong các buổi đại nhạc hội ở Cologne,



mười một tuổi là tuổi mà các cậu học-trò thò-lò mũi xanh còn đứng ở góc đường quay kẻo-kéo... thì Beethoven đã gia-nhập vào ban nhạc, đánh trong các hí-trường. Đến mười ba tuổi thì giữ một tay quan-trọng trong dàn nhạc của triều-đình nước Đức lúc bấy giờ.

Sau khi cha mẹ qua đời, Beethoven già-từ quê-hương để bước hẳn vào đồ-thành âm-nhạc : ông đến Vienne và tiếp-tục học đàn với các nhạc-sĩ danh tiếng Haydn, Mozart...

Những tuyệt-phẩm được ông tác-tạo nên dưới hình-thức **Sonate**,

Variation, Symphonie... đã đưa tên tuổi ông lên ngang hàng với những nghệ-sĩ tài-hoa nhất của nhân loại : Michel-Ange, Dante, Shakespeare...

Vì tận-tụy quá nhiều cho nhạc-thuật Beethoven đã mang bệnh đau phổi. Ông trút linh-hồn ngày 26 tháng 3 năm 1827 và thi-hài được an-táng ở nghĩa-địa Wahring gần thành Vienne.

* MỘT BẢN NHẠC BUỒN

Có thể nói suốt đời của Beethoven là toàn-thể một bản nhạc buồn trong đó tiếng «sắc» tiếng «đồng» và chạm nhau gây nên những hình ảnh tan vỡ, gãy đổ... Beethoven ký-thác trọn đời mình cho nghệ-thuật, coi nghệ-thuật như một sứ-mạng và đời mình có một mục đích là để hoàn tất sứ-mạng đó : Symphonie thứ mười là một Symphonie dang-d dở, chứng tỏ Beethoven đã cố-gắng cho đến phút giây cuối cùng của sự sống tối-tâm của mình để thực-hiện mục-đích thiêng-liêng ấy. Nhưng những kẻ giàu lòng thương ít khi được là những kẻ sung-sướng. Phần đông con người mang chung một bản-tính : muốn nhận mà ít muốn cho. Vì vậy chữ «cho» mang trọn vẹn ý-nghĩa thiết-thời của nó. Và cũng vì vậy mà hầu hết các nghệ-sĩ có chân-tài đều cảm thấy

minh lẻ-loi đơn-độc. Nghệ sĩ thường đặt mình ở một điểm cao nhất và từ điểm đó họ nhìn xuống tâm-tinh phổ-quát của nhân-loại xem như một đối-tượng trong suốt có thể gạn lấy bằng khuôn thước của nghệ-thuật. Nhưng chính vì ý-thức được địa-vị độc-đáo của mình, là một địa-vị không có kẻ ngang hàng, không có người xung-quanh nên dẫu giàu lòng tự-phụ, nghệ-sĩ bao giờ cũng thấy mình đơn-chiếc. Beethoven cũng không tránh khỏi được định-luật chung ấy :

Ngay từ ngày còn học nhạc dưới sự chỉ dẫn của Haydn ta thấy giữa Beethoven và thầy không có một sự thông-cảm nào mật-thiết để ràng buộc nghĩa thầy trò cả. Một hôm Beethoven đưa quyển vở học của mình cho người bạn tên là Schenck xem. Schenck chỉ cho Beethoven thấy một lỗi nhỏ mà Haydn trong lúc chấm bài đã bỏ qua. Beethoven cho rằng đó là bằng-chứng thầy dạy mình không chu-đáo, ông đoạn-tuyệt hẳn với thầy và dứt luôn tác-phẩm đầu tiên mang tên là «Học-trò của Haydn» cho rằng tên đó làm sỉ-nhục tài-năng của mình.

Beethoven cảm thấy có một cái gì ngăn-cách giữa sự sống của mình với cuộc đời. Mọi người vẫn ham-chuộng yêu mến nhạc-phẩm của thiên-tài Beethoven

nhưng riêng cá-nhân Beethoven thì lại không bao giờ tìm được một nguồn an-ủi gần-gũi nào của họ cả. Ngay đến cả ông hoàng Lichnowsky là người cảm-mến tài-hoa của Beethoven nhất và là người đã trực-tiếp giúp Beethoven về phươ-ng-diện cơm áo trong thời-gian ông sáng-tác những nhạc-phẩm **Quatuors** (bản nhạc soạn cho bốn nhạc cụ) đầu tiên; ông hoàng ấy cũng lần theo bước đại-chúng mà xa lánh Beethoven. Năm 1801 chứng bệnh điếc mà ông mắc phải từ mấy năm về trước bỗng nhiên tiếp-tục phát hiện mạnh mẽ. Người ta bắt gặp nhiều lần Beethoven dầm đầu trong chậu nước giá lạnh. Cứ-chỉ đó vừa bộc-lộ sự đau-đớn trong cơ-thể vừa diễn-tả nỗi tuyệt-vọng vì lẻ-loi đơn-độc của tâm-hồn. Trong năm ấy Beethoven điếc hẳn. Chúng ta cứ thử nhắm mắt lại, sờ-soạn để vẽ một bức tranh màu sắc thì mới thông-cảm được muôn một nỗi đau khổ của Beethoven, con người mà nhu-cầu âm-thanh cần hơn cả ăn uống ấy. Tuy nhiên chính sự tật bệnh bất hạnh đó đã đưa nhà nhạc-sĩ ấy lên một giá-trị tuyệt đỉnh và nếu ta muốn gọi Beethoven là một siêu-nhân có lẽ không phải là điều quá đáng. Trong cái thế-giới âm-thầm mênh-mang đó Beethoven đã mờ-mắm sáng-

tác, những nhạc-phẩm vĩ-dại thuộc loại Symphonie liên tiếp được ra đời dưới ngòi bút tài-hoa của thiên-tài bệnh-tật ấy. Song song với việc ra đời của những nhạc-phẩm trên, danh-vọng của Beethoven cũng mỗi ngày mỗi chói-lọi. Người ta say-mê cuồng-nhiệt thế-giới âm-thanh của Beethoven. Một thiếu-nữ, **Bettina Brentano** sau khi được gặp Beethoven đã viết mấy lời này cho đại thi-hào **Goethe** «C'est lui qui m'a fait oublier le monde..» (Ông ấy làm cho tôi quên thế-giới!) Tuy nhiên, ở Beethoven ta thấy: nghệ-thuật và danh-vọng đi một đường và đời sống riêng tư lại đi một đường. Nhiều lúc Beethoven cảm thấy mình không dinh dư gì đến sự khen chê của mọi người: trong lần điều-khiển ban nhạc đánh bản Symphonie số chín lần cuối cùng ở Vienne, người ta thấy Beethoven đã làm một cử-chỉ phác-họa những ý-tưởng ấy: Ông đã quay lưng lại phía khán-giả lúc họ đang hoan-hô ông nhiệt-liệt thay vì quay mặt lại phía họ để cúi chào.

Càng xa những người yêu-chuộng tài mình bao nhiêu, Beethoven càng cảm thấy lẻ-loi đơn-độc bấy nhiêu. Trong cái thế-giới âm-thầm lặng-lẽ của ông chỉ có một người bạn thủy-chung nhất và

người bạn đó, mĩa-mai thay, lại là nghệ-thuật, là âm-nhạc: Trọng lời trăn-trối gửi lại cho một người anh của ông, chúng ta có thể đọc lại những lời này để cảm-thông nỗi cô-đơn đến tuyệt-vọng của ông:

«... L'art seul m'a retenu; il me semblait impossible de quitter le monde avant d'avoir produit tout ce que je sentais devoir produire. C'est ainsi que je continuais cette pauvre vie, véritablement misérable... (Chỉ có nghệ-thuật giữ tôi lại; hình như tôi không thể già-từ dương-thế được trước khi sáng-tác nên những cái mà tôi cảm thấy phải sáng-tác. Chính vì vậy mà tôi phải tiếp-tục sống đời sống khốn-nạn này, thật là khốn-nạn!..)

Vì quan-niệm rằng đời mình là vật hy-sinh mà nghệ-thuật là một món nợ, nên khi hai tay buông xuôi Beethoven đã thốt ra một câu nào-nuốt chua-chát:

«Hãy vỗ tay đi, các bạn, tấn bi-kịch đã vãng chung!» — Nguyên-văn là, «**Plandite, amici, comedia finita est.**»

Nhưng có lẽ nỗi thất-vọng lớn-lao nhất của Beethoven là sự đổ vỡ của những mối tình linh-lạc suốt trong đời ông. Nghệ-sĩ nào thường cũng yêu mạnh và yêu nhiều. Beethoven cũng vậy: biết bao nhiêu thiếu-nữ đẹp đã lần-lượt

lướt qua mộng tưởng của ông, nhưng tỉnh lại, không một hình-bóng nào dừng lại để trao gửi cả. Beethoven cũng như Trương-Chị của ta; khi nghe trời lên khúc nhạc trong sáng thanh cao của bản Symphonie số sáu, không ai có thể tưởng-tượng tác-giả của nó lại là một kẻ xấu-xí tật-nguyên cả. Những nhạc-sĩ ít hạnh-phúc nhất như Schumann cũng vẫn có Clara làm nguồn an-ủi, riêng Beethoven là một kẻ trọn đời sống khác-khoài trong sự khao-khát yêu-thương không biên-giới Beethoven sống bằng mong ước và luôn luôn thất-vọng.

Năm 16 tuổi, mới tỉnh đầu chớm nở, Beethoven yêu say-mê một thiếu-nữ tuyệt sắc: Jeannette d'Honrat, mới tỉnh thầm kín và vụng dại đó không bao giờ được ngộ vì cùng trong năm này thiếu-nữ ấy kết-hôn với một sĩ-quan người Áo. Mãi đến khi bước lên đài danh-vọng rồi, được tin người yêu cũ chết, Beethoven mới thổ-dài thương cảm: «Mon premier grand amour est mort» (Tình yêu đầu tiên của tôi đã chết rồi!)

Năm 19 tuổi, một thiếu-nữ đẹp khác lại lạc vào thế-giới tình-cảm hoang-vu của ông. Beethoven yêu tha-thiết một cô học trò học nhạc với mình, Eléonore Breuning, tình của ông lần này vẫn là một mối

ình cảm, tình đơn-phương, chỉ yêu và không được yêu trả. Eléonore Breuning lấy Wegeler, một người mà trước kia đã có lần được nghe Beethoven kể về tâm-tình của mình, chính vì vậy mà sự gây rối của mối tình này đã để lại một vết thương sâu đậm trong lòng nhà nghệ-sĩ sầu muộn đó. Niềm đau khổ của ông lúc này đã âm hóa thành bản nhạc **Sonate facile en ré**.

Những thiếu-nữ xa-lánh ghé-tôm Beethoven, xem ông như là một dị-nhân. Chẳng thế mà Magdalena Wilman, con gái của một nữ nhạc-sĩ đàn vĩ-cầm, khi nghe Beethoven ngộ ý muốn cưới nàng làm vợ, đã phá lên cười một cách tàn-nhân trước mặt ông.

Năm 31 tuổi, Beethoven yêu nồng-nhiệt một thiếu-nữ 17 tuổi, Giuletta Guicciardi, lần yêu này đã có một mãnh-lực thiêng-liêng thúc đẩy ông tác-tạo nên bản nhạc nổi tiếng: **Sonate au clair de lune**. Tuy nhiên dầu mến chuộng tài-tình của Beethoven, Giuletta Guicciardi vẫn không thể quên được cái thân-thể tật-nguyên và vẻ mặt xấu-xí của «chàng Trương-Chị» ấy. Dăm lên nỗi niềm tha-thiết của nghệ-sĩ, thiếu-nữ xuống thuyền sang ngang, bên kia bờ một bà-tước cao sang đang đứng đợi, đó là Robert Gallembier.

Năm 1806 lần đầu tiên, một thiếu-nữ trẻ đẹp **Thérèse de Brunswick** bằng lòng đính hôn với Beethoven. Có lẽ điều đó là một nguồn an-ủi vô-về êm-ái nhất đối với cuộc đời tăm-tối của ông. Tài hoa của Beethoven trong giai-đoạn này có thể ví như một đóa hoa đẹp, gặp nắng mưa thuận tiện nên vội-và lên hương. Chính Thérèse đã phớt nhẹ màu hồng êm-dịu lên một màu đen dày đặc của đời ông. Trong thời-gian này ông sáng tác rất nhiều và những nhạc-phẩm được ra trong giai đoạn ấy đều được mang những tiết-tấu đặc-biệt, dịu-dàng thanh thoát. Tác-phẩm **Rêveuse et fantastique sonate** là kết-tinh của mối tình đầm-thắm thơ-mộng của Beethoven với Thérèse. Trên quyển sách dán ảnh của Thérèse người nghệ-sĩ đa-tình ấy cũng nắn-nót ghi lại những **Variations** cung ré để tặng người yêu. Tác-phẩm **Sonate Appassionata** cũng được ra đời trong thời-kỳ này để riêng tặng người anh của Thérèse. Nhắc đến những nhạc-phẩm của Beethoven không ai có thể quên được bản **Symphonie thứ 6** cung fa majeur tức là bản **Symphonie Pastorale** (Chính André Gide đã lấy tên của bản nhạc này để làm đầu đề cho một tác-phẩm nổi tiếng của

mình). Với bản Symphonie thứ 6 này Beethoven đã gạt lọc được tất-cả những gì trong sáng nhất của đất trời và đồng thời cũng để lại trong đó những nét thư-thả hiền-hòa nhất của đời mình vậy.

Nhưng nếu Beethoven lấy Thérèse và sống yên lành để toại hưởng hạnh-phúc thì có lẽ đời ông không còn là một bản ngâm-ngùi tha-thiết nữa. Người ta không tìm ra căn-có tại sao nhưng chỉ biết rằng mối tình giữa Beethoven và Thérèse chưa kịp đi đến hôn-nhân thì đã tự-nhiên tan vỡ. Từ đấy có thể xem sự sống của Beethoven như một đêm dài tối ám. Beethoven lúc bấy giờ là hiện thân của một cuộc đời cô-độc. Tuy nhiên, suốt đời ông nếu có

một người đã thành-tâm thương mến ông thì phải nói đến người mẹ sớm mất của ông: Maria-Magdalena. Người đàn-bà ấy qua đời đã khiến Beethoven khóc lên như một đứa trẻ mồ-dại. Từ khi mẹ mất, những mối tình gây rối cũng liên-tiếp đến dày vò tâm-hồn Beethoven, vết thương lòng mỗi ngày một thêm loang-lổ. Sau hết Beethoven chỉ còn biết tìm nguồn an-ủi của mình bằng nhạc-cảm, trong đêm tối, ngoài mưa lạnh để rồi gục ngã bên hè phố tồi-tàn, không mấy ai biết đến. Thân-phận Beethoven lúc sinh thời là thế, vậy mà khi nghe tin ông chết đi, (26-3-1827) thiên-hạ đến thăm viếng và đưa đám, mua-mai thay, có đến ba vạn người!

★ LA BICYCLETTE DE MOI.

Giờ dịch văn pháp Giáo-sư hỏi:

— «Chiếc xe máy của tôi» tiếng Pháp kêu là gì?

Tý vội đứng lên trả lời:

— Dạ «Ma bicyclette».

— Bien.

Sau khi giáo-sư bảo tất cả học-sinh lập đi lập lại câu ấy nhiều lần, chợt ông thấy ở bàn cuối cùng, trò Meo đang lơ đãng nhìn dẫu dẫu.

— Meo, tiếng Pháp kêu «chiếc xe máy của tôi» là gì?

— (lính quính nói ầu) Dạ, «La bicyclette de moi» ạ

Cả lớp cười ồ. (trong lúc thầy giáo cho Meo con zéro trong sổ ghi điểm.)

M. Q. H (Tân-châu)

ĐÂY XỨ LÀO *thơ mộng*

☆ Cửa HOÀNG-THĂNG



Phụ-nữ Lào thành kính dâng thức ăn cho các vị Sư.

(Tiếp theo P.T. số 7)

☆ MÌNH TÂY ĐÍT LÀO.

ĐÀN ông những người luống tuổi đều trở chậm khắp người và trong những ngày hội họ quần cái "sà-roong" sắc-sỡ vắt ngược đặt vào lưng trông như một cái quần rộng,

trên thì mặc cái áo tây trắng.

Các bà già khi đã đứng tuổi đều húi tóc ngắn.

☆ ĐẠO PHẬT.

Lào là một nước sùng đạo Phật nên đa số dân chúng đều là ngườiạo đầu ở chùa trong một thời-gian.

Các nhà sư đều mặc áo vàng, để hở một bên vai và cánh tay.

Tu ở đây không ăn mặc kham-khở như các nhà chùa bên nước mình. Tu ở đây sống một đời sống dăng-hoàng, lúc nào cũng có sẵn-sàng những đệ-tử thành kính dâng các món quà ngon lạ.

Buổi sáng, các nhà sư tụ-tập thành từng đoàn ở ngoài phố, xếp hàng một, trong tay cầm một cái bình đồng bọc nhung thêu mà nhà sư để giấu trong tà áo. Dân phố trông thấy bóng nhà sư đi ở xa xa, đã vội-vàng đem xôi và thức ăn ra ngồi ở lề đường, bỏ dép ngồi xếp xuống và chờ các nhà sư đi qua tiếp nhận các món ăn thường nhật. Họ kính-cần ngắt từng nắm xôi bỏ vào từng bình một của nhà sư, lần lượt hết người này đến người khác. (2 xem hình)

Có những chùa ở một vài làng phải sẵn một chú tiểu đến đầu làng gõ vào một miếng tre treo ở gốc cây thế là dân chúng khi nghe tiếng hiệu kéo nhau ra ngồi xếp hàng chờ nhà sư đến tiếp nhận thức ăn mang về sau khi đọc đăm cầu niệm.

Dân chúng kính trọng các nhà sư vô cùng, nhất là đàn-bà con gái. Đi đường, họ thấy nhà sư họ ngồi xếp xuống bên đường, mặt quay đi chỗ khác hoặc cúi gằm mặt

xuống, tay chấp trước ngực chờ cho nhà sư đi qua mới dám ngừng đầu đứng dậy.

Muốn tỏ sự sùng bái cùng chùa, thỉnh-thoảng dân chúng tự động sắm ô, quần áo, các thứ đồ dùng thường ngày để vào cái kiệu làm bằng bẹ chuối, khiêng đến chùa dâng. Chung quanh cái ô (dù) mở sẵn, hoặc là con voi giấy, con rùa giấy, họ dính các tờ giấy bạc mới t. anh, chưa gấp nếp. Họ có thể biếu nhà sư một cái giường với đủ màn, chăn, đệm, như là lễ của nhà trai trao cho nhà gái trong một đám rước dâu của Tàu.

Ngày rằm, mừng một, nhà sư ngồi trên ghế hình dáng cái kiệu, sơn son thiếp vàng rồi mở sách đọc kinh giảng cho các đệ-tử nghe.

Người Lào có tục lệ buộc chỉ cò tay để chúc nhau, chúc kẻ đi người tới những sự may mắn. Dân Lào cũng như phần đông các dân tộc sùng đạo Phật ở miền Nam-Á, họ hỏa táng những kẻ chết, sau đó lấy x.ơng bỏ vào bình đem chôn vào tràng Tháp.

☆ Những ngày Hội (Bun) liên tiếp

Bun có nghĩa rất rộng, nó có thể là một hội hè lớn, là một cuộc vui, cuộc buồn hay giỗ cúng.

Trong những ngày hội hoặc ở nhà có chuyện vui, buồn là có đánh bạc. Vui vì trong nhà có người sinh-nở, hàng xóm kéo nhau đến đánh bạc chia vui cùng chủ nhà để chủ nhà hưởng ít tiền hồ mua sửa cho trẻ. Buồn để mở sòng bạc chia buồn với chủ nhà có người thân mới mất. Họ đánh bạc ngay gần cạnh cổ quan-tài (cổ hòm) để cầu may trong cuộc đồ đen. Nếu không đánh bạc đã có đám tuồng, chèo múa diễn để khán-giả đến xem mua vui, chia buồn cùng chủ nhân.

Sau mùa mưa, sáu tháng liền của mùa nắng ở Lào là những ngày thần tiên với những Bun liên tiếp đêm này sang đêm khác. Trong những Bun, những cuộc vui cũng kém vui nếu thiếu các bàn tài xiu của các Hoa-kiều mở từng dãy bàn dài. Các trẻ em 9, 10 tuổi cũng rē khách chơi, chen vai thích cánh cùng các ông già, bà lão, các nàng Phù-Sao.

Trong những ngày Bun ở chùa là nơi hẹn-hò của những mối tình chớm-nở, là dịp để các chùa làm dồi dào công quỹ.

Ở cổng chùa là năm ba Lào nướng tức trực như là ở cổng các chợ phiên để chờ gần huy-hiệu. Nhưng ở đây huy-hiệu là vài bông hoa và một cây nến nhỏ quán

trong một mảnh lá chuối. Nếu nâng cầm vào túi bạn, cố nhiên bạn phải bỏ tiền theo sự hảo-tâm của bạn vào cái hộp đựng tiền của một nàng khác cầm nơi tay.

Nếu hoa tươi thì còn hạ giá vì hoa giấy do tay các nàng làm sẽ phải mắc tiền hơn. Đó cũng như là cái vé vào cửa vì nếu các bạn đi quanh-quần trong sân chùa lỡ gặp một vài nàng «đi tuần» bắt gặp bạn chưa có hoa tùy thân thì các nàng không đợi bạn kịp lần tránh đã sẵn đến với nụ cười rất tươi trên đôi môi đỏ mọng, cầm hoa vào túi bạn ngay và chờ sự phản ứng của bạn (nghĩa là móc túi lấy tiền bỏ vào hộp).

Những cây nến đó, bạn có thể đem châm lửa rồi cầm vào mấy cái tháp ở sân chùa là nơi mộ các vị sư. Lửa sáng rực từ chân tới ngọn tháp lấp-lánh như là sao.

Bạn có thể nhập vào đám rước quanh chùa. Đi trước là các vị sư vừa đi vừa tụng niệm, theo sau là dân chúng tay cầm nến đốt sáng. Rước như thế chừng nằm vòng rồi mọi người gần nép vào gỗ tường chùa. Những ngọn lửa nhỏ đó chiếu sáng rực cả vòng quanh chùa và phản chiếu lên mái chùa những ánh sáng mờ tỏ trong đêm khuya trông thật là huyền-ao.

Gọi là đi Hội nhưng đa số dân

chúng cốt để đến đánh bạc hoặc ăn quà và nói chuyện yêu đương.

Từ cổng chùa tới sân chùa, hai bên là hai dãy dài hàng quà mà trên mâm quà chỉ có vài chai nước ngọt giải khát, một vài chùm mía tước vỏ, cắt từng khúc nhỏ cầm vào mấy cái que nửa hoặc là một chai rượu và mấy miếng thịt khô nướng, hoặc mười tám Khẩu lam.

Mỗi hàng có một ngọn đèn trông xa như một ngày hội hoa-dăng. Quay quanh là các chàng trai ngồi ném quà và hân huyên cùng các cô gái bán hàng cho tới tận đêm khuya. Đó cũng là dịp để các nàng tăng giá không điều kiện. Giữa đêm khuya lạnh lạnh, họ thổ-lộ tâm-tình một cách thần nhiên.

Đa số các cô bán hàng đều đi xe đạp, thúng quà buộc chặt ở poóc-ba-ga. Xe đạp đối với họ là một phương tiện giao-thông duy-nhất để vận chuyển, cho nên trong các ngày Hội, các bạn sẽ ngạc nhiên thấy những dãy dài xe đạp dựng ngược bánh đề sau các hàng quà bánh của các nàng.

☆ **Nhảy đầm.. Lào hay là vũ điệu Lam-Vông.**

Ngoài những hàng quà bánh, những bàn tài xiu, tôm, cua, cò, cá ra, còn có " món " đặc biệt : nhảy

đầm Lào tức là vũ điệu Lam Vông, một điệu nhảy phổ thông của người Lào.

Bạn muốn nhảy, xin mỗi bạn mua vé có 10 kíp thôi. Vũ nữ đa số là người Xiêm, nhiều cô rất đẹp. Sau khi mua vé bạn vào chọn một vũ nữ nào đó, đưa vé cho nàng rồi mới nhảy.

Toe! một tiếng còi nổi lên. Tất cả đều ra sân nhảy hình tròn dựng cao hơn mặt đất non hai thước, khách xem đứng bao phía ngoài. Tất cả nhảy theo nhịp âm nhạc lốc bốc soảng. Bạn chỉ cần uốn tay rồi đi hoặc rún-rẩy co chân cho nó uyển chuyển, nhịp nhàng và đi vòng tròn quanh sân nhảy chỉ rộng hơn cái vòng mô-tô bay và cứ thế đều đặn trong vòng 10 hay 15 phút rồi... toe! tiếng còi nổi lên, thế là hết giá trị 10 kíp rồi.

Mỗi lần nhảy như thế có tới hai mươi cặp, nhảy sít sít vào nhau. Nhảy như thế nhưng đôi trai gái có bao giờ được ôm nhau đâu. Bạn bước đi, bạn lùi xuống, bạn tiến lên, dơ chân múa tay đối diện cùng vũ nữ. Tuy vậy nếu bạn chú ý đến âm-nhạc quá, bạn có thể sẽ lạc mất vũ nữ (!) đấy.

Có nhiều chàng trai chơi quẩy, họ bước nhanh như đảo bước để đòi cho nhau vũ nữ, còn các nàng

vẫn thản nhiên, dịu dàng uốn éo đi. Nếu đứng lại bạn sẽ bị đồng người ở sau lưng tiến lên, xô đẩy bạn đi và như thế là bạn cũng đang nhảy đó.

Vũ điệu Lam-Vông là một điệu nhảy phổ-thông, bình - dân nên một cậu bé 10, 11 tuổi khi đề dành được 5, 10 kíp cũng có thể mua vé vào nhảy với một vũ nữ cao gấp đôi cậu hoặc một chàng trai mặc áo rách, quần đùi, đi đất

cũng có thể vào nhảy được.

Một đôi khi vũ nữ giật bắn người lên như bị ong đốt thì ra người bạn nhảy của nàng vì vô tình hay cố ý (!) cẩu vào móng nàng. Tuy vậy cũng không có gì là quan trọng và âm-nhạc vẫn rền theo nhịp bước.

Nhảy như thế hết bài này sang bài khác, có thể kéo dài từ chập tối cho tới 2, 3 giờ khuya.

(Còn nữa)

★ BẦY HEO SẺ LỚN LÊN.

Tôi đang lái chiếc Standard. kiểu thể-thao, chạy ngon lành trên đường lộ Saigon — Tây-Ninh gần đến Gò-dầu thì tôi bắt buộc phải ngừng xe lại. Đường bị cản : một đám heo con từ một lỗ rào của một trại chăn nuôi chạy ra đây đường. Tôi ngo xung quanh thì thấy một bác què ngồi trên cỏ đang hút thuốc trông rất vô tư.

Giận quá, tôi chạy lại hỏi người ấy :

- Anh còn đợi gì mà không sửa cái rào của anh lại. Anh cứ thấy mấy con heo anh chạy ra đây đường làm cản trở sự giao-thông và có thể gây ra tai nạn nữa không ?

Thản nhiên và bình tĩnh bác què đáp :

- Sửa chi cho mệt ! đề như vậy cũng được rồi. . . trong vài tuần nữa mấy con heo tôi sẽ lớn, và chừng đó sẽ không có con nào chun ra khỏi rào được nữa !

HẢI-PHƯƠNG

★ VỢ CHỒNG.

Thằng Bông, 6 tuổi, hỏi con Hường, cũng 6 tuổi :

- Mai sau mày có chịu lấy tao làm chồng không ?
- Không được đâu mày à. Ở gia-đình tao, người ta chỉ cưới những người ở chung một nhà thôi : ba tao cưới mẹ tao, cậu Bảy tao cưới mẹ Bảy, anh Hai tao cưới chị Hai.. Còn mày là thằng Bông, tao là con Hường, làm sao thành vợ chồng được ?

HÀN-MẠC-TỬ

★ Cửa ĐÌNH-XUÂN-HÒA

(Tiếp theo P.T. Số 7)

MÀN HAI

(Căn giữa một nhà tranh, vách đất ở làng Gò-bồi, cách Qui-nhơn 15 cây số, nơi Hàn-Mạc-Tử mượn đề ở, sau khi bị bệnh hủt, vào khoảng năm 1937.

Căn nhà dùng làm phòng khách, có cửa vào buồng trong để xuống bếp và cửa thông sang hai bên. Hai cửa ra vào ở bên trái và bên phải.

Cuối căn nhà kẻ bộ ván mộc, đã cũ. Bên ngoài là bộ trường-kỷ bằng gỗ thường, kiểu quê mùa. Trên bàn có điều ồng và chồng sách thuốc chữ Hán của ông lang đang điều-trị cho Hàn-Mạc-Tử.

Trên vách, ở giữa, mành cây thánh-giá và tấm hình đức Mẹ.

Cảnh nhà tranh vách đất và đồ-đạc sơ-sài trong nhà chứng-tỏ sự nghèo-túng của Hàn-Mạc-Tử sau khi đã tiêu-pha khá nhiều về thuốc-thang).

Lớp I

(Bà Nguyễn-thị-Duy, thân-mẫu của Hàn-Mạc-Tử đang cầm chổi lông quét bộ ván thì Vũ-Hùng mặc bộ shantung, đeo cravát ra).

Hùng — Chào Cụ. Cụ còn nhớ cháu không ạ ?

Bà Duy (ngờ-ngợ) — Cậu Vũ-Hùng phải không ?

Hùng — Vâng. Chính cháu.

Bà Duy — Trông cậu khác trước nhiều nên mãi tôi mới nhận ra. Nghe nói lúc này cậu đang chủ-trương một tờ tuần-báo ở Sài-gòn.

Hùng — Vâng Nghĩa là cháu đã có chỗ viết lách, không

đến nỗi thất nghiệp như năm ngoái. Được tin anh Trí đau, nhiều lần cháu muốn ra thăm mà đến nay mới đi được.

Bà Duy — Cậu có lòng nghĩ tới em nó như vậy thật đáng quý. Nhưng làm cách nào cậu biết em nó ở đây ?

Hùng — Cháu ra Qui-nhơn, lại đăng nhà hỏi nhưng ngoài nhà cứ giấu mãi.

Bà Duy — Ấy, từ ngày mắc bệnh phong, em nó không muốn cho ai gặp mặt nên về đây để xa lánh mọi người.

Hùng — Thưa, anh Trí đã mắc bệnh trong trường-hợp nào ?

Bà Duy — Cuối năm ngoái, sau khi đi Đà-lạt, Huế, em nó trở về Qui-nhơn để sửa soạn đi Sài-gòn thì bỗng nhiên em nó thấy trong người bứt-rứt khó chịu, rồi da thịt nổi mụn ở nhiều nơi. Tôi tưởng là chứng phong do gan yếu sinh ra nên chỉ chạy chữa qua loa cho em nó. Nhưng về sau những mụn ấy lở-lói và nhức-nhối vô cùng. Biết mình đã mắc bệnh hủi, em nó nói với tôi về đây mượn nhà ở, để khỏi lây sang người khác.

Hùng — Bệnh-trạng của anh Trí lúc này ra sao ạ ?

Bà Duy — Tôi lo cho em nó quá ! Bệnh lúc tăng, lúc giảm. Thuốc men thì hết chạy thầy này lại lo thầy khác. Được cái, em nó rất chịu khó uống thuốc, chẳng bao nhiêu cũng cần răng uống. Nhiều lần thuốc công-phạt, làm mờ cả hai mắt, có lần làm cho em nó chết đi sống lại.

Hùng — Tội nghiệp anh Trí !

Bà Duy — Trông thấy em nó bị bệnh-tật hành-hạ, tôi đau lòng quá ! Bao nhiêu tiền dành-dụm, tôi đã đem hết ra chạy thầy, chạy thuốc. Hiện thời, trong nhà cũng có một ông lang đang điều-trị cho em nó Kìa, ông lang đã về. (*Ông lang cầm thang thuốc ra*).

LỚP II

Bà Duy — Đây là cậu bạn từ Sài-gòn ra thăm cháu nó.

Ông Lang — Quý-hóa quá ! Xa-xôi như vậy mà ông cũng cắt công ra thăm ông Trí.

Hùng — Chúng tôi là bạn thân của ông ấy.

Ông Lang — Hèn chi ! (*với bà Duy*) Thang thuốc bữa nay tôi đã thay đổi một vài vị. Cụ sắc rồi cho ông Trí uống xem ra sao.

Bà Duy (*với Hùng*) — Cậu ngồi chơi. Tôi cho thuốc vào siêu rồi sẽ ra ngay.

Hùng — Vâng.

(*Bà Duy vào. Ông lang kéo điếu ống hút thuốc*).

LỚP III

Hùng — Bệnh của ông Trí có hy-vọng khỏi hẳn không, ông ?

Ông Lang — Xưa nay phong, lao vốn là những bệnh nan-y. Nhưng nhờ có vài phương thuốc bí-truyền, tôi đã từng trị dứt bệnh phong cho nhiều người. Riêng với ông Trí, tôi đã hết sức điều-trị nhưng kết-quả chưa rõ-rệt.

Hùng — Bệnh phong chắc đã làm cho ông Trí giảm sức đi nhiều ?

Ông Lang — Có lúc bệnh ăn vào gân cốt làm cho ông Trí rên-xiết đau-đớn vô cùng. Sự đau-đớn ấy đã khiến cho ông ấy viết ra những câu thơ thật là ai-oán.

Hùng — Bị bệnh-tật dày-vò như vậy, chắc lúc này ông Trí ít làm thơ ?

Ông Lang — Ấy, điều-đứng vì cái tật hay làm thơ đấy, ông ạ. Mỗi lần làm thơ là một lần đau-khò cho ông ấy. Có khi làm xong bài thơ, ông ấy mệt lả đi, có lần mệt quá đến nỗi chết giấc. Bà cụ thân-sinh ông ấy can-ngăn không được, phải nhờ người quen, nhờ cả tôi khuyên ông ấy đừng làm thơ nữa. Để trả lời những điều khuyên-lơn của tôi, ông ấy viết ngay bài thơ «Rướm máu».

Hùng — Bài ấy đại ý ra sao ?

Ông Lang — Với bài «Rướm máu», ông Trí ngụ ý dù làm thơ phải đau-đớn ngắt-ngự hay mê-man bất tỉnh cũng cứ để ông ấy làm, đừng ngăn-cản nguồn thơ của ông ấy.

Hùng — Ông Trí là một thi-sĩ, không may mắc phải chứng bệnh hiểm-nghèo, làm thơ, ngâm thơ là nguồn an-ủi duy-nhất của ông ấy.

Ông Lang — Nhưng ham mê làm thơ để đến nỗi ngắt-ngự bất tỉnh, để bệnh tật được dịp hành-hạ xác-thân thì thật là khờ-dại. Cũng vì vậy, mấy bữa nay, bệnh của ông Trí lại đột-khởi dữ-dội hơn trước. Hy-vọng của tôi chưa lành bệnh cho ông ấy đã giảm dần. . .

(*Bà Duy bưng khay nước ra*).

LỚP IV

Hùng (*với bà Duy*) — Cụ đã

sắc thuốc cho anh Trí ?

Bà Duy — Tôi vừa chắt xong nước thứ nhất. (*đặt khay nước trên bàn*) Ông lang và cậu đừng nước.

Ông Lang — Thang thuốc bữa nay, tôi có thêm ít vị đắng hơn mấy thang trước. Cụ nói với ông Trí hãy rán uống cho mau hết bệnh. Bữa nay, xin phép Cụ tôi về thăm nhà (*ôm chồng sách trên bàn tới bộ ván*).

Bà Duy — Ông hãy ở lại ít bữa cho cháu uống mấy thang thuốc mới xem sao.

Ông Lang (*xếp sách vào gói*) — Tôi đã để sẵn đơn ở hiệu thuốc. Mỗi ngày Cụ nhớ ra lấy một thang sắc cho ông Trí uống. (*xách gói quần áo*) (*với Hùng*) Ông ở lại nói chuyện với ông Trí.

Hùng — Vâng.

Ông Lang (*với bà Duy*) — Chào Cụ.

Bà Duy — Chào ông. Ít bữa nữa, ông trở lại thăm bệnh cho cháu.

Ông Lang — Vâng.

(*Bà Duy tiễn ông lang vào rồi quay lại*).

LỚP V

Bà Duy (*chán-nản*) — Ông lang nào cũng chạy chữa ít lâu, thấy bệnh không thuyên-giảm lại bỏ đi.

Hùng — Thưa, trước ông

lang này đã có nhiều ông khác chữa cho anh Trí ?

Bà Duy — Ông này là ông thứ năm đấy cậu ạ. Ai mách ở đâu có thầy hay là tôi cũng cày-cục đi mời cho bằng được.

Hùng — Cầu Trời cho anh Trí sau này gặp thầy gặp thuốc (*Có tiếng một nhọc của Hàn-Mạc-Tử ở trong buồng hỏi ra : “ Ai ở ngoài ấy, hả mẹ ? ”*)

Bà Duy (*quay lại :*) — Cậu Hùng ở Sài-gòn ra thăm, con đấy.

(*Hàn-Mạc-Tử tóc rối bời mặc quần áo trắng đã cũ và nhàu nát. Ở gò má, ở cằm Hàn-Mạc-Tử đã nổi lên vài mụn lở-lói của bệnh hủi ; hai bàn tay đã trở nên sần-sùi, kích-cộm. Hàn-Mạc-Tử nặng-nề, vịn cửa, bước ra.*)

Lớp VI

Bà Duy — Cậu Hùng ngồi đợi con từ lúc này.

Hàn-Mạc-Tử (*bước tới*) — Hùng ra thăm tôi đấy à ?

(*Hùng bước tới bắt tay bạn.*)

Hàn-Mạc-Tử (*giơ bàn tay sần-sùi cản lại :*) — Đứng ! Bệnh hủi là một bệnh truyền-nhiễm, rất có thể lây sang Hùng !

Bà Duy — Con ngồi tiếp chuyện cậu Hùng, mẹ vào coi chừng siêu thuốc.

Hàn-Mạc-Tử — Vâng.
(*Bà Duy vào.*)

Lớp VII

Hùng — Các bạn ở Sài-gòn nghe tin Trí mắc bệnh đều ngạc-nhiên, không tin là thật.

Hàn-Mạc-Tử — Bây giờ thì Hùng đã tin rồi chứ ? Mặt mũi tôi sần-sùi. Chân tay tôi lở-lói. Hình-hài tôi đã trở nên ghê-tởm. Bây giờ thì tôi tự coi là một phế-nhân, bị xã-hội loài người ruồng-bỏ, ghê-sợ...

Hùng — Không, người đời không ruồng-bỏ Trí, trái lại, vẫn nhắc nhở đến Trí luôn. Thơ của Trí càng ngày càng được độc-giả chú ý. Rất nhiều người đã viết thư về tòa báo hỏi đến tác-giả. Mấy tháng trước một người đã đích thân đến tòa-soạn hỏi thăm Trí.

Hàn-Mạc-Tử — Hỏi thăm tôi ?

Hùng — Phải. Một thiếu-phụ ?

Hàn-Mạc-Tử — Một thiếu-phụ ?

Hùng — Tôi ra thăm Trí một phần cũng vì người ấy.

Hàn-Mạc-Tử — Sao lại vì người ấy ?

Hùng — Thiếu-phụ ấy muốn được gặp Trí.

Hàn-Mạc-Tử — Không. Không thể được ! Cứ để cho độc-giả đọc thơ tôi và đừng cho họ gặp mặt tôi. Nhìn thấy những mụn lở-lói của tôi, họ sẽ ghê-sợ thơ tôi như ghê-sợ bệnh hủi của tôi vậy.

Hùng — Thiếu-phụ mà tôi vừa nói đã được Trí tặng tập « Gái quê » và đã tới đây nhiều lần nhưng đều bị Trí từ-chối không cho gặp mặt.

Hàn-Mạc-Tử — Tên nàng là gì ?

Hùng — Biệt-hiệu của nàng là Mai-Đình.

Hàn-Mạc-Tử — Phải, Mai-Đình đã tới đây ba lần. Ba lần tôi đều ngồi trong buồng này ngâm thơ cho nàng nghe và nhất định không cho nàng thấy tôi.

Hùng — Gặp tôi ở Qui-nhon, Mai-Đình khăn-khoăn nhờ tôi nói với Trí hãy ra ngoài này nói chuyện với nàng, đừng để bức vách kia phân cách hai người nữa.

Hàn-Mạc-Tử — Được, tôi sẽ ra ngoài này... Nhưng nàng phải bịt mắt lại và nàng phải thề suốt trong thời-gian nói chuyện không được ỉm cách nhìn trộm tôi.

Hùng — Tôi sẽ nói với Mai-Đình là Trí bắt buộc như vậy (*đứng lên*).

Hàn-Mạc-Tử (*sợ-hãi nhồm dậy*) — Mai-Đình ở ngoài cửa ?

Hùng — Không. Nàng đợi ở đầu ngõ. Tôi ra cho Mai-Đình biết những điều-kiện của Trí (*vào*).

(*Hàn-Mạc-Tử nhìn theo Hùng rồi vội-vàng bước vào phòng. Một lát sau, Hùng và Mai-Đình ra.*)

Lớp VIII

Hùng — Chị ngồi đây và hãy lấy khăn bịt mắt lại.

(*Mai-Đình ngồi vào ghế, lấy khăn ra bịt mắt.*)

Hùng — Chị nhớ đừng tìm cách nhìn anh ấy trong lúc nói chuyện.

(*Mai-Đình gật đầu. Hùng ngó về phía cửa phòng của Hàn-Mạc-Tử rồi vào. Hàn-Mạc-Tử từ từ bước ra, cảm-động nhìn Mai-Đình rồi ngồi vào bộ ván.*)

Lớp IX

Hàn-Mạc-Tử (*nghe ngào*) — Mai-Đình lại đến thăm tôi đấy à ?

Mai-Đình — Vâng. Em lại đến thăm anh và lấy khăn bịt mắt như ý anh muốn.

Hàn-Mạc-Tử — Mai-Đình hiểu cho nỗi khổ-tâm của tôi. Nỗi khổ-tâm của một người mà hình-hài đã làm cho người khác phải ghê-sợ.

Mai-Đình — Nếu ghê-sợ thì em đã chẳng trở lại với anh... Anh đã cương-quyết không cho em thấy mặt thì anh hãy đọc thơ cho em nghe vậy.

Hàn-Mạc-Tử — Đây là bài « Sầu vạn cổ » tả rõ nỗi buồn man-mác của tôi (*đọc*) :

« Lòng ta sầu thảm hơn mùa
lạnh,

« Hơn hết u-buồn của nước mây,

« *Của những tình-duyên thương
lỡ-dở,*
« *Của lời rên-xiết gió heo may,*
« *Chota nhận lấy không đến
đáp,*
« *Ơn trọng thiêng-liêng xuống
bởi trời,*
« *Bằng tiếng kêu gào say chếnh
choáng.*
« *Bằng tim, bằng phổi sống như
sôi.*
« *Và sóng buồn dâng ngập cả
hồn,*
« *Lan tràn đến bến mộng tâm-
hồn,*
« *Khóc cười nước-nở nơi đầu
miệng,*
« *Là nghĩa, trời ơi, nghĩa héo
don.*

Mai-Đình (đọc lại giọng đầy
xúc-dộng) —

« *Lòng ta sâu-thâm hơn mùa
lạnh,*
« *Hơn hết u-buồn của nước
mây,*
« *Của những tình-duyên thương
lỡ-dở,*
« *Của lời rên-xiết gió heo
may ...*

thật là những lời kêu-rên thống-
thiết, xuất phát từ một trái tim u-
buồn, sâu-thâm ! Anh ạ !

Hàn-Mạc-Tử — Mai-Đình
muốn nói gì ?

Mai-Đình — Em đã cảm-
thông tất cả những nỗi cô-dơn,
buồn-nản mà bệnh-tật đã gieo rắc
vào tâm-hồn anh. Vì thế không

những em mong-mỏi được thấy
mặt anh, mà em còn ao-ước được
chia xốt những nỗi đau-khò của
anh nữa.

Hàn-Mạc-Tử — Những nỗi
đau khổ của tôi không thể chia-
xốt cho ai được.

Mai-Đình — Nếu có thể
được, anh cho phép em ở lại đây,
trông-nom, săn-sóc anh.

Hàn-Mạc-Tử — Không Mai-
Đình không nên nghĩ đến việc ấy.
Mai-Đình không thể sống ở nơi
hẻo-lánh này, với một người mắc
bệnh như tôi.

Mai-Đình — Em đã nghĩ kỹ.
Em nguyện sẽ từ bỏ tất cả để về ở
bên anh.

(*Hùng vọt-vàng ra*).

LỚP X

Hùng (lo-lắng) — Trí à !
Bà Bích-Liên tới thăm Trí !

Hàn-Mạc-Tử — Bích-Liên
nào ?

Hùng — Chị của Mộng-Cầm.

Hàn-Mạc-Tử — Hùng nói
giùm tôi không có nhà (*vọt-vàng
xuống bếp*)

Hùng (*với Mai-Đình*) — Chị
gỡ khăn ra. Mau lên.

(*Mai-Đình hấp-lấp gỡ khăn.
Hùng phải tháo nút giùm. Mai-
Đình giụi mắt, lảo-đảo đứng dậy*).

Hùng — Chị ra phía này, bà
Bích-Liên khỏi thấy.

(*Mai-Đình và Hùng vào.*

Bích-Liên ra).

LỚP XI

Bích-Liên (*hỏi lớn*) — Có ai
trong nhà không ?

(*Không có tiếng trả lời. Bích-
Liên bước tới thì bà Duy ở dưới
bếp lên*).

Bích-Liên — Ông Hàn-Mạc-
Tử có nhà không ạ ?

Bà Duy — Cháu nó vừa đi
khỏi.

Bích-Liên — Chừng nào ông
Hàn-Mạc-Tử mới về ạ ?

Bà Duy — Cháu nó đi không
nhất-định. Có khi chiều tối mới về.

Bích-Liên — Dù đến chiều tối,
tôi cũng phải đợi. Tôi từ Phan-
thiết ra đây chỉ có mục-đích là
được nói chuyện với ông Hàn-
Mạc-Tử. Thế nào tôi cũng phải
gặp ông ấy.

Bà Duy — Có việc gì bà cứ
cho biết. Tôi sẽ nói lại cho cháu
nó hay.

Bích-Liên — Cụ tha lỗi cho.
Việc hơi quan-hệ, chỉ có thể nói
riêng với ông Hàn-Mạc-Tử. Cụ
cho phép tôi ở đây đợi ông ấy.

Bà Duy — Mời bà ngồi. Tôi
vào trong nhà xem cháu nó đã về
chưa.

(*Bà Duy vào. Bích-Liên đi lại
nhìn căn nhà. Lúc Bích-Liên tới
cửa bên phải, xoay lưng lại thì
Hàn-Mạc-Tử ra*).

LỚP XII

Hàn-Mạc-Tử — Bà Bích-
Liên !

(*Thấy Hàn-Mạc-Tử, Bích-
Liên sợ-hãi, lùi lại*).

Hàn-Mạc-Tử — Bà thấy thân-
hình tôi lúc này đáng sợ lắm phải
không ?

Bích-Liên — Không. Tôi thấy
ông hơi khác trước.

Hàn-Mạc-Tử — Phải. Tôi
khác trước nhiều lắm. Tôi đã là
một người hủi như lời trong thư
tôi viết cho Mộng-Cầm. Mời bà
ngồi (*chỉ trường-kỷ*).

(*Bích-Liên bước tới ghế, nhìn
Hàn-Mạc-Tử rồi nhìn ghế,
không dám ngồi*).

Hàn-Mạc-Tử — Không bao
giờ tôi ngồi ở ghế ấy. Bà đừng
sợ lây bệnh, cứ việc ngồi.

(*Bích-Liên vẫn e-ngại, ngồi
ghế vào ghế*).

Hàn-Mạc-Tử — Mộng Cầm
lúc này vẫn mạnh, phải không bà ?

Bích-Liên — Em nó vẫn mạnh.

Hàn-Mạc-Tử — Bà ra đây
chắc đề nói về việc Mộng-Cầm và
tôi ?

Bích-Liên — Vâng. Đúng thế
... Mộng-Cầm đã yêu ông tha-
thiết, đã thương ông vì tài, mến
ông vì hạnh. Và, nếu tôi không
lầm thì ông cũng yêu Mộng-Cầm
một cách chân-thành.

Hàn-Mạc-Tử — Quả đúng như
lời bà nói.

Bích-Liên — Nhưng từ ngày ông mắc bệnh đến nay, thì... *(đứng lên đi lại)*.

Hàn-Mạc-Tử — Thì sao bà?... Mộng-Cầm đã thay đổi ý kiến?

Bích-Liên — Không. Mộng-Cầm vẫn yêu ông. Nhưng là bậc anh chị, tôi có bổn-phận phải lo lắng cho tương-lai em nó.

Hàn-Mạc-Tử — Nghĩa là muốn ngăn-cản không cho Mộng-Cầm nghĩ đến tôi.

Bích-Liên — Chắc ông cũng hiểu: em tôi không thể chôn-vùi đời sống tươi-trẻ của nó ở nơi cô-quạnh này. Em tôi cũng không thể sống với một người bệnh-tật như ông.

Hàn-Mạc-Tử — Vâng. Tôi hiểu. Bà khỏi cần nhắc nữa. Tôi đã đề-nghị với Mộng-Cầm xóa-bỏ những lời hẹn-ước cũ.

Bích-Liên — Tôi biết ông không phải là người ích-kỷ, muốn cột chặt em tôi vào đời sống bệnh hoạn của ông. Nhưng mỗi lần ông viết thư cho em tôi, thì...

Hàn-Mạc-Tử *(đứng lên)* — Thì sao, hờ bà?

Bích-Liên — Thì nét chữ run rẩy của ông, lời thơ réo-rắt của ông lại làm cho em tôi xúc-dộng, không thể quả-quyết được.

Hàn-Mạc-Tử — Quả-quyết đề làm gì, bà?

Bích-Liên — Quả-quyết đề... quên ông.

Hàn-Mạc-Tử — Nghĩa là bà muốn tôi không viết thư cho Mộng-Cầm nữa?

Bích-Liên — Vâng. Nếu quả thực ông thương em tôi và quả thực ông muốn cho em tôi có một tương-lai tốt đẹp.

Hàn-Mạc-Tử — Không thương Mộng-Cầm, không muốn cho Mộng-Cầm xóa-bỏ những lời đính-ước xưa kia. Nhưng... viết thư cho nhau thì có gì là nguy-hiêm cho tương-lai Mộng-Cầm mà bà phải cấm- đoán? *(ngồi xuống)*.

Bích-Liên — Ông Hàn-Mạc-Tử à! *(ngồi vào ghế)* Có lẽ tôi phải nói thật với ông một điều.

Hàn-Mạc-Tử — Bà cứ nói.

Bích-Liên — Ít tháng nữa, Mộng-Cầm sẽ làm lễ thành-hôn với một người khác.

Hàn-Mạc-Tử *(tái người, từ từ đứng lên)* — Mộng-Cầm sẽ đi lấy chồng!

Bích-Liên — Vâng *(đứng lên đi lại)*. Đáng lẽ tôi không nên cho ông hay điều ấy, những chuyện đã như vậy không thể tránh được. Ông không nên trách Mộng-Cầm là tệ-bạc vì không phải lỗi tại em ấy.

Hàn-Mạc-Tử — Vâng. Không phải lỗi tại Mộng-Cầm... Tại

tôi... Tại bệnh hủi của tôi... Nhưng, Mộng-Cầm sẽ đi lấy chồng, bà còn kiếm tôi làm gì?

Bích-Liên — Đề ông đừng viết thư cho Mộng-Cầm nữa.

Hàn-Mạc-Tử — Tôi hiểu rồi. Bà muốn tôi tuyệt-giao với Mộng-Cầm. Đề Mộng-Cầm quên hẳn tôi.. Đề Mộng-Cầm có thể yên tâm về nhà chồng.

Bích-Liên — Vâng.

Hàn-Mạc-Tử — Nếu chỉ vì thế thì tôi sẵn lòng không viết thư cho Mộng-Cầm nữa.

Bích-Liên *(ngồi vào chỗ cũ)* — Có thể như thế được không, ông?

Hàn-Mạc-Tử — Tôi sẽ giữ đúng như lời đã nói với Bà.

Bích-Liên — Tôi có thể tin ở lời ông nói trước khi ra về được không?

Hàn-Mạc-Tử — Bà cứ tin chắc như vậy. Từ nay đến ngày cưới, và có lẽ mãi mãi, tôi sẽ không bao giờ viết thư cho Mộng-Cầm nữa.

Bích-Liên *(đứng lên)* — Cảm ơn ông và chào ông *(vào)*.

Hàn-Mạc-Tử *(đứng vọt lên, gọi thất thanh)* — Bà Bích-Liên! *(Nhưng Bích-Liên đã đi hẳn. Bà Duy lo sợ chạy ra)*.

LỚP XIII

Bà Duy — Làm gì mà con gọi

lớn thế? *(một lát)*. Bà khách về rồi hả con?

Hàn-Mạc-Tử — Vâng.

Bà Duy — Bà ấy nói gì mà con xao-xuyến quá thế?

Hàn-Mạc-Tử — Bà ấy cho biết Mộng-Cầm sắp-sửa về nhà chồng.

Bà Duy — Bà ta nói như vậy?

Hàn-Mạc-Tử — Vâng.

Bà Duy — Người như thế mà bạc-béo! Thề-thốt đủ điều mà chưa được bao lâu đã nuốt mất lời thề!

Hàn-Mạc-Tử — Mẹ đừng trách Mộng-Cầm, tội nghiệp cho nàng

Bà Duy — Dù thế nào nó cũng phải đợi coi bệnh con ra sao đã chứ?

Hàn-Mạc-Tử — Bệnh của con thì đã rõ-ràng quá Từ cổ chí kim, chưa ai tìm ra phương thuốc trị được bệnh hủi. *(thọc tay vào túi, lấy ra bức thư)*.

Bà Duy — Con không nên thất-vọng. Thiếu gì người mắc bệnh hủi rồi sau cũng khỏi hẳn. Con hãy chịu khó uống thuốc, biết đâu sau này cũng hết bệnh như những người ấy. Đề mẹ vào lấy thuốc cho con.

(Bà Duy vào).

LỚP XIV

Hàn-Mạc-Tử *(coi bức thư)*

cầm trong tay) — Một trong những bức thư của Mộng-Cầm, con người phụ-bạc (độc) :

- « Rồi có khi nào trong phút giây.
- « Trăng lên khỏi núi, gió đùa mây,
- « Thì anh nên nhớ người năm nọ,
- « Xưa đã cùng anh sống những ngày . . .

(đọc thêm rồi ngừng lên) :
Lạy trời ! Mộng-Cầm đã phụ tôi, khi thấy tôi đau yếu, làm phải tai-nạn, nghĩa là Mộng Cầm đã phạm lỗi thề-thốt trên mảnh giấy này. . . Tôi lạy Trời xóa bỏ lời thề ấy, đừng hành-phạt Mộng-Cầm.

(Hàn-Mạc-Tử gục đầu vào bàn đau-khò, một lát sau, chống tay đứng lên, than-thở) :

- « Trời ơi, bao giờ tôi chết đi ?
- « Bao giờ tôi hết được yêu vì,
- « Bao giờ mặt nhợt tan thành máu,
- « Và khối lòng tôi cứng tợ si ?
- « Họ đã xa rồi khôn níu lại,
- « Lòng thương chưa đã, miễn chưa bừa. . .
- « Người đi một nửa hồn tôi mất,
- « Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ.

Thơ HÀN-MẠC-TỬ
(Bà Duy bưng bát thuốc ra).

LỚP XV

Bà Duy — Con hãy chịu khó uống thuốc cho mau hết bệnh.

Hàn-Mạc-Tử — Vâng. Mẹ nói đúng. Con phải uống thuốc cho mau hết bệnh. Chỉ còn cách ấy để cứu vãn đời con (nhét thư vào túi, đỡ chén thuốc, quả-quyết uống nhưng bỗng cau mặt, sợ hãi). Thuốc bữa nay có mùi gì là lạ, mẹ ạ.

Bà Duy — Phải. Ông lang mới đổi thuốc cho con.

Hàn-Mạc-Tử (nắm thử, nhăn mặt) — Sao đắng thế, hà mẹ ?

Bà Duy — Ông lang mới thêm một vài vị đắng hơn trước và dặn con hãy chịu khó uống.

Hàn - Mạc - Tử (do - dự rồi nhắm mắt uống một hớp) — Đắng quá, mẹ ơi ! (đưa tay vuốt ngược) Thuốc bệnh hay thuốc độc đây hả mẹ ?

Bà Duy — Thuốc đắng mới đã tật, con ạ.

Hàn-Mạc-Tử — Vâng. Thuốc đắng đã tật. Con phải uống. Dù đắng bao nhiêu con cũng phải uống (hớp thêm mấy hớp rồi ngừng lại, thở hồn-hồn, tay run-rẩy xuýt đổ chén thuốc. Bà Duy vội vàng đỡ lấy).

Hàn-Mạc-Tử (lảo - đảo tựa vào thành ghế, mắt trợn ngược, miệng rên-rỉ) : Đắng quá ! Đắng

vô cùng ! Đắng ghê-gớm ! (ôm cổ họng, nghẹn - ngào :) Cuống họng con hầu như tan rã rồi, mẹ ơi ! (gục đầu xuống nước-nở).

Bà Duy (nhìn con lo-sợ, rồi uống thử một hớp) — Trời ơi ! Đắng như thế này thì con tôi uống làm sao được !

Hàn-Mạc-Tử (ngừng lên) — Không ! Con phải uống ! Đắng bao nhiêu con cũng phải uống ! (bước tới).

Bà Duy (lùi lại) — Đề mẹ nói với ông lang cắt thang thuốc khác cho con.

Hàn - Mạc - Tử — Không. thuốc đắng mới đã tật, mẹ ạ ! Mẹ đưa chén thuốc cho con

Bà Duy (nhìn chén thuốc, nước-nở) — Trời ơi ! Thuốc đắng xé

ruột xé gan như thế này mà con tôi phải uống !

Hàn-Mạc-Tử (giật lấy chén thuốc) — Con phải uống ! Đắng bao nhiêu con cũng phải uống ! (nhắm mắt uống).

Bà Duy — Con ! Con !

Hàn-Mạc-Tử (tay run-rẩy, mắt trợn trừng) — Con phải uống cho mau hết bệnh ! (uống mấy hớp chót rồi buông tay, chén thuốc rớt xuống, bể tan. Hàn-Mạc-Tử lảo-đảo rồi ngã gục vào thành ghế, mồm há, mắt lơ-đờ, hơi thở hồn-hồn, nước mắt dàn-dụa).

Bà Duy (bước tới quỳ bên con, nước-nở) — Trời ơi ! Tôi nghiệp con tôi ! Tôi nghiệp con tôi ! (Màn hạ mau)



(Còn nữa)

☆ XE KHÔNG THĂNG

Một kỹ-sư Cầu-Cống người Pháp được chánh-phủ Pháp gởi sang Lào giúp việc mở mang và sửa chữa cầu-cống. Một bữa nọ viên kỹ-sư Pháp phải đi khảo sát 1 cây cầu bỏ hoang từ lâu nơi một phụ tá bồn xứ trên một đường núi nguy hiểm. Vừa lái xe xuống dốc, thỉnh lình người phụ tá Lào xin lỗi năm lấy tay viên kỹ-sư, lật ngửa bàn tay ông ra để xem xét một hồi lâu, rồi mỉm cười nói :

— Trên tay ông có đường vận mạng sống lâu. Vậy chúng ta có thể tiếp tục đi được.

Ngồi bên người phụ tá lái xe, viên kỹ-sư tò mò hỏi :

— Hồi nãy anh nói trên tay tôi có đường vận mạng sống lâu, câu ấy có ý nghĩa gì ?

Vui vẻ người phụ tá đáp :

— Vì xe không thăng !

GIẢI - THOẠI VĂN - CHƯƠNG

TRIỀU Mãn-Thanh, những quan to chức lớn phần đông là những phú - hào đất nết. Bọn này đều có những tùy viên thân cận giúp việc.

Một vị Tổng-đốc kia, cũng xuất thân hạng phú-hào kẻ trên nhưng phải cái tánh dốt hay nói chữ, luôn luôn tỏ ra mình văn-chương lịch-lãm. Có một nhà văn nọ có một bức họa tuyệt đẹp, trên vẽ con sông, một chiếc ghe, chông đi, vợ tiễn đưa, bờ sông có mấy hàng liễu và vài con chim. Nhà văn-sĩ muốn chơi khăm nên cho bày tiệc và mời vị Tổng-đốc đến dự. Khi rượu đã thấm gan thấm ruột thượng quan đã ngà say nhà văn bèn đem trải bức họa ra trên mặt án, nhờ thượng quan hạ bút đề cho vài câu thơ xuất thần.

Viên Tổng-đốc nhìn qua, thấy bên trái và bên phải bức họa có vẽ hai cây dương liễu bên hạ ngay bút viết : *Tả biên nhất châu dương-liễu thọ ; hữu biên nhất châu dương-liễu thọ* (Phía bên tả một cây liễu ; phía bên hữu một cây liễu) Rồi tịt mù không biết chữ gì nữa mà viết.

Gã tùy viên thân-cận thấy thế, lạnh-trí chạy lại và nói rằng : Đại vương tủy hỉ, thần thỉnh đợi chỉ (Cụ lớn say rồi, tôi xin thế). Rồi gã cầm bút viết tiếp : *Thọ thọ tủng hữu thiên điều vạn lú tư, nan hệ lang châu trú. Hành bất như quy khứ, bất như quy khứ, đề nhất thanh chích-cô, lưỡng thanh Đổ-ôu.* (Cây cây buông rũ có nhiều nhánh, muốn sợi tơ mà

khó cột ghe chàng lại. Đi chẳng được chàng ơi ! Không bằng trở về không bằng trở về. Kêu một tiếng con chích-cô, hai tiếng con Đổ-Vũ).

Sau bữa tiệc đó, lúc về dinh gã tùy viên thân-cận được viên Tổng đốc hậu thưởng. T.B.K.N.S.D.

Chuyện trên khiến tôi nhớ lại chuyện Vua Khải-Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo Paris năm 1922. Ông vua này dốt cả chữ Hán lẫn chữ Pháp. Một hôm ông thăm viên Bắc-tàng Le Louvre. Theo lệ thường khách đến đây phải viết mấy câu và ký tên trong quyển sổ vàng của viện. Khi ông giám-đốc viện trình « Vua An-Nam » quyển sổ vàng, Khải-Định bối-rối không biết viết gì, đầu óc của ông rối rức, có chữ nghĩta gì đâu mà « nhớ ngọc phun châu » ! Chữ Tây thì dốt đặc cán mai, chữ Nho thì tịt-mù lắt, Khải-Định ngồi cầm bút trơ mắt một lúc thật lâu, y như cậu học trò đi thi mà không làm được bài, ngẫm cán bút vô miệng ngớ ngẩn nhìn lên trần lớp học. Bao nhiêu người chung quanh vòng tay đứng đợi, trong số đó có cả Phạm-Quỳnh.

15 phút qua, Khải-Định hạ bút xuống trang giấy trắng ai nấy cũng tưởng « Hoàng-Thượng » sẽ phê một câu văn cầm-tú, ai ngờ « Ngài Nạp » chỉ viết được hai chữ :

Paris Khải-Định rời đoàn triển đồ thá thối. Cả phái-đoàn tùy tùng « An-Nam » hôm ấy đều mất mặt với ông giám-đốc và nhân viên của viện Le Louvre !

BA-TÈO

BA LƯỢT lên TRỜI...



LÀU lắm rồi, trên bờ một con sông nhỏ giữa trung tâm nước Áo có một

nông dân nghèo khổ, quanh năm quần quật cấy cày mảnh tơi diềm khá lớn mà vẫn không đủ ăn. Nguyên do vì ông ta có rất nhiều con đến nỗi ngoài đồng ! Bao nhiêu lợi-tức dưới đôi cánh tay khỏe mạnh không đủ nhồi vào ngăn ấy miệng chỉ biết có « nhai ». Ông ta nghèo xơ, nghèo xác, hơn nữa đời không biết một điều vui sướng nào khả dĩ an ủi tâm-hồn.

Năm ấy, vào mùa trồng đậu, ông gieo một hột trong vườn nhà. Cây đậu mọc lên và phát lớn rất nhanh, cành lá vượt thẳng đến nền Trời xanh thẳm. Ông ta thấy sự



lạ như thế mới bàn với vợ rằng :

— Tình cảnh này kéo dài mãi, có ngày ta phải chết. Tôi định leo cây, lên hỏi ông Trời xem có giúp mình được phần nào không ?

Người vợ đồng ý. Ông chồng thực hành ngay. Từ cành, từ cành, ông đến thẳng cửa Thiên-dình. Thần Saint-Pierre hỏi :

— Ai đấy ? Có việc gì tới đây ?

Người nông phu thưa :

— Tôi muốn vào châu Thượng-đế xin Người giúp tôi nuôi bầy con quá đông. Tôi hết sức chịu đựng rồi.

Thần nói :

— Được. Ông chờ tôi vào tàu lại.

Lát sau, Thần Saint-Pierre đem một cái bàn gỗ trao ông ta dặn rằng :

— Thượng-đế cho ông cái bàn này, mỗi lần đói bụng thì bảo nó : « Bàn ơi ! Dọn lên xem ! » ông sẽ được như nguyện.

Người nông phu mừng rỡ, cảm tạ Thượng-đế, già từ vị Thần, vác bàn trở về. Ông không được phép dùng cây đậu như lần đi lên, thoát cái ông thấy mình đứng dưới đất giữa một vùng xa nhà. Ông lảng lảng cất bước. Đến xế chiều, đói bụng, ông ngồi nghỉ giữa rừng vắng, truyền lệnh cho cái bàn :

— « Bàn ơi ! Dọn lên xem ! »

Tức thì trên bàn có đủ thức ăn sang trọng, rượu nồng, dẻ béo. Ông ta chén một bữa ngon nhất đời. Ông bắt đầu thấy sung-sướng. Ông phác-họa cảnh gia-dình hạnh-phúc sau này : Ông không cần làm lụng khó nhọc cũng dư sức nuôi bầy con. Cứ lúc nào đói bụng, ông bảo cái bàn dọn ăn là đủ. Ông cảm ơn Thượng-đế, vui-vẻ vác bàn vào xóm tìm quán ngủ trọ.

Người chủ quán tiếp ông niềm nở, dọn một cái phòng và hỏi ông dùng cơm với thức ăn nào ? Ông đáp :

— Tôi không ăn cơm. Tôi cần nghỉ đêm để mai lên đường sớm. Tôi nhờ ông giữ cái bàn này và đừng cho ai bảo nó : « Bàn ơi ! Dọn lên xem ! ».

Chủ quán nói :

— Xin vâng lệnh quý khách. Tôi sẽ không cho kẻ nào bén mảng lại gần bàn của quý khách. Mong quý khách yên lòng.

Ông ta vào phòng ngủ vui.

Người chủ quán ngạc nhiên vì lời dặn kỳ lạ, bèn gọi thử cái bàn. Tức thì bàn « dọn » đầy thức ăn nóng sốt. Chủ quán mừng quá đổi, nghĩ thầm rằng : « Chao ơi ! Nếu ta được cái bàn này thì ta sẽ làm giàu trong một thời gian ngắn. Ta sẽ khỏi tốn tiền

mua heo, gà, thỏ, lấy thịt, khỏi mua rau nấu canh. Ta phải chiếm đoạt mới được. Đoạn, hẩn lấy cái bàn trong nhà hao hao giống bàn kia, đánh tráo.

Sáng ra, người nông-phu dậy sớm, trả tiền trọ. Tên chủ quán lễ phép hỏi :

— Quý khách ngủ ngon chăng ? Mời quý khách điểm-tâm.

Ông ta đáp :

— Tốt lắm ! Tôi chưa thấy cái giường nào êm như giường của ông. Thôi, cảm ơn ông, tôi không quen ăn sáng.

Tên gian xảo nói tiếp :

— Lần sau mời quý khách chiều cổ đến quán tôi.

Ông ta vác bàn đi thẳng về nhà, thuật chuyện lên Trời và dọc đường. Ông gọi bầy con vây xung quanh bàn, đồng-dục truyền lệnh :

— « Bàn ơi ! Dọn lên xem ! »

Nhưng cái bàn vẫn trơ - trơ như . . . khúc gỗ.

Bà vợ nghĩ ra, trách chồng :

— Minh thật thà quá. Chính tên chủ quán đổi cái bàn rồi !

Ông ta không tỏ vẻ buồn, tính lên Trời lần nữa. Vài hôm sau, ông treo cây thẳng vào cửa điện. Thần Saint-Pierre lấy làm lạ hỏi :

— Ô ! Ông được cái bàn mà chưa vừa ý hay sao ?

Người nông-phu kể-lể sự tình

và xin Thượng-đế giúp cho vật khác.

Vị Thần vào trong tàu lại, lát sau, dắt một con lừa, nói rằng :

— Đây, Trời cho ông con lừa này, khi nào muốn tiêu xài món gì thì bảo nó : « Lừa ơi ! Giúp ta với ! ».

Người nông-phu bái tạ, thoát cái đã thấy đứng giữa khu rừng xa nhà. Ông ta liền thử phép Trời xem Thượng-đế cho ông vật gì. Vừa truyền dứt câu, con lừa dõ đuôi phun ra một mớ tiền vàng !

Ông ta mừng quá, vội hốt bỏ đầy túi. hớn-hở dắt con vật quý đi về. Ông đi đến chiều tối mới tới xóm cũ. Sẵn tiền trong lưng, ông tìm một khách-sạn thật sang-trọng ăn uống thật no say và ngủ thật khỏe xác. Ông không dè người chủ quán ngày trước nhờ cái bàn mà phát giàu to, sang ngôi nhà lớn chừng dọn đẹp nhất làng. Thoạt thấy người khách quý, hẩn lẩn mặt bảo người đàn bà giúp việc ra tiếp.

Người nông-phu trao con lừa cho thiếu-phụ căn dặn không để ai lại gần và bảo : « Lừa ơi ! Giúp ta với ! »

Thiếu-phụ vâng dạ luôn mồm, dọn cơm rượu hầu ông khách xơi, dọn phòng rước ông khách nghỉ.

Trong lúc ấy, tên chủ quán lên xuống chuồng ngựa, nói với con

lừa câu của ông khách dặn. Con vật thiêng giồng đuôi phún ra một đồng tiền vàng. Lập tức tên gian xảo tìm mua con lừa khác đánh đổi.

Người nông-phu không biết mưu gian, vui vẻ dắt lừa về khoe vợ. Khi ông ta vừa ra lịnh, con lừa « thiết » « tương » ra một bãi phân. Bà vợ trách chồng quá thật-thà, đã làm tay xảo mị.

Ông ta không lấy đó làm phiền, nhất định lên Trời lần nữa.

Thoạt nhìn thấy ông ta, Thần Saint Pierre tròn mắt hỏi :

— O ! Ông lại trở lên ! Con lừa để bạc không đủ ông tiêu hay sao ?

Người nông-phu kể lẽ sự tình, và xin Thượng-đế giúp cho vật khác.

Vị Thần mỉm cười vào điện, lát sau đem ra một thanh sắt dài, nói rằng :

— Thượng-đế cho ông khúc sắt này, lúc nào muốn dùng thì nói : « Hèo ơi ! Múa lên xem ! »

Ông lãnh gậy cúi đầu bái tạ, thoát cái đã thấy đứng gần xóm cũ. Không có thì giờ thử phép, ông đi ngay vào nhà trọ mượn phòng. Ông giao thanh sắt cho người đàn bà, dặn câu Thần dạy, rồi lên giường nghỉ.

Mụ này không nói cho chủ biết vội-và truyền lịnh cho gậy : « Hèo

ơi ! Múa lên xem », đinh ninh rằng gậy sẽ để ra vàng như con lừa. Nhưng, lịnh vừa ban ra, hèo vung vẩy bay lại gần con mụ đập tước lên đầu, lên lưng, lên vai như mưa bắc. Mụ choáng hồn tránh đỡ, chun cả dưới bàn, dưới ghế mà không thoát. Người đi đầu hèo « múa » theo đó, đánh vào khắp mình vun-vút. Người đàn bà la rầm lên cầu cứu.

Tên chủ quán nghe tiếng, chạy lại xem. Tức thì cây hèo đổi thể khác, vùn-vút đập xuống đầu hần mạnh hơn lúc đánh con đàn-bà. Hần bò còng né tránh, nhưng càng tránh, càng bị đánh nhiều hơn. Cây gậy không quên mụ kia, thỉnh-thoảng bay lại « gõ-i » vài đòn phun máu. Cả hai tên gian xảo lẫn đầu, rách mặt, bầm lưng, xụi vai. Bấy giờ chúng mới biết lỗi của mình đã ăn cắp cái bàn và con lừa nên bị trừng phạt như vậy. Tên chủ quán chạy gõ cửa phòng người nông-phu xin cứu mạng và hứa trả hai báu vật kia lại ngay.

Hần vác bàn, dắt lừa trao chủ cũ xong thì thanh sắt biến mất.

Người nông-phu mang hai vật « nhà Trời » về nhà, sống yên vui với bầy con đến ngày mãn kiếp.

NGÀY LỊCH-SỬ

I. — THÁNG GIÊNG

★ NGUYỄN-TRIỆU Sưu-Tâm

(Tiếp theo P.T. số 7)

16

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

23 Février 1959

★ 16 TH. GIÊNG MẬU-TUẤT
(21 Février 1418)

Quân vua LÊ-LỢI giao-chiến với quân nhà MINH bất lợi, phải rút lui vào núi Chí-Linh thuộc tỉnh Nghệ-An (Trung-phần).

17

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

24 Février 1959

★ 17 THÁNG GIÊNG GIÁP-TÝ
(19 Février 1804)

Vua Gia-Long xuống chiếu tuyên-bố đòi lại quốc hiệu là Việt-Nam.

18

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

25 Février 1959

✱ 18 TH. GIÊNG GIÁP-TUẤT
(6 Mars 1874)

Thiếu-tướng Hải-quân của Pháp KRANTZ tới Saigon đề thay thế cho tướng DUPRÉ phải gọi về Pháp vì việc Đồn-Phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) ngoài Bắc-kỳ.

19

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

26 Février 1959

✱ 19 THÁNG GIÊNG TÂN-DẬU
(28 Février 1861)

Liên-quân Pháp và I-pha-nho tiến đánh đồn Tân-kien ở Nam-kỳ.

20

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

27 Février 1959

✱ 20 TH. GIÊNG ĐINH-HỢI
(27 Février 1407)

Tên-tướng nhà Hồ là HỒ-NGUYỄN-TRỪNG cầm quân giao-chiến với quân Minh ở bờ sông Mộc-phàm, thuộc làng Mộc-phàm, huyện Phú-Xuyên, tỉnh Hà-Đông (Bắc-phần).

21

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

28 Février 1959

✱ 21 THÁNG GIÊNG ẤT-DẬU
(19 Février 1285)

Quân nhà Trần huyết-chiến với quân Mông-Cô ở bãi Tha-Mạc bên Sông Cái, thuộc tỉnh Hưng-Yên. Tướng nhà Trần là BAO-NGHĨA-HẦU TRẦN-BÌNH-TRỌNG bị quân địch bắt.

✱ 21 TH. GIÊNG CANH-TUẤT
(6 Février 1790)

Vua LÊ CHIÊU-THỐNG ở bên Tàu, vào Yên-Kinh, yết-kiến vua CÁN-LONG nhà Thanh mượn quân về đánh Tây-Sơn để khôi-phục đất nước.

22

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

1 Mars 1959

✱ 22 TH. GIÊNG QUÝ-DẬU
(23 Février 1573)

Vua LÊ ANH-TÔN (Duy-Bang) và 4 hoàng-tử bị tướng của chúa Trịnh là bọn TỐNG ĐẮC-VI đón giết.

23

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

2 Mars 1959

✱ 23 TH. GIÊNG BÍNH-DẦN
(18 Février 1446)

Vua LÊ NHÂN-TÔN đem 6 vạn quân đi chinh-phục nước CHIÊM-THÀNH (nay là khoảng đất Quảng - Nam, Qui-nhon, Bình-Định (Trung-phần).

✱ 23 TH. GIÊNG GIÁP-THÌN
(13 Février 1784)

Quân TAM-PHỦ vây phá nhà quan Thợc-quận-công là HOÀNG PHÙNG-CƠ.

24

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

3 Mars 1959

✱ 24 TH. GIỀNG GIÁP-THÂN
(20 Février 1884)

Quân Pháp chiếm-đóng miền Phô-Lô
(Sept pagodes) Bắc-kỳ.

25

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

4 Mars 1959

✱ 25 THÁNG GIỀNG MẬU-TÝ
(18 Février 1648)

Chúa Thượng (NGUYỄN PHÚC-LAN) đại
thắng quân chúa Trịnh ở cửa bể Nhật-
Lệ (thuộc Quảng-bình Trung-phần).

26

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

5 Mars 1959

✱ 26 THÁNG GIỀNG QUÝ-HỢI
(15 Mars 1863)

Thiếu-tướng Hải-quân Pháp là BON-
NARD đến Huế, vào triều kiến vua TỰ-
ĐỨC đề dự lễ công-nhận hòa-ước ký
ngày 5 tháng 6 d.l. 1862.

27

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

6 Mars 1959

✱ 27 THÁNG GIỀNG QUÍ-TỊ
(27 Février 1593)

Chúa TRỊNH-TÔNG xử giáo chất MẠC
ĐĂNG-DUNG là KÍNH-CHỈ, bắt được từ
hôm 14 tháng giêng năm ấy.

28

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

7 Mars 1959

✱ 28 THÁNG GIỀNG QUÝ-TỊ
(7 Mars 1293)

TRẦN-HUNG-ĐẠO tâu Vua xin sai
thượng-tướng TRẦN-QUANG-KHẢI đem
binh vào Nghệ-An chống quân nhà
NGUYỄN.

✱ 28 TH. GIỀNG CANH-THÌN
(22 Février 1400)

HỒ QUÝ-LY phế vua THIẾU-ĐẾ, cướp
ngôi nhà TRẦN.

29

Tháng GIỀNG, KỶ-HỢI

8 Mars 1959

✱ 29 THÁNG GIỀNG TÂN-MÃO
(19 Février 1471)

Vua LÊ THÁNH-TÔN vây thành Chà-
Bàn là kinh-đô nước CHIÊM-THÀNH.



(Hình vẽ của ĐÔI)

Chiều nay gió đông về
 Đời vừa lên giá rét
 Nước sông dài lê-thê
 Con thuyền ai phiêu bạt
 Vào tận ánh trăng thề.
 Ta nghiêng hồn rung rẩy
 Đời mất vọng tình quê.
 Xa xăm nguồn mong nhớ
 Dặt dờ trong cơn mê.
 Ngàn phương trời ảo diệu
 Lòng thương dâng nào nề.
 Tình ôi ! hồn ly cách
 Rung rung sâu sao khuê.

TRẦN-TUẤN-KIỆT

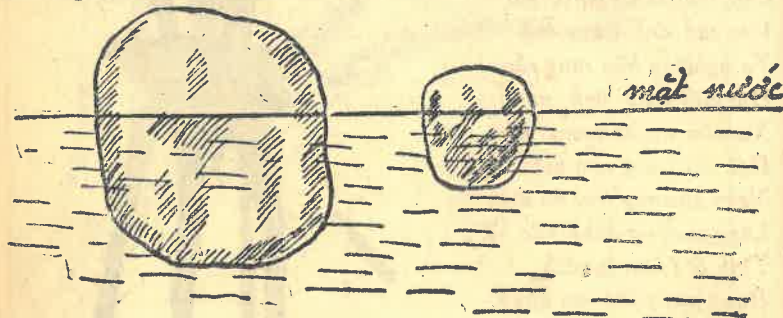
TÌM HIỂU cách cấu tạo VỎ TRÁI ĐẤT

* của PHẠM-VĂN-NGỌC
Kỹ-sư Địa-cầu Vật-lý-học — PARIS

BẠN đọc tựa trên đây, đừng vội tưởng là tôi sẽ đem luật-mẹo vật-lý ra để giảng một vấn-đề mà ngay các nhà thông-thái trên hoàn-cầu đã phải để bao nhiêu năm khó-khăn để tìm hiểu. Tôi chỉ muốn trình lại một sự hiểu biết rất thô-sơ của quả đất mà chúng ta đang sống trên đây.

Có lẽ các bạn cũng có dịp nhận xét rằng một cục nước đá nổi trên

mặt nước, có một phần nằm dưới mặt nước và một phần nằm trên mặt nước. Bây giờ các bạn thử để hai cục nước đá gần nhau, một cục lớn và một cục nhỏ, các bạn sẽ nhận thấy gì? Không cần nói các bạn cũng đoán được là những phần nằm dưới và trên mặt nước của cục nước đá lớn đều to hơn những phần nằm dưới và trên mặt nước của cục nước đá nhỏ (xem hình 1).

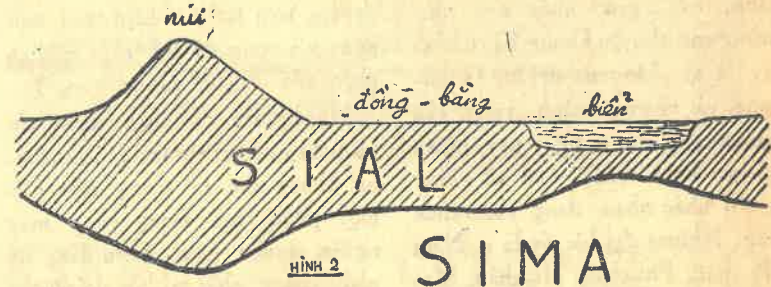


HÌNH 1

Nhận thấy thế là các bạn đã tìm ra cách cấu-tạo của vỏ trái đất! Tại sao à? — Rất dễ hiểu:

Hẳn các bạn đã biết vỏ trái đất là một lớp đá cứng gọi là « Sial » nổi lều-bều trên một chất hơi lỏng và nặng hơn gọi là « Sima ». Lớp « Sial » và « Sima » cũng tương-

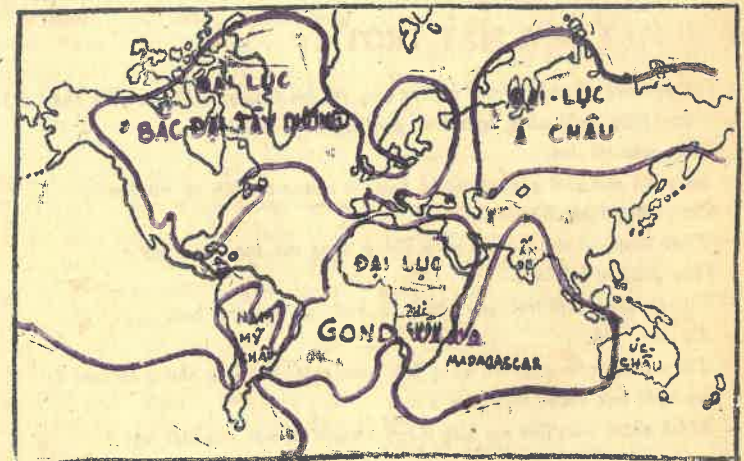
tự như cục nước đá và nước. Như thế nghĩa là nếu trên mặt đất ta có một hòn núi, thì dưới hòn núi ta cũng có một hòn núi lộn ngược lại gọi là « cội rễ của núi », và nơi mà vỏ trái đất mỏng nhất sẽ là những đáy biển (xem hình 2).



HÌNH 2

Nếu các bạn đã nhận-định rõ cách cấu-tạo ấy, thì chúng ta hãy thử cùng nhau trở ngược lại dòng tạo-hóa, nhìn đến một dĩ-vãng hết sức xa-xôi cách đây lối 25 triệu năm.

Khi ấy trên trái đất, ở gần Nam-cực, có một đại-lục gọi là đại-lục Gond-wana, và ở miền Bắc có hai đại-lục khác gọi là đại-lục Bắc Đại-tây-dương và đại-lục Á-châu (xem hình 3).



Theo giả-thuyết trên, ta cứ xem ba đại-lục ấy như ba hòn băng-đảo to - khổng lồ nổi lên - bồng trên mặt nước.

Dám tưởng-tượng như thế, ta mới nhận-định nổi một ngày kia một đại-lục ấy sẽ bị tan rã ra từng mảnh, trôi - giạt khắp nơi như những con thuyền không lái. Chính đây là số phận của đại-lục Gondwana, và những mảnh vụn của đại-lục này cho ta ngày nay nhiều đại-lục khác trên ấy vô số giống người khác nhau đang chen-chức sống. Những đại-lục ấy là : Nam Mỹ-châu, Phi-châu, Úc-châu, Madagascar và Ấn-độ. Về phần mảnh vụn lập thành xứ Ấn-độ ngày nay, trong khi trôi-giạt lên miền Bắc, gặp phải đại-lục Á-châu, và

vì chạm-trán vào đại-lục này một cách dữ-dội quá, nên mới tạo thành dãy núi cao nhứt thế-giới, chính là dãy núi Himalaya.

Xem đến đây, các bạn sẽ trầm lặng một phút nghĩ đến vận-số của quả địa-cầu : lẽ tất nhiên những đại-lục trên trái đất hiện thời một ngày kia cũng có thể chịu một số phận với đại-lục Gondwana !

Nhưng xin các bạn đừng vội bi-quan quá, vì sự tan rã của đại-lục không xảy ra trong một giờ một phút, mà trong vòng mấy nghìn, muôn năm. Điều đáng sợ nhất không phải tai-họa do vũ-trụ gây nên, mà là sự cuồng-dại của nhân-loại có thể gây nên chiến-tranh tàn-khốc, thay đổi cả quả địa cầu trong nháy mắt.

★ BÍ-MẬT CỦA MẶT TRỜI

Tại một trường tư-thục nhỏ ở thôn quê, trò hỏi thầy giáo (Thầy giáo nhảy dù)

— Thưa thầy, buổi sáng, mặt trời gần hay xa quả đất ?

Thầy giáo trả lời :

— Sáng thì mặt trời gần chúng ta hơn, vì chúng ta thấy nó rất lớn.

Chưa bằng lòng, trò lại hỏi :

— Thưa thầy, nhưng tại sao sáng không nóng mà trưa lại nóng ?

Thầy giáo lại trả lời :

— Vày thì trưa mặt trời gần chúng ta hơn, vì nó nóng hơn.

Trò thắc mắc :

— Thưa thầy, như vậy thì, sáng hay trưa mặt trời gần chúng ta hơn ?

Suy nghĩ một chặp, thầy giáo đáp :

— Mình phạm trần làm sao biết được chuyện bí-mật của mặt trời !



KIỆP TÂM VƯƠNG TÔ

★ NGUYỆT-TOÀN

K Ề trong các loài sâu, con tằm là giống sâu giúp ích cho người ta hơn hết. Xuất-xứ từ Trung-Hoa, giống sâu này đã làm cho nước Tàu có một thời rất phồn-thịnh, lôi kéo lòng thèm muốn của các dân-tộc Tây-Phương đời Thợng-Cổ đã len-lỏi núi, sông, biển, rừng, sa-mạc, vạch một con đường sarg Đông-Phương để tìm nó, mà Lịch-sử gọi là « Con đường lụa. »

Bà Luy-Tổ bên Tàu được coi là người đàn-bà đầu tiên đã khám-phá ra con tằm. Nhân một ngày chơi xuân bà đã tìm được những « tổ vàng » quý báu của giống sâu này và cách nuôi nó.

Trong thời nhà Lý, bà Ý-Lan Thái Phi của nước ta cũng đã xuất-thân từ một kẻ trồng dâu nuôi tằm.

Cụ Nguyễn đình-Chiều trước đây cũng cho Nguyệt-Nga lánh-nạn trong xóm nuôi tằm dệt lụa. Thế mới biết việc trồng dâu nuôi tằm xưa kia dành một phần lớn cho phụ-nữ Á-Đông. Vày chúng ta cũng nên biết qua về cách sinh sống của giống sâu này:

Con ngài : sinh ra để hưởng lạc-thứ

Vừa chui ra khỏi tổ kén, giống bướm đã được người nuôi tằm cho nằm riêng ra trên một cái nong để sẵn.

Trước ngày chui ra khỏi tổ kén, bướm cái đã bụng mang dạ chửa, nên ta thấy rõ sự khác biệt

giữa nam và nữ. Chàng thì có một thân hình mảnh-khảnh, lanh lẹ, còn nàng thì đầy-đà nặng-nề vì mang «bầu tâm sự». Thế mà chàng bướm được đâu có ngán và việc tự do kết-hôn đã bắt đầu.

Chàng bướm được rung cánh không ngừng, chạy lăng-xăng để tìm « ý - trung - nhân ». Chàng kê đi tìm mọi phía thật không đẹp mắt chút nào. Nàng thì nằm ở đó mặc sức cho các trai tân lựa chọn. Ta nhìn vào trong nong lúc này công việc không ai xếp đặt nhưng đầu đã vào đấy. Giờ phút ái-ân xem bộ êm thấm. Trong nong từng cặp một nằm giao đít êm đềm không xảy ra một tiếng động. Chỉ có chẳng là một vài tiếng lè-xè của những anh chàng bị « xách xe không » vì nạn gái thiếu trai thừa. Thật tội nghiệp cho những anh chàng xấu số vô duyên !

Con bướm cái : một máy đẻ

Nếu không có người nuôi tằm làm trọng tài, thì loài bướm quên mất một nhiệm-vụ thiêng-liêng là đẻ, — rồi nhau ra đẻ mà đẻ.

Chúng giao-hoan độ 2 ngày, người nuôi tằm phải tốn công ngồi rút chúng riêng ra từng con một, và đặt nàng bướm cái nằm riêng ra một cái nong có lót giấy trắng, đó là « bảo-sanh-viện » của nàng. Còn chàng thì được nằm riêng trong một cái thùng

khác đặt dưới nong của nàng. Những chàng bướm được lúc bấy giờ rung cánh như lúc vừa chui ra khỏi tổ kén ; nhưng không phải để tìm ái-ân, mà chính vì đã thỏa-mãn sinh-lý, chỉ còn thúc giục cho những nàng đang « mang nặng đẻ đau ».

Bướm cái lúc này tăng gia sản-xuất. Mỗi con bướm đẻ độ 400 trứng to bằng hột cải, màu trắng mờ. Đặc-biệt là chúng ít khi đẻ chồng lên nhau ; chỉ để những chỗ trống, nên trứng này chỉ nằm một lớp và nhờ một chất nước, nên sau khi đẻ độ vài phút đã dính chặt vào giấy.

Đời con bướm không kéo dài quá 6 ngày, Chúng không ăn, không uống, chỉ sống để thỏa-mãn sinh-dục mà thôi.

Trong khoảng thời gian này : giao-hoan 2 ngày, để trứng 1 ngày, nằm xếp mình ve trong vài ngày rồi từ bỏ cuộc đời ngắn-ngủi, và hồn bướm chỉ còn một giấc mơ tiên !

Một thế hệ mới ra đời

Trong nong, lớp trứng màu trắng mờ lần lần trở nên màu xám-xám. Người nuôi tằm chăm-sóc cẩn thận, để nơi khí-hậu thuận-tiện, độ 6, 7 ngày sau trứng nở ra con sâu rất nhỏ.

Một thế-hệ mới lại ra đời, đó là lớp tằm con. Đến đây đã biến kiếp ; đáng lẽ con phải giống mẹ

— thay vì có cánh, có râu, mình ngắn — chú tằm con lại mình dài như sợi chỉ, không cánh, không râu ! Mới nở, mình tằm dài độ ba ly, và chia thành 12 lóng. Ngoài lóng thứ 2, thứ 3 và thứ 12, mỗi lóng có hai lỗ nhỏ ở hai bên mình để cho tằm thở. Đầu tằm có 6 cặp mắt, không biết Thượng-đế cho tằm nhiều mắt như thế là có dụng ý gì ? Kiếp tằm vương to, có làm chi đến 12 con mắt nhỉ ?

Bầy sâu con khỏe dai được phó-thác cho người nuôi tằm, lớp tằm con nở rộ trong 1 ngày thì hết. Bấy giờ người nuôi tằm hái một ít lá dâu non lột sạch cọng, thái rất nhỏ rắc vào. Tằm con đánh mùi dâu leo lên trên mặt lớp dâu vừa mới thái và nhấm sơ một ít. Ngoài ra người nuôi tằm còn lấy hương và cọng thuốc lá xông một mùi thơm hăng-hắc cho tằm con ngửi, nói rằng để chúng quen mùi, sau này lỡ gặp mùi như thế khỏi sinh bệnh.

Khi tằm con lên hết trên mặt lớp dâu, người ta sẽ dùng một cái lông gà lớn, quét nhẹ nhẹ cho tằm con rớt vào một cái nong khác có lót lá chuối tươi cho mát gọi là « bể tắm » để rời bỏ tấm giấy vô trứng. Thời kỳ trứng nước đến đây là hết và bắt đầu sống kiếp tằm.

Kiếp luân-hồi

Đời tằm truyền kiếp trong khoảng 47 ngày. Gồm có 3 kiếp : Bướm, tằm, nhộng.

Phân chia như sau :

- 1.— a) Đời bướm 6 ngày.
b) Trứng nở tằm 7 ngày.
- 2.— Đời tằm 22 ngày gồm có :
— Tằm ăn mốt : 4 ngày + ngủ 1 ngày = 5 ngày ; lột lần thứ nhất, lớn gấp đôi.
— Tằm ăn hai : 3 ngày + ngủ 1 ngày = 4 ngày, lột lần thứ hai, ăn khá.
— Tằm ăn ba : 4 ngày + ngủ 1 ngày = 5 ngày ; lột lần thứ ba, dài 3 phần.
— Tằm ăn lên : 3 ngày + ngủ 2 ngày = 5 ngày ; lột lần thứ tư, ăn mạnh, màu da đổi sáng.
— Tằm ăn rồi : 3 ngày, để hóa tơ, chín và làm kén.
- 3.— a) Tằm ở kén hóa nhộng = 2 ngày.
b) Nhộng ở kén hóa bướm = 10 ngày.

Ăn để phụng-sự

Tằm bắt đầu ăn. Người ta chăm lo thái dâu cho tằm ăn, nhưng cái ăn lúc bấy giờ còn như một đứa bé con không đáng kể. Một ngày người ta rưới dâu thái vào cho tằm con độ 3, 4 bận.

Cách độ một ngày lại thay tằm qua nong khác cho sạch-sẽ, để lấy bớt lớp phân và lá dâu thừa thải ra bỏ, gọi là « làm phân tằm ». Tằm ăn độ 4 ngày gọi là ăn mốt, rồi ngủ một ngày, ngủ lần thứ nhất. Ngủ là nằm yên để lột da và lớn. Tằm lớn gấp đôi, lại tiếp-tục ăn 3 ngày nữa gọi là ăn hai, ngủ một ngày, lột da lần thứ hai, đã hơi trọng

và ăn khá. Ăn 4 ngày nữa gọi là ăn ba, rồi ngủ một ngày để lột da lần thứ ba. Tằm bấy giờ khá lớn. Sau khi lột da lần thứ ba thì tằm ăn lên, khoảng này độ 3 ngày, thì lại ngủ 2 ngày để lột da lần thứ tư và lớn hẳn, màu da cũng đổi khác. Lúc này ta cho ăn dâu nguyên lá khỏi thái.

Tằm ăn rất mạnh, chúng ăn đều đều trên lá dâu theo một chiều nhất định, chừa những gân và sống lá lại. Nếu ta đứng gần nong thì nghe tiếng tằm ăn kêu rào-rào, nên có câu tục ngữ: «Ăn như tằm ăn lên».

Lúc bấy giờ nhu-cầu về chỗ ở đòi hỏi khá nhiều; lúc mới nở nửa nong, giờ phải đến 15 nong mới đủ chứa. Sau lần lột thứ tư, tằm ăn thêm vài ba ngày nữa gọi là ăn rồi để chín.

Ăn lá trà vàng

Tằm chín tức là đổi màu hung-hung vàng; đó là những tuyến-nhĩ tơ được kết-hợp trong toàn thân. Tằm không ăn nữa, chỉ đợi được đưa đến chỗ khô ráo để làm tổ kén. Cái đáng chú-ý là tằm ít khi bò, lúc ở trên nong cũng như khi nằm trên búa để làm kén, chỉ xê-dịch chút đỉnh thôi.

Búa là những cành lá khô của cây chưng-bầu — vì loại cây này đặc biệt là khi khô ít rụng lá — được người nuôi tằm chặt đem về cột thành từng nẹp để tằm đeo làm kén.

Ngày đầu, tằm chín mỗi nong độ năm bảy mươi con, gọi là «chín tin» (chín đề báo tin). Đến ngày thứ hai chín độ một phần ba gọi là «chín trai», qua ngày thứ ba chín hết, gọi là «chín trết».

Xây tổ ấm.

Vào một buổi sáng, tằm được đưa lên búa. Nơi đây, mười con như một, mạnh ai lo bổn phận này, tìm một nơi có cành lá



thích hợp để vương tơ. Giờ đây tằm khỏi lo bận rộn về việc ăn uống nữa. Những anh thợ nề chăm-chỉ của chúng ta đại-tiên tiện lần cuối cùng rồi bắt tay vào việc.

Tằm khi làm kén chỉ cử-động nửa thân về đầu. Miệng tằm đưa mỗi tơ vương vào cành, những mối tơ đầu tiên này là chỗ bện để giữ kén khỏi rớt. Những lượt tơ ban đầu ở miệng tằm kéo ra hơi sồn (to) và có màu vàng sẫm, đây là phần ngoài của căn nhà.

Càng vào trong, lượt tơ càng mịn và có màu vàng nhạt. Nên chỉ sau này khi ươm tơ, lớp tơ ngoài được kéo riêng gọi là «thao» (tơ to), còn lớp trong mới là tơ ròn.

Tằm kéo tơ đều đều từng lớp từ ngoài vào trong đủ mọi phía. Đến chiều tối ta thấy cái kén đã đầy và thành hình. Tuy vậy, tằm vẫn còn tiếp-tục công việc làm kén bên trong.

Những trở ngại bất thường

Ngày tằm làm kén phải nắng ráo, ít gió và yên tĩnh. Nếu khi làm kén gặp phải mưa, thì sợi tơ ở miệng tằm đưa ra lâu sẽ (khô), cái kén sẽ mềm. Cũng như khi tằm làm kén mà rui có tiếng động hay sấm sét thì tằm giật mình, mối tơ sẽ bị đứt đoạn, mất lớp lang, đến ngày ươm tơ, mối tơ khó chạy.

Người ta nhận xét thêm rằng, nếu xáo động quá, tằm sẽ không biết đường làm kén nữa, mà chỉ kéo thành một màng tơ trải trên búa. Có khi tằm mắc một chứng bệnh rối trí không làm kén, mà cũng kéo thành màng tơ như trường-hợp trên; người ta mệnh-danh là «tằm làm biếng». Đến đây công việc xây ngôi nhà vàng đã xong, anh thợ tằm — mệnh-danh là văn-thi-sĩ — đã làm tròn bổn-phận: «rút ruột vàng đãi-đăng thiên-hạ».

Truyền kiếp thứ ba.

Sau 2 ngày, việc xây tổ ấm đã xong, đây là giờ phút nghỉ-ngơi để lấy lại sức khỏe. Những ngôi «nhà vàng» được người nuôi tằm nâng-niu gỡ bỏ vào nong.

Thật ra thì không nghỉ-ngơi gì. Tằm chỉ là cái xác không hồn tái-nhọt nằm giữa kén, để rồi đầu thai hóa-kiếp thứ ba là kiếp «nhộng».

Trong 2 ngày nằm trong tổ kén, tằm thay dạng đổi hình lột lần từ dưới lên trên để lộ mình nhộng và tróc ra một mảy nhỏ đó là bộ áo cũ của tằm.

Nhộng thân hình ngắn, mình có nhiều khoanh. Dưới bụng có đôi vi xấp sát, sau này đôi vi sẽ bụng lằn ra và thành cặp cánh của loài bướm đa-tinh.

Sau ngày ươm, nhộng là món ăn cung-cấp cho con người. Chỉ có một số ít được diêm-phúc chọn lại để tạo-giống gây-nòi. Năm trong kén độ 10 ngày, nhộng trở lại kiếp luân-hồi để thoát-thai ra loài bướm.

Bướm tiết ra một chất nước để ủ kén chuôi ra rất khéo-léo, không làm đứt những mối tơ; rồi để lại vỏ kén không, mà ta gọi là kén vỏ.

Đến đây tằm đã làm tròn bổn-phận đáng quý. Tính sổ lại trong khoảng thời-gian 47 ngày với cuộc đời ngắn-ngủi, tằm đã trải qua 1 lần sanh, 2 lần hóa kiếp và để lại cho người đời tiếng thơm: Ăn lá trà vàng!

Mùa Xuân thiếu-nữ

Hồn non nước xây mùa Xuân thiếu-nữ,
Đẹp làm sao màu sắc tuổi dậy thì !
Đường sương hồng hoa mịn đón chân đi,
Thăm van vì thời gian ngừng cánh lại.
Đời thơm hương, phút xuân tươi mê-mãi
Ngắm-dung nhan xao-xuyến bản đàn lòng
Nghe rộn-ràng như những chuyến sang sông
Mà tiếng pháo làm tê lòn môi thắm.
Hồn là chiếc độc bình xanh ngọc đậm
Những tơ duyên thơ đại: những cảnh hoa
Mỗi băng-khuông là nét sáng mặt mà
Nghiêng nghiêng bóng trao hồn cho nhụy ngát.
Có những lúc trời xanh, xanh nhàn nhạt
Mắt đắm đắm nhìn lối nhỏ sương mù
Giữa bình-minh nao-nức đón tin thư
Tỏ giấy nhẹ, mỏng manh làn gió đầy,
Trân trọng đỡ trên đôi tay run-rẩy
Nhịp con tim rung động với từng câu
Ý thanh-cao, tha-thiết hoặc vương sầu
Là trăm nét vàng son vờn nếp mộng.
Có những buổi chiều thơ, lòng xao-động
Như trùng dương gợn sóng: một ngày trắng
Im như đàn ngưng phiếm chẳng vang ngân
Tìm yên tĩnh cho hồn mơ phiêu lãng.
Ngày Xuân nở một vùng hoa ánh-sáng
Đêm Xuân về tinh-tú nạm long-lanh
Làn tóc mây xỏa mộng, sắc khuyển thành
Trên chiếc gối dầm hương lan ngào ngát.
Thiền-thiếp ngủ, mi huyền che khoé mắt
Nụ cười Xuân tuyệt mỹ nở trên môi
Hắn trong mơ, thiếu-nữ gặp ai rồi.
Đấy là một mùa hoa tràn điểm-mộng.

THANH-NHUNG

NHỚ CỤ PHAN-KHÔI

TRONG những văn-nhân trí-thức đối-lập với chánh quyền Miền Bắc tôi thấy có rất nhiều bạn cũ của tôi.

Trong số những bạn cũ đó có ông Phan-Khôi là người tôi đã gần-gũi nhiều, quen biết hiểu và còn giữ được nhiều kỷ-niệm từ trên ba chục năm nay.

Chính ông đã giới-thiệu tôi với làng văn miền Nam trên

bước đầu bờ ngõ.

Hồi đó ông tự phong cho mình là « Ngự sử trên đàn văn » và nhứt định không dung-tha những kẻ nào nói sai, viết bậy, đầu kẻ đó quyền cao, chức trọng, tràn-ngập uy-tín hay là thân-hữu của ông.

Những tay cự-phách trong làng văn hay là những nhà báo kỳ-cựu đều đã « cảm » thấy sự sắc-bén của ngọn bút họ Phan.

Ông bắt bẻ sáo *Đặng-thúc-Liêng* lại có g ? Sao *Nguyễn-chánh-Sắt* lại viết với chữ t chứ không phải chữ c ? Thật ra đó chỉ là những lối về chánh-tả của chánh-lực bộ, nhưng cụ Đặng và cụ Nguyễn đã nhầy-nhôm vì chính các cụ cũng không để ý đến những làm-lộn đó ở ngay tên mình. Ông Phan gán cho ông **Phạm-Quỳnh** hai chữ « học-phiệt », gỡ không-ra. Ông viết một loạt bài công-kích *Đạo Nho* làm cho thi-sĩ **Tân-Đà** phẫn-nộ đã lên án chém đầu kẻ bạo-thiên nghịch-địa.

Ở Huế trong một cuộc bút-chiến với cụ **Huỳnh-thúc-Kháng**, cụ Huỳnh đã mắng ông nhỏ tuổi mà phạm-thượng.

Thật ra ông nhỏ hơn cụ gần một con giáp, nhưng ông không chịu nhận lời mắng đó đầu ông vẫn một lòng yêu-kính nhà chí-sĩ lão-

THIẾU-SƠN

Phụ-nữ-Tân-văn và đã tận-tình nâng- đỡ một cây viết trong những

thành. Ông nói với tôi : " Máy cụ thiệt lôi-thối quá. Bút-chiến thì cứ việc bút-chiến. Lý ai phải là người đó thắng chứ đem tuổi-tác ra mà làm gì ? "

Ông **Đào-trinh-Nhất** là bạn thân của ông và cũng là một cây bút lợi-hại trong các cuộc bút-chiến mà cũng đã bị ông. Ông **Đào** bàn về chiến-tranh xưa và nay, nói rằng xưa người ta đánh giặc ít hao hơn bây giờ vì tướng đánh với tướng, xong rồi quân mới nhào ra để phát-triển thắng-lợi hay ngăn-cản địch-quân, v.v. . . Ông Phan liền viết bài công-kích nói rằng ông **Đào** đã căn-cứ theo hất bội và truyện Tàu nên đã nói sai sự thiệt. Xưa cũng như nay, tướng luôn luôn giữ vai tuồng chỉ-huy mà quân mới là chủ-lực trong những cuộc tấn-công và co-xất. Tướng phải đi sau để điều-khiển và cũng có khi phải cùng tiến với quân nhưng không bao giờ đơn thương độc mã quần-thảo với tướng địch ở trước mặt ba quân như ở trên sân-khấu hay ở trong truyện Tàu. Ông Phan đem tài-liệu rút ở chánh-sử ra dẫn-chứng làm ông **Đào** nín khe hết cục-cự.

Còn nhiều giai-thoại về ông. Nhưng đơn cử vài chuyện trên đây đủ thấy rõ con người kỳ-thú, một quái-khệt, một kiện-tướng, một người đáng mặt lãnh-đạo phong-trào « **Trăm Hoa đua nở** » ở bên kia vĩ-tuyến.



Hồi đó tôi có viết một bài nói quan-niệm của tôi đối với văn-học, một quan-niệm thành-thật với mình mà rộng-rãi với người, bất-chấp nghệ-thuật vì nghệ-thuật hay nghệ-thuật vì nhân-sinh, nhưng căn-nhứt là người cầm bút phải có khả-năng, có thực-tài, có hương-vị riêng, có sắc-thái riêng, phải là một bông hoa không giống với những hoa khác nhưng cũng khoe sắc, đua hương trong vườn hoa văn-nghệ. Tóm lại tôi chủ-trương « **Trăm Hoa đua nở** » nhưng chưa biết dùng câu nói ấy.

Ông Phan-Khôi cũng có bài nói về quan-diểm của ông đối với văn-nghệ mà tôi không còn nhớ ông đã nói những gì. Ông **Hải-Triều** đứng trên lập-trường duy-vật công-kích ông Phan-Khôi và tôi. Rồi ông ta tóm gộp tất cả những bài của chúng tôi (Hình-như cũng có bài của ông **Hoài-Thanh-nữ**), thêm vào với những bài của ông in thành sách với nhan-đề « **Duy-Tâm hay Duy-Vật** ». Sau khi sách đó ra đời, ông Phan-Khôi liền viết bài nói về nó đại-khái như sau :

Ông **Hải-Triều** lấy văn của chúng tôi in chung với bài của ông thành sách, bán, lấy tiền bỏ túi mà chớ hề xin phép chúng tôi và chia cho chúng tôi một xu nào tiền tác-giả, phải chăng như thế là duy-vật và duy-vật theo kiểu của ông ?

Ông Phan đình-thếp như vậy nên nhiều người cho là ông rắc-

roi, khắc-khở, ngang-tàng và lập-dị.

Nhưng ở gần bên ông và quen biết ông, nhiều tôi thấy ông là người khảng-khái, trung-thực, thẳng-thắn, yêu chân-lý và dám sống-chết vì chân-lý.

Ông công-kích nho-giáo vì nó bó-buộc con người nhưng chính ông còn mang nặng tiết-thảo nhà nho. Hơn nữa giòng máu văn-thân còn chảy trong người ông, ông không thể nào theo Tây mà chống-đối với cuộc kháng-chiến của toàn dân.

Được tin ông ở lại khu giải-phóng, thà chịu gian-khổ còn hơn sống đầy-đủ dưới sự kiểm-soát của Tây, tôi không lấy làm lạ. Nhưng tôi đã lo cho ông không chịu nổi sự kềm hãm tự-do dưới một chế-độ chuồng công-thức và thiếu dân-chủ.

Vào khoảng năm 1952, 53 gì đó, tôi được tin ông dự lớp chỉnh huấn cùng với nhiều nhân-sĩ lão-thành như cụ **Bùi-Kỷ**, ông **Hồ-đắc-Dị**, v.v. Ông có tuyên-bố những câu : « Từ nay, anh với tôi, tôi với anh chúng tôi chỉ là một . . »

Tôi yên trí rằng ông đã thiệt-hiện sự sống chung một cách êm-ấm đẹp-đẽ. Nhưng người như ông không có thể « lột xác » được một cách dễ-dàng và ông bây giờ vẫn còn là ông trước kia, ngang-tàng và vẫn dôi-dào khí-phách trước những người đã kiên-trì nhẫn-nại để tranh-thù ông bằng những ân-huệ vật-chất như **Đoàn-Giỏi** đã nói.

Nhưng ông Phan-Khôi vào hạng người trọng tự-do hơn sanh-mạng.

Thiếu ăn, thiếu hút thì la, nhưng không phải có ăn, có hút rồi im miệng. Không phải tôi mới được trả tự-do mà tôi nói hành những người trước kia tôi đã hợp-tác để kháng-chiến. Như vậy thì tôi hèn lắm, không xứng-đáng với ông bạn già mà tôi nói tối hôm nay. Nhưng tôi biết rõ, một khi kháng-chiến đã dứt thì một người như ông Phan-Khôi không thể bằng lòng dưới một chế-độ mà « hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết ».

Nhơn đó mà tôi nghĩ rằng chế-độ Cộng-Hòa ở miền Nam phải thật-sự dân-chủ và đầy-đủ tự-do cho « **Trăm Hoa đua nở**. Trăm nhà đua tiếng » để hưởng-ứng với cuộc tranh-đấu anh-đũng của những văn-hữu của chúng ta ở bên kia lăng mức.

Cụ Phan-Khôi, năm nay đã trên 70 tuổi. Nghe nói cụ đã ốm yếu và suy-nhược lắm rồi. Tôi chắc rằng sẽ không còn được gặp cụ nữa cũng như tôi đã không được gặp cụ **Hồ-biêu-Chánh** trước ngày cùng nhau vĩnh-biệt. Nhưng hình-bóng cụ đã in sâu vào lòng tôi : hình bóng một ân-sư và văn-hữu.

Tôi đã bắt đầu viết Hồi-ký và sẽ còn dịp nhắc tới cụ và bao nhiêu bạn văn-chương tri-ký, phần nhiều đã lui bước nhưng còn để lại những kỷ-niệm mà tôi có bổn-phận phải viết ra trước ngày chính tôi cũng lui bước theo các bạn trong thế-hệ của tôi.

Yêu Cầu Nói Rộng

CHƯƠNG-TRÌNH NGOẠI-NGŨ

LÀ một học - sinh của chương-trình Việt, tôi rất đồng-ý với Ông Nguyễn-Vỹ về việc yêu-cầu nói rộng ngoại-ngữ trong chương-trình Việt. Sau đây, tôi xin trình-bày ý kiến của tôi về vấn-đề này.

I Chương-trình Việt và chương-rình Pháp.

A.— Nguyên-nhân nảy sinh sự phân biệt hai chương-trình Pháp và Việt :

Vừa khi Bộ Quốc-gia Giáo-dục cố-gắng thực-hiện việc thay-thế chương-trình Pháp bằng chương-trình Việt ở hai bậc Trung và Tiểu-học tức-thì có sự phân-biệt và lựa chọn hai chương-trình đó. Nguyên nhân của sự phân-biệt và lựa chọn ấy là sự nghi ngờ chương-trình Việt. Khi đã nghi-ngờ như thế tất-nhiên người ta không muốn cho con cháu theo đuổi chương-trình Việt. Phần-đồng những người Tây-học thường có sự phân-biệt và lựa chọn này nhất nếu không sao bao nhiêu con cháu của các ông bà này đều đi học « trường Tây »

cả ?

Như, vậy, những người này đã mặc-nhiên báo cho chúng ta biết rằng chương-trình Việt không đủ khả-năng bằng chương-trình Pháp để đảm-bảo cho đời sống tinh-thần lẫn vật-chất của người học-sinh tốt nghiệp. Họ có lý không ? Ta sẽ thấy rằng họ rất có lý sau khi xem-xét ưu và khuyết-điểm của hai chương-trình đó.

B.— Địa-vị của chương - trình Pháp :

1) Liệt-diễm.— Chương - trình Pháp ở nước ta vừa được thay thế bằng chương-trình Việt, là tàng-tích của chế-độ đế-quốc, điều này ai cũng biết. Người Tàu ngày xưa khi đô-hộ nước ta vẫn dạy dân Việt học-hỏi «nhưng nền học ấy vẫn ở một cái trình-độ thiển-cận : mục-dịch chỉ cốt luyện lấy người dùng làm lại-thuộc ở các ty, các nha, chứ không phải là để đào-tạo nhân-tài. Vì thế, những người tuần-tú trong nước ta muốn học cho thành tài tất phải sang bên Tàu » (Văn-học sử-yếu trang 54 chương

V Dương-quang-Hàm). Xem thế, người Pháp khi xâm-chiếm Việt-Nam cũng hành-động không khác người Tàu ngày xưa. Giáo-dục của họ cốt lấy tay sai đắc-lực như các công-chức từ các cấp trên đến các cấp dưới. Còn những ai muốn thành tài đều phải sang « mẫu quốc » học thêm.

Như vậy, chương-trình Pháp này là một thủ-đoạn của thực-dân nên không vì lẽ gì chương-trình này còn ngự-trị nền giáo-dục nước Việt-Nam độc-lập và tất nhiên được thay thế bằng chương-trình Việt.

2) Ưu-diễm— Nếu Hán - học ngày xưa đã làm giàu cho Việt-ngữ và hun-đúc thêm lên cho tinh-thần bất-khuất của dân-tộc Việt để phá-tan mưu-mô người Tàu và giành lại chủ quyền quốc-gia thì Tây-học do chương-trình Pháp đem đến cũng có tác-dụng như thế đối với tinh-thần bất-khuất truyền-thống của dân-tộc Việt - Nam : Nhờ thông - hiểu ngoại-ngữ nhất là tiếng Pháp, một trong các ngôn-ngữ phổ-thông nhất thế-giới, người Việt hấp-thụ được nhiều tư-tưởng, nhiều ngành học-thuật mới mẻ về nào chính-trị, nào văn-hóa, nào kinh-tế, ... để rồi đánh đuổi kẻ thống - trị mình, xây-dựng chính-thể dân-chủ tự-do, đem học-thuật đẹp-đẽ của xứ người về kiến-thiết quốc-gia.

Và, văn-minh Tây - phương càng ngày càng tràn khắp nước

trong mọi sinh-hoạt, do đó đời sống học - sinh chương - trình Pháp chắc-chắn sẽ được đảm bảo về cả mọi mặt.

Ta thấy rõ điều trên này. Học-sinh chương-trình Pháp có đủ khả - năng thi vào các ngành chuyên-môn do chánh-phủ tổ-chức ngoài ra còn tìm được việc làm nơi các hoạt-động tư-nhân như hăng, xưởng, giao-dịch thương-mãi mà phần đông học sinh chương-trình Việt không đảm nhận nổi vì yếu ngoại-ngữ. Do đó học - sinh chương - trình Pháp giỏi ngoại-ngữ sẽ được tiếp nhận nòng hậu. Họ sẽ giữ những chức-vị quan-trọng và lương cao.

Như thế, ưu-diễm của địa-vị chương-trình Pháp ở Việt-Nam hiện tại là ngoại-ngữ (Pháp-văn), một ích-lợi to-tát biết bao.

C.— Địa-vị của chương-trình Việt.

1) Ưu-diễm — Như đã nói ở liệt-diễm của địa-vị chương-trình Pháp, chương - trình Việt phải được áp-dụng là tất-nhiên khi nước Việt-Nam độc-lập thực-sự.

2) Khuyết-diễm của chương - trình Việt — Ở đây, tôi chỉ dám ghi những điều tôi đã nghe thấy :

— Một người buôn bán quen thuộc, sau hỏi thăm việc học và kết-quả cuộc thi của tôi, kết-luận : « Phải chi học chương-trình Pháp làm việc được nhiều lương hơn ! »

— Chính tôi đã thấy nhiều giáo-sư lắc đầu chán-nản và bảo

rằng : « Phải các em giỏi sinh-ngữ, các em xem các tạp-chí Anh Pháp, các em sẽ học hỏi được nhiều điều hay. Các tạp-chí về khoa-học lẽ ra ngay bây giờ các em phải xem thì phải đợi đến mấy năm sau khi các em lên Đại-học, các em mới xem nổi ! » (Sao lại lắt đầu mà không lên tiếng sớm có hay hơn không ?)

— Một số người nói : « Học trò ngày nay kém học trò ngày xưa rất xa. Học trò chưa đỗ trung-học ngày xưa (chương-trình Pháp) ngày nay dạy học trò trung-học (chương-trình Việt) dễ-dàng ! (Kém về cái gì nhỉ ?, chắc-chắn là về ngoại-ngữ).

— Một giáo sư dạy học-sinh đệ-tam trường công : « Nếu các em muốn học cao thì ngay bây giờ các em hãy « luyện » hay « chuẩn-bị » ngoại-ngữ đi để khi lên đại-học các em mới khá-dĩ theo nổi chương-trình. Tôi đã thấy có cậu học ngành y-khoa vì không nghe nổi lời giảng bằng Pháp-ngữ nên phải ôm gói qua ngành luật-khoa.

Qua ngành này cậu cũng không sao theo nổi được nữa. Như vậy, sinh-viên đó đã lạc chỉ-hướng rồi. Các em nên chú ý, việc đó quan-hệ cho cả một đời đấy các em ạ ! »

— Một học-sinh đệ-nhi nói : « Sao học-sinh chương-trình Pháp được lựa chọn đi ngoại-quốc dự đại hội học-sinh hoài vậy bà ? »

Một cậu khác đáp : « Ô ! mấy quen hả ? Tại mình đi có môn làm cam chớ dự hội hề gì ! »

— Một học-sinh nói lớn với bạn : « Mày biết con M. không ? Nó học ở Marie Curie đó đấy. Mày nghe nó nói tiếng Pháp thì mày ngán nó ngay. Thiết một «cây» Pháp-văn ».

II Tình-cảnh học-sinh chương-trình Việt

Những điều trên đây chứng tỏ học-sinh chương-trình Việt rất kém ngoại-ngữ ! Đó là mối đáng lo. Vì sao ? Vì tầm mắt học-sinh bị thu hẹp bởi lẽ không xem nổi sách báo ngoại-ngữ cần-thiết cho học-thuật nước nhà. Học-sinh chúng tôi chỉ hiểu biết những gì đã được lược-dịch sang sách báo Việt-ngữ. Rồi còn bao điều nguy hại khác mà ông Nguyễn-Vỹ đã viết.

Ở Trung và Tiểu-học các cậu học toàn bằng Việt-ngữ khi lên Đại-học thì phải nghe giảng-giải, học hầu hết các môn và tìm tài-liệu trong các sách ngoại-ngữ, Như thế, họ làm sao theo đuổi kịp học-sinh chương-trình Pháp và sánh với sinh-viên ngoại-quốc ở các nước tiên-tiến thì các sinh-viên Việt-Nam đi đến đâu ?

Đã thế, phần đông học-sinh chương-trình Việt đều nghèo so với học-sinh chương-trình Pháp hầu hết đều khá giả nếu không nói là giàu. Khi đã thi đỗ, học-sinh chương-trình Việt chỉ biết trông mong thi-tuyển vào các ngành chuyên-môn do chánh-phủ tổ-chức để có một địa-vị, chức-nghiep với số lương vài ngàn

đủ nuôi sống cha mẹ, anh em và chính mình. Nhưng nếu trượt khỏi những ân-huệ ấy (đó là lẽ thường vì bao giờ thí-sinh cũng quá nhiều hơn số nhu-cầu), họ đành thúc-thủ trở về nổi-nghiep ông cha, lo việc cày sâu cuốc bẫm, đào đá bới khoai sau bao năm mệt nhọc với sách đèn. Rồi những khi nghỉ mệt, họ sẽ thử mạnh mẽ tìm ô xy, hoặc tìm momen (mô-măn) của khối óc quay cuồng của họ trong khi nổi gào lung trước kia nay vẫn lung ! Than ôi ! Sự lo lắng của ông Nguyễn-Vỹ đối với thể-hệ học-sinh chúng ta rất là xác-đáng, rất là cảm-động vậy !

Đại khái đời sống học-sinh chương-trình Việt của phần đông anh em chúng tôi và nhất là các cậu Trung-học đệ-nhất cấp là thế.

Như vậy, chẳng trách các bậc trí-thức đều cho con em đi học theo chương-trình Pháp trong khi các bác nông dân đưa con em đến trường công theo đuổi chương-trình Việt một cách hờn-hở và tin-tưởng !

III Kết-luận.— Do những điều

nhận xét trên đây, ta đi đến kết-luận :

1) Chương-trình Việt phải vững bền với nước Việt-Nam độc-lập.

2) Ngoại-ngữ như Anh, Pháp-văn cần-thiết và ích-lợi nhất là đối với hoàn cảnh nước Việt-Nam.

3) Chương-trình Việt không mở-mang tri-thức học-sinh đầy đủ về ngoại-ngữ : học-sinh trung-học khi qua đại-học không có một học-thức ngoại-ngữ khá-dĩ tiếp-nhận tinh-hoa xứ người, đời sống học-sinh không được bảo đảm về cả tinh-thần lẫn vật-chất.

4) Chương-trình Pháp được các bậc thức-giả chọn cho con cháu theo học vì mở-mang tri-thức học-sinh đầy đủ về ngoại-ngữ mặc dù chương-trình này là một tang-tích của chế-độ đế-quốc.

5) Vì lẽ đó chương-trình Việt tất phải được nói rộng về ngoại-ngữ.

19-2-1959

H.T.N.

Một học-sinh đã học theo chương-trình Việt.

XÓM-ĐẤT—CHỢ-LỚN

* BỊ GẠT

Một binh-sĩ Pháp đóng ở Madagascar gửi thư về cho gia đình ở Marseille, trong thư anh chỉ-trích chuyện này chuyện nọ. Sở kiểm-duyet bới lem những chỗ chỉ-trích. Gia-đình anh gửi thư cho anh biết chuyện ấy !

Trong thư sau, anh đề nơi tái bút : « Xin xem dưới con tem ».

Tại sở kiểm-duyet, thầy đội phải mất 2 giờ để gỡ con tem ra một cách kỹ-lưỡng đang xem câu chỉ-trích bí-mật. Sau 2 giờ làm việc khổ-nhọc, thầy đội gỡ được con tem ra một cách nguyên vẹn và đọc được câu :

« Chà chà thứ keo dán tem này tốt quá hả ! »

EM ĐỢI CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG... RƠI



THU qua ... Làng Bích Sơn bắt đầu vào mùa đông giá rét.

Cuộc sống của làng tuy nghèo nàn nhưng rất đầm-ấm yên vui. Nhà cửa rêu-phong, bần thiêu lại có gian gần như đồ-nát.

Trên tầng lầu thứ ba của một tòa nhà gạch cũ-kỹ là nơi cư-ngụ của đôi bạn gái thân tình, Huệ và Dung, cả hai từ xa vừa đến đây độ vài tháng để tìm kế sinh-nhai với nghề họa-sĩ.

C ủa N. T. C.

Cơn gió đông lạnh bao trùm làng Bích Sơn ... Trong cuộc sống quá thiếu-thốn và cực-khò, Dung vướng phải chứng bệnh sưng phổi rất nặng. Mặt xanh-xao bở-phờ, người uể-oải, nàng nằm thiêm-thiếp trên giường, mắt mờ-màng nhìn qua cửa sổ rồi bỗng nàng chăm-chú vào bức tường của ngôi nhà đối diện ...

Bác-sĩ lắc đầu bước ra khỏi phòng. ... Huệ, mặt buồn dầu-dầu, lo-lắng theo sau.

— « Bệnh cô ấy nặng lắm rồi. Nếu cô ấy có tinh-thần ham sống, muốn mạnh, bệnh có thể giảm, đằng này cô ấy nhứt định là mình sẽ chết ! Khó quá ! Nhưng tôi cố sẽ săn-sóc thuốc-men cho, họa may... »

Huệ tiến chân bác-sĩ ra cửa xong, nàng chạy vụt vào phòng ôm mặt khóc nức-nở. Nàng cảm thấy thương bạn quá. Sau cơn xúc-động, Huệ lau khô nước mắt, cố không

để lộ vẻ buồn nữa, nàng bước vào phòng Dung, vừa hát nho nhỏ.

Dung nằm lặng-lẽ, mặt quay về cửa sổ, tưởng bạn an giấc, nên Huệ ngừng hát. Thành linh nàng nghe tiếng gì như ai nói nho nhỏ rồi lập đi, lập lại, vội vàng chạy đến bên giường bệnh. Dung không hay biết gì, mắt vẫn nhìn qua cửa sổ, miệng lầm-bầm đếm số thụt lùi : « Mười hai... , mười một... » một phút sau : « mười... , chín... tám... , bảy... »

Huệ vô cùng ngạc-nhiên, cũng nhìn theo ra cửa sổ, nhưng nàng chẳng thấy gì khác hơn là sân gạch gồ-gề, và lưng-chùng trên vách tường gạch lở vôi có một dây nho già cằn-cổ mà trận gió thu qua đã cuốn đi gần hết lá. Nàng hỏi thầm : « Là chưa ? Dung đếm cái gì vậy ? Có gì đâu mà đếm ? ! »

Dung vẫn điềm nhiên đếm : « Sáu ! ... Trời ! Lá rơi nhanh quá, Huệ ạ ! Từ hai bữa rày em đếm gần cả trăm rồi, đếm mãi mà phát nhức đầu ! Nhưng bây giờ thì để đếm rồi vì chỉ còn ít thôi » Đấy ! Lại một chiếc nữa rơi ! Bây giờ thì còn bốn thôi ! »

Từ này giờ, Huệ chẳng hiểu bạn muốn nói gì, nàng hỏi : « Còn bốn gì cơ ? Dung ! »

— « Lá úa ! Những chiếc lá vàng úa của dây nho bên tường kia. Bây giờ thì còn bốn chiếc, nếu chiếc lá cuối cùng mà lìa cành thì

em cũng sẽ lìa xa chị, chắc chắn như thế, Huệ ạ ! À ! Chị ơi, hôm qua bác-sĩ bảo với chị bệnh của em thế nào ? Chỉ còn ba hôm nữa thôi, hả chị ? Hay là hai hôm ?

— Em đừng nói nhảm không nên ! Bác-sĩ đâu có nói thế Em rõ thật đại-dột. Làm thế nào lại có sự liên-hệ giữa những chiếc lá úa kia với bệnh-trạng của em chứ ?

Rồi nàng chớp nhanh đôi mắt, cố ngăn lệ, nói lảng :

— Thôi em, nhắm mắt lại và cố ngủ đi nhé ! Mà em phải hứa với chị là đừng nhìn ra cửa sổ nữa nhé ? Bác-sĩ đã nói với chị là bệnh của em sẽ ... giảm trong hai hôm nữa thôi !

Nói xong, Huệ kéo chăn lên khỏi ngực bạn, âu-yếm nói : « Em nằm yên nhé ! Chị đi làm việc kiếm chút ít tiền mua quà cho em. Bức họa dở-dang kia chị phải làm cho xong để mai giao cho người ta ! Tại chị cần ánh sáng để vẽ xong, chớ không thì chị đã buông màn xuống rồi để em khỏi nhìn dây nho khô-héo kia.

Mắt vẫn dăm-dăm nhìn sang tường đối diện, dường như không muốn nghe, bất giác Dung thở dài :

— « Rồi ! Lại một lá nữa rơi ! Chị Huệ ơi, bây giờ thì còn đúng ba chiếc. Em muốn rón thức để đón chiếc lá cuối cùng rơi trước đêm nay để rồi em sẽ lìa bỏ cõi đời... »

Huệ nổi giận gắt :

— Dung ! Chị cấm em nói nhảm nhí ! Lá rơi mặc lá chứ, có chiếc lá vàng nào ở mãi trên cành mà chẳng rụng đâu ? Em có nhắm mắt lại không nào ?

Dung cũng quát :

— Chị có về phòng chị không ? Đề mặc em ở đây ! Em đã mệt vì chờ đợi nên em muốn thấy chiếc lá cuối cùng rơi ! Trời ơi, chiếc lá cuối cùng, còn gì là đời em . . . !

Nghe tiếng sột sùi, Dung quay lại thấy Huệ ôm mặt khóc, nàng hối-hận vì đã cãi lời và làm bạn buồn nên vội vàng nằm yên, nhắm mắt lại cố ngủ. Bên ngoài gió lạnh của mùa đông vi-vút thổi đánh đập vào cửa. Lá lại rơi thêm một chiếc !



Thấy bạn đã ngủ, Huệ nhẹ nhàng xuống lầu đến phòng bác Duy-Mẫn gọi bác lên làm mẫu vẽ. Trước kia, Duy-Mẫn cũng là một họa-sĩ nổi danh một thời, giờ đây 60 lớp gió sương phủ lên người bác và phủ mờ cả tài-nghệ của bác. Tuy tuổi già, sức yếu nhưng luôn luôn tâm-trí của bác không quên nghĩ đến bức tranh tuyệt-tác cuối cùng mà bác dự-định sẽ vẽ trước khi lìa trần.

Đời sắp tàn, bác mong ước thực hiện được một tuyệt-tác phẩm để lại cho nhân-loại và riêng

cho làng Bích - Sơn mến yêu. Nhưng trước cảnh đẹp thiên nhiên trời, mây, non, nước, bác thấy lơ mơ như bị mây phủ. Tay cầm cọ sơn, bác thấy nặng - nặng, run run . . . , bức họa tuyệt-tác của bác vì thế mà chưa thành ! Bác chỉ làm người kiêu-mẫu cho những họa-sĩ nghèo trẻ tuổi để kiếm chút ít tiền. Còn tuyệt-tác-phẩm kia, bác vẫn ấp-ủ trong mộng-tưởng và chờ đợi dịp để thực-hành ! Bác Duy-Mẫn thừa hiểu luật đào-thải của hóa-công nên bác lặng-lẽ sống ẩn-dật trong một xó nhà bần thiêu này mà nương nhờ vào đám nghệ-sĩ đương lên. Riêng bác, với cảm tình đặc-biệt, bác tự coi mình là kẻ phải bảo-hộ cho hai nữ nghệ-sĩ trẻ tuổi ở trên gác mà bác hằng quý-mến và coi như con cháu.

Huệ nhẹ-nhẹ bước vào phòng Duy-Mẫn . . . gian phòng thiếu ánh sáng, xông lên một mùi hôi khó thở. Trong góc phòng, bức vải trắng bạc màu hoen-ố được căng ra và nó chờ đợi từ 25 năm rồi . . . chờ đợi một nét vẽ đầu tiên của bức họa tuyệt-tác. Huệ liền đến bên bác Duy-Mẫn tỏ bày cho ông hiểu rõ về những ý-nghĩ lạ-lùng của Dung đối với chiếc lá cuối cùng. Rồi nàng lo-lắng bảo nhà Họa-sĩ già :

— Bác ơi ! Con khổ quá, bác giúp chúng con với ! Con sợ Dung sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng rơi !

Con không tin như thế nhưng vì Dung quá tin . . . , nó quá tự-kỷ ám thị . . . rồi có thể nó sẽ chết theo, Bác ạ !

Duy-Mẫn cười lên sặc-sụa :

— Trên đời đâu lại có những kẻ rồ-dại đến muốn chết theo những chiếc lá chết ! Đã 60 năm nay tôi chưa từng nghe như thế bao giờ ! Sao cô đề cho cô ấy có những ý-tưởng lạ-kỳ như thế ?

Rồi bác lại cười :

— Tội nghiệp cho cô bé thì thôi !

— Thưa bác, nó bệnh và gầy lắm rồi bác ạ. Con bệnh làm nó bị khủng-hoảng tinh-thần có nhiều ý nghĩ vu-vơ quá ! Chiếc lá cuối-cùng sẽ rơi . . .

— . . . Nhưng có ai làm được cho lá vàng trở lại xanh tươi, có ai dang tay ra ngăn gió bao giờ ?

Dù nói thế chứ vì lòng thương người, bác vẫn theo Huệ lên lầu xem bên ngoài song cửa sổ, nơi có dây nho già với những chiếc lá vàng sắp rụng.



Dung còn ngủ. Hơi thở đều đều, ngực hồi-hop yếu-ớt.

Huệ dẫn bác Duy-Mẫn đến bên cửa, vén màn lên. Cả 2 cùng nhìn ra dây nho, rồi lặng lặng nhìn nhau buồn bã, không nói gì.

Duy-Mẫn chăm-chú nhìn chiếc lá rồi quay lại nhìn Dung. Vầng trán nhăn-nheo lại càng nhúm lại. Bỗng nhiên đôi mắt bác sáng lên dường như vừa có một ý-nghĩ đến

với bác. Huệ vô-ý không hay biết gì về cử-chỉ lạ lùng của nhà Họa-sĩ già. Bên ngoài cửa sổ, một cơn mưa vừa bắt đầu rơi ào-ào phả phả với tuyết, Huệ vội khép kín cửa. Duy-Mẫn rùng mình. Bác cảm thấy lạnh, môi run-run, ngực hơi thốn đau. Bác vội đến ngồi xuống ghế, làm kiêu-mẫu cho Huệ, trong khi nàng bắt đầu vẽ cho xong bức họa dở-dang của mình.



Mưa rơi suốt đêm, gió thổi không ngừng. Không gian chìm trong cơn lạnh buốt xương. Rồi ngày sau trời lại sáng . . .

Huệ đã thức, nàng mở toang cửa sổ hít khí trời và ngắm cảnh vật sau cơn giông-tổ. Rồi thần-thờ bảo : “Đêm qua mưa to quá mà gió lại rất mạnh. Mưa gột rửa lá xanh thêm xanh tươi, gió lại dập vùi lá vàng thêm rơi tả . . .

Dung cười, bảo chị :

— Ái chà ! Nhà họa-sĩ của em hôm nay lại kiên luôn thi-sĩ nữa rồi. À ! Chị Huệ ơi, chị vén màn lên hết giùm em đi chị, em muốn thấy chiếc lá cuối cùng của em coi nó đã . . .

— “Ồ ! Chiếc lá . . . Ồ lạ chưa ? Sau hai đêm mưa to gió lớn mà chiếc lá ấy vẫn còn lơ-lửng trên thân cây ? Chiếc lá chót của dây nho sao vẫn xanh mướt ? Hôm qua chị thấy nó hơi úa gần phân nửa rồi kia mà ! ? Lạ nhỉ !

— Đó là chiếc lá cuối cùng mà em tin chắc là nó phải rơi

trong cơn mưa đêm qua rồi ! Chỉ à, em có nghe gió và mưa nữa. Gió mưa dữ-dội lắm, phải không chị ? Bây giờ nó vẫn còn trên đây nhỏ hã chị ?

Rồi nàng buồn bã tiếp : « Nhưng nó sẽ rụng hôm nay và hôm nay em sẽ chết ! »

Huệ đến kề má mình vào má bạn, giọng thôn-thức :

— Em Dung ! Nếu em không còn nghĩ gì đến thân em nữa thì hãy nghĩ đến chị đi ! Rồi đây chị sẽ ra sao nếu sống không có em ? Chị van em, đừng nghĩ vớ-vẩn nữa, em à !



Một ngày chậm chạp trôi qua...

Ngay trong bóng hoàng-hôn bàng-lãng, họ vẫn thấy được chiếc lá còn lơ-lửng, xanh xanh trên dây nhỏ tựa vách tường. Rồi đêm xuống, gió bắt đầu thổi mạnh, mưa lại bắt đầu rơi nặng-nề...

Dung chờ đợi... Sáng hôm sau, nàng lại nhìn ra song cửa, chiếc lá cuối cùng hãy còn xanh. Chưa rụng !... Nàng nằm yên nhìn đắm đuối vào chiếc lá kỳ-diệu, nghĩ-ngợi liên-miên : « Chiếc lá vô tri, yếu-ớt, nhỏ bé kia vẫn chịu đựng nổi với những đêm giông-tổ, rồi qua cơn giông nó vẫn mạnh và vẫn sống ! Còn ta, có căn-bản của một ý chí mạnh, có nơi ẩn-tựa đến lúc phải chạm vào nghịch cảnh, đau khổ, ta lại chán đời, bi-quan và muốn chết ! Ồ ! Ta có thể sống lắm chứ ! Chỉ tại ta muốn chết đó thôi ! »

Rồi, mặt nàng trở nên tươi tắn lạ. Nàng vui-vẻ gọi Huệ :

— Chị Huệ ơi ! Thật em tệ quá, cái gì đã khiến chiếc lá cuối cùng được giữ mãi lại đó đề vách cho em thấy em tệ biết dường nào. Trước kia tại em muốn chết mà thôi ! Giờ đây em muốn được sống ! Em muốn sống như chiếc lá kia đã được sống, đáng lẽ ra nó đã phải rụng rồi ! Em vẫn còn sức sống như chiếc lá kia đang còn sức xanh ! Chị Huệ ơi, em xin lỗi chị vì những ý-nghĩ đen tối trước kia !

Rồi nàng bật cười : « Chiếc lá cuối cùng không rụng thì ngày cuối cùng của em cũng không tàn ! »

Huệ mừng rỡ, sung-sướng ôm bạn. Bốn giọt lệ chảy ấm trên hai đôi má. Dung lại mỉm cười :

— Chị Huệ yêu mến, hôm nay em thấy trong người dễ chịu rồi ! Em muốn vẽ một bức tranh, cảnh mặt trời mới mọc kia và ngồi coi chị nấu ăn luôn thề, chị Huệ nhé ?



Bác-sĩ bước vào, sau khi thăm hỏi bệnh-tình, ông vui vẻ cầm bàn tay ấm-áp của Dung, bảo : « Hôm nay cô bớt nhiều đấy ! Tuần tới cô sẽ khỏi hẳn. Ngay bây giờ tôi cần phải xuống tầng dưới đây để thăm bệnh ông già Duy-Mẫn. Nghe đâu ông cũng là một họa-sĩ. Lại cũng mắc bệnh sưng phổi ! Vì quá già yếu và tôi hay tin trễ quá nên bệnh nặng lắm, khó hy-vọng cứu được nhưng tôi sẽ cho chở đến nhà thương, họa may... »

Hôm sau, Huệ vào phòng bạn, ngồi bên giường, tươi cười bảo :

« Em có nghe chứ ? Bác-sĩ nói là em sẽ mạnh hẳn đấy ! »

Dung mỉm cười sung-sướng :
— Bây giờ chị có tin có sự liên-hệ giữa đời sống em với đời sống của chiếc lá chưa ?

— Bậy nào !

Một phút sau, Huệ buồn-bã ngập ngừng tiếp :

— Nhưng em ơi, chị có tin này quan-trọng cần cho em hay : bác Duy-Mẫn đã chết lúc chở vào nhà thương. Bác bị ướt và lạnh quá sức nên chết vì sưng phổi ! Bác chỉ vương bệnh trong hai ngày. Hai ngày mưa gió đấy, em còn nhớ không ?

— Hai ngày mưa to gió lớn đó hã chị ? Mà chiếc lá cuối cùng vẫn xanh, không rụng đó hã chị ?

Huệ vẫn tiếp : « Người ta thấy bác là người đi và trở lại trong phòng ; giày ướt, quần áo ướt đầm và lạnh buốt vì nước mưa. Không ai biết được trong hai buổi tối khủng-khiếp đó bác ở đâu, và em ơi, họ tìm thấy cây đèn lồng còn cháy leo-lét, một cái thang và vài vật dụng để vẽ như cọ, nước sơn màu xanh bừa bãi dưới chân tường, cạnh dây nhợ già... »

Dung chợt hiểu, nàng tái mặt, ngồi nhồm dậy hỏi dồn :

— Cọ và sơn xanh dưới vách tường ? Cạnh dây nhợ ? và sao nữa hã chị ? ...

Huệ nghẹn-ngào :

— Tất cả những vật kia chứng tỏ rằng giữa đêm mưa bão kinh-khủng, bác leo tường và sơn lại màu xanh cho chiếc lá cuối cùng !

Cho lá được xanh để em còn hy-vọng sống và việc ấy được nhiệm màu rồi ! Ồ ! em ơi, đây có lẽ là tuyệt-tác-phẩm mà Họa-sĩ Duy-Mẫn hằng ao ước. Bác sơn màu xanh cho chiếc lá ứa, và cột nó lại vào cành. Chắc bác đã mỉm cười thỏa-mãn trong gió bão và bức tranh tuyệt đẹp của bác đã được thực hiện ! Em ơi, chính bác đã sơn lại màu xanh hy-vọng trong tâm-hồn đen tối của em đó !

Dung quá cảm-xúc, nước mắt ràn rụa, nàng thét lên :

— Bác Duy-Mẫn ! Cháu hèn quá, không xứng đáng với tâm-hồn cao-thượng vô-lượng của bác ! Cháu thật đắc tội... ! Bác chết chỉ tại cháu ! !

Huệ vỗ-về bạn :

— Thôi, nín đi em ! Giọt lệ này, xưa kia đã làm mờ mắt em, nay nó đã rửa cho tâm-hồn em được sáng-suốt đấy !

— Chị ơi, giờ đây em đã nhận thức được : « Một tâm-hồn chứa đầy ý-tưởng ủy-mị, chán đời là yếu đuối, hèn nhát. Trong lúc có kẻ quá thanh-cao chỉ thấy cuộc đời của mình có hạnh-phúc khi nào đời mình đã hy-sinh cho hạnh-phúc của kẻ khác và họ chịu đau-khổ để kẻ khác bớt khổ đau ! Bác Duy-Mẫn đã chết đi để cho em được sống đây ! Nhờ bác Duy-Mẫn, chiếc lá cuối cùng kia sẽ còn xanh mãi và chẳng bao giờ rơi để cho đời em chẳng bao giờ tàn !

(Phỏng theo một chuyện ngoại-quốc).

XIN ÔNG CHÚT LỬA



★ TRẦN-QUỐC-BẢO

ĐẾN LỬA tự ngàn xưa đã là một vấn-đề cần-thiết cho loài người.

Trong sử không thấy chép rõ-rệt loài người biết dùng lửa từ khi nào. Các nhà khảo-cổ căn-cứ vào các vật đào được mà đoán rằng. Xưa kia người ta dùng hai viên đá đánh mạnh vào nhau cho bật ra lửa. Thật ra những vụ lở núi, đá lớn rơi từ trên các xuống cọ xát vào sườn núi đá bật ra lửa gây thành những vụ cháy núi, nhưng sự cọ xát giữa

những phiến đá đó thật là mạnh mẽ mới có thể phát ra ngọn lửa cháy được cỏ khô, chứ nếu ta dùng sức 2 bàn tay mà cọ hai viên đá lửa thì thật khó lòng kiếm được lửa, nhất là ta lại không môi thêm ét-xăng vào cỏ khô thì làm cách nào cho lửa bén nhảy được. Nói thế không phải người xưa kiếm lửa một cách khó khăn quá. Vì ngoài cách đánh đá người ta còn có thể kiếm lửa bằng nhiều cách khác.

Ở bên Phi-Châu, dân Mọi thờ

hàng Thần Lửa, trong hang chất gỗ và cỏ khô cháy suốt đời họ qua đời kia. Ở những xứ lạnh người ta gọt những phiến đá thành hình «Nón» và dùng những phiến nước đá đó hứng ánh sáng mặt trời, những tia sáng mặt trời xuyên qua hình Nón và hội-tụ ở 1 điểm sức nóng phát cháy ở điểm đó và họ có lửa.

Ở Việt-Nam người tiểu-phu vùng Thanh-Hóa thường lấy giẻ khô giồi trong 1 ống tre, đoạn lấy 1 thanh tre khác chẻ ra như lưỡi dao mà cưa ống tre kia. kéo cưa chừng 15 phút thì ống tre mòn vào tới ruột và giẻ rách vì sức cọ xát của 2 mảnh tre nóng quá mà ngùn ra lửa.

Lịch-sử của Lửa trải nhiều sự thử thách và tiến triển khả quan. Hồi đầu thế-kỷ XIX, Ông William A-Fairburn, phát-minh ra diêm quẹt bằng chất muối lân - tinh (sequisulphide de phosphore) phương cách chế-tạo khá nguy-hiễm và lại que diêm quá nhạy lửa. Ít lâu sau cũng theo phương pháp của Fairburn, người ta chế ra thứ diêm đầu bọc chất lân-tinh (phosphore). Loại diêm quẹt này vẫn khá nhạy và còn gây ra nhiều tai nạn đáng tiếc. Ở những nơi khí hậu ẩm thấp, diêm quẹt lân-tinh lại không dùng được vì bị ẩm ướt.

Thời chiến tranh, vấn đề diêm quẹt trở nên vô cùng cần thiết đối với quân đội. Một quân nhân Mỹ mỗi ngày tiêu thụ ít nhất là 10

que diêm để hút thuốc lá và 8 que diêm vào việc nấu nướng, thắp đèn v.v . . . Để cung cấp hợp thời cho quân đội, Công-ty Diamond Match của ông Fairburn chế tạo ra loại diêm quẹt đặc biệt để dùng trong những xứ ẩm ướt như vùng Panama.

Vấn đề diêm quẹt lại gặp phức tạp hơn khi quân đội Đồng-Minh hoạt động trong vùng Nhiệt-đới, có những trận mưa đột ngột làm ướt sũng hết thấy đồ vật. Hãng S.T Dupont exclusive Drago ở Ba-lê liền cung cấp cho quân đội nhiều loại «bật lửa» dùng đá lửa và ét-xăng, nhưng lính tráng phần đông ghét dùng bật lửa vì có nhiều diêm bắt lợi như phải đồ xả g vào máy bật hàng ngày, nhiều khi bị lụt tim bắc, nặng nề và nếu dùng vào nước thì máy bật cũng không thể đánh lửa được. Ngay cả lúc khô, lắm khi phải bật thật lâu mới kiếm được ngọn lửa.

Kỹ-sư Fairburn sau khi nghiên cứu tỉ mỉ các vấn đề diêm lửa, liền cho xây dựng một nhà máy lớn ở Oswego thuộc Nữ-Uớc, và bắt đầu cho sản xuất những loại diêm quẹt tinh xảo hơn, loại diêm bằng giấy carton, rồi đến loại diêm rất dẫn dị quẹt vào bất cứ đâu cũng bốc cháy được. Hãng quảng cáo loại diêm quẹt đặc biệt này cho các cô thiếu nữ trẻ đẹp đứng ở các công viên nơi có đồn quân lính; các cô đeo băng nhãn hiệu của hãng diêm, mỗi lần biểu diễn các cô thè lưỡi ra quẹt đại ngay que

điêm vào lưới và que điêm bốc cháy.

Sau chơi Công-ty Diamond Match đã chế tạo được loại điêm vừa ý hết mọi người gồm những điêm : nhẹ nhàng, không thấm nước, điêm có thể ngâm dưới nước 8 tiếng đồng hồ vẫn còn dùng được như thường, nháy lửa tuy nhiên tương đối ít nguy hiểm nhất. Mỗi ngày nhà máy Oswego sản-xuất từ 10 đến 15 triệu que điêm.

Ngày nay những nhà làm đồ chơi đang tìm nhiều cách cạnh tranh với các hãng điêm quẹt, họ chế-tạo ra các bật lửa thật xinh xắn, bật lửa hình phi-cơ phản lực, bật lửa hình súng lục, bật lửa gắn liền với hộp thuốc vãn vãn...

* LÀM VIỆC NGHĨA

3 hướng-đạo-viên chạy lại nói với xếp đoàn :

— Chúng tôi vừa làm được một việc nghĩa.

Hài lòng, xếp đoàn hỏi :

— Các anh đã làm gì ?

— Chúng tôi vừa dẫn qua đường một bà lão.

Lấy làm lạ, viên xếp đoàn hỏi tiếp :

— Nhưng tôi không hiểu tại sao lại phải cần đến 3 người để dẫn một bà lão qua đường ?

— Vì bà ấy có dẫn theo 3 con gấu đen lắm !

* VÌ TẤM GIẤY BẠC

Thằng Mèo đi học trở về một tiếng đồng hồ. Cô giáo hỏi :

— Mèo, tại sao hôm nay trở đi học trễ quá vậy ?

Mèo chầm rãi trả lời :

— Thưa Cô, vì em đứng xem một đám đánh lộn. Một người làm rách một tấm giấy bạc 20\$, lại nghĩ cho một người khác lượm được. Hai người cãi lộn rồi đánh nhau.

— Tại sao em không lo đến trường cho đúng giờ, mà lại xem đánh lộn ?

— Thưa Cô, vì em... không thể bỏ đám đánh lộn mà đi được.

— Tại sao lại vậy ?

— Thưa Cô, vì chính em đang đạp dưới chân tờ giấy bạc 20\$ đó. — Em sợ cảnh đến bắt hai người ấy đi về Bót rồi em mới lấy được tờ giấy bạc.

Lửa nuôi sống loài người từ bao đời, nhưng chính lửa cũng nhiều phen tác oai tác họa cho loài người. Trong các vụ hỏa-hoạn, lửa tiêu-diệt những công trình của nhân loại, trong cuộc chiến tranh lửa sát hại sanh mạng con người. Ông thần lửa cũng một lúc giữ hai nhiệm vụ THIÊN và ÁC. Nhưng dù muốn dù không, loài người, vẫn không thể xa Ông. Vì lửa cần thiết cho loài người cũng như cơm ăn, áo mặc, nước uống vậy. Ở đâu có người, ở đấy phải có lửa.

Và ở đâu có lửa thì ở đấy các tay chế tạo bật lửa, điêm quẹt... vẫn tiếp tục cạnh tranh nhau ráo riết để tạo cho mình cái ngai vàng của « ông thần giữ lửa ».

QUÁN RƯỢU BỜ SÔNG DỊCH

(VÌ MỘT LÝ DO RIÊNG NÊN THỨ TỰ THỜI GIAN TRONG BÀI NÀY CÓ PHẦN BỊ XÁC TRỘN)

★ T.T. NIỆM



T H Ì Y
Mạnh-
K h a
l ử n g-

thường trở về

nước Lỗ. chòm râu bạc bay phất phơ trước gió bắc tàn Thu. Bụi thời gian đã phủ lên chòm râu bạc, lên đôi vai gầy, lên nét mặt của nhà hiền triết cũng như lên bốn vó gầy guộc của con lừa già thân-thiết, bạn đường của Thầy, những nét mặt nhọc, ưu tư.

Thầy trở về nước Lỗ với ý định « Cáo chết ba năm quay đầu về núi », trở về để gởi nắm xương tàn bên cạnh phần mộ của Đức Đại Thành Chi Thánh Tiên Sư, bậc sư biểu mà Thầy suốt đời tín phục, tôn thờ và giảng dạy, phát huy, tuyên truyền học thuyết, — một phần nào phải xuyên tạc vì hoàn cảnh, theo như Thầy nghĩ — để tên tuổi được lưu truyền với thanh sử với cái công xướng lên thuyết « Tinh bôn thiện » và đấu

tranh tư tưởng Mặc-Địch, Dương-Chu.

Nghĩ đến Mặc-Địch, Dương Chu, Thầy thấy rung mình vì sợ. Cũng may mà lúc thiếu thời, Thầy rất minh-mẫn — đến như việc hiền nội tướng của Thầy quên mặc xiêm y lúc Thầy nhập phòng vì ái ân lai láng mà Thầy còn phân tích ra là sai với Lễ đã chép ở kinh sách thì đủ biết — nên Thầy mới có thể gọi là chống đỡ cho lý thuyết của Đức Thánh được phần nào ; còn như bây giờ, Dương, Mặc có nói Đông, nói Tây gì nữa thì Thầy cũng đành chịu. Bây giờ, nghĩ lại đến cái thời ấy, cái thời mà « Thiên hạ bất quy Dương, tắc quy Mặc », lý thuyết của hai tay tổ này tràn lan khắp thiên hạ, còn Thánh đạo thì cứ như là ngọn đèn hết dầu trước gió... May mà Thầy còn minh mẫn !

Mặc-Địch, áo vải dày cổ, mồn gót-lông trăn, hô hào thiên hạ « kiêm ái », thương yêu nhau bằng một tình yêu vị tha, chán

thành, không đẳng cấp đã khiến cho bàn dân thiên hạ tin phục, chạy theo như nước chảy. Mặc đi đến đâu đều được người dân thương mến bằng một tình thương ruột thịt; vua chúa thì sợ, kính trọng và không dám làm gì lão vì lão đâu có cần địa vị, chức tước, quyền năng. Còn Thầy thì bán hết gia tài để sắm sửa nào là áo mũ, xe, lừa v.v... lao tâm khổ tri đi hết nước này đến nước khác, tâm ở Hàn chác thì lại quay sang Hán những mong được thế này, thế khác nhưng vua chúa nào có coi. Thầy ra gì đâu. Lý thuyết của Thầy học được từ thuở biệt từ mẫu phải khốn-khổ dọn nhà vì Thầy rất dễ chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh xấu, đến lúc bà phải nghiêng răng cắt đứt tấm vải trên khung cửi cho đến lúc trên đầu đã hai thớ tóc đem ra thuyết cho chư hầu thì bọn này chỉ cho đôi ba điểm là được mà thôi. Tuy cho đôi ba điểm trong lý-thuyết của Thầy là được vì có lợi cho họ, nhưng cái thân của Thầy, họ có coi ra gì! Hơn nữa, chư hầu lại còn sợ cái cao đàm, hiếu biện, cao-hưng bất tử của Thầy... «*dân vi quý, quân vi khinh*», «tôi chỉ biết Lễ chứ không biết lợi» v v.. của Thầy nên họ đành phải lễ phép đón tiếp Thầy theo đúng kiểu «*quân tử chi giao đạm nhược thủy*», không dám hay là không muốn dúi cho Thầy hoàng kim, áo hồ cừu vì sợ Thầy chính cho

thì bề mặt, rồi lại lễ phép tổng tiễn Thầy đi cho họ nhò. Cứ như thế con lừa này già rồi chết, Thầy lại phải cố sức xoay xở để mua con khác, bánh xe mòn không biết bao nhiêu lần và cũng đã không biết bao nhiêu lần. Thầy nghẹn giọng, cười buồn từ biệt chư hầu xỏ lá này để đến một chư hầu khác xỏ lá không kém rồi lại ra đi... Khốn khổ đem lý sự hết sức bề tặc của mình ra đấu với Mặc-Địch cho họ đồ quanh, gạt quần trước Mặc-Địch cho trong khi họ rất sợ, rất trọng Mặc-Địch còn Thầy thì họ chỉ coi như là 1 thứ đồ dùng, Thầy vẫn biết thế.

Vua chúa thì như thế còn bàn dân thì chỉ ngó Thầy bằng một mắt. Họ mê theo Thầy thì mặt kiếp vẫn là con sâu, cái kiến, sống cái kiếp cơm vua, áo chúa, đất trời. Thế cho nên, họ đối với Thầy rất lạnh, không phải là cái lạnh của quân tử đối với nhau, mà Thầy có đôi bụng thì phải chịu khó xuất tiền ra mời hồng có cơm có rượu tròng khi họ đối với Mặc-Địch như ruột thịt thân thiết.

Nghĩ lại, Thầy Thấy tức nghẹn đến cổ. Giá không có Mặc-Địch có phải là Thầy giỏi biết bao nhiêu. Thầy tha hồ ăn, tha hồ nói, tha hồ múa gậy vườn hoang không kiêng sợ gì cho lắm, vì Thầy biết là không thể nào chống lại Mặc-Địch được 1 câu, 1 chữ còn Dương-Chu, thì tương đối còn dễ...

Lão Dương - Chu xường lên thuyết «*Dưỡng-Sinh*», «*Tồn ngã*», tôn trọng cái sinh mệnh của mình mà tôn trọng cái sinh mệnh của người. Từ 1 cái rất nhỏ cho đến 1 cái rất lớn lão đều quý trọng vì chúng đều có vị-tri trong vũ-trụ, chúng đều cần phải được bảo vệ vì chúng rất cần cho sự tồn tại, quân bình của vũ - trụ. Lão nói:

«*Toàn sinh bảo chân bất dĩ vật luy hình*».

(Giữ toàn vẹn họ sống, bảo vệ bản tính hồn nhiên mộc mạc không để cho ngoại vật làm hại đến thân thể) và:

«*Cổ chi nhân tổn nhất hào lợi thiên hạ bất dĩ dĩ. Tất thiên hạ phụng nhất thân, bất thủ giả. Thân nhân bất tồn nhất hào, nhân nhân bất lợi thiên-hạ, thiên-hạ trị hỹ*».

(Người xưa thiệt một sợi lông mà lợi cả thiên hạ không cho vậy. Hết cả thiên hạ phụng sự cho 1 thân mình, không lấy vậy. Mọi người ai cũng như ai không thiệt một sợi lông. Người người không ai lợi được cả một thiên-hạ, thì thiên hạ trị).

Lý thuyết của lão rành rẽ, hợp lý như vậy thì Thầy còn biết ăn nói ra sao nữa. Thành thật mà nói thì Thầy vẫn biết cái sức của Thầy so với Dương-Chu thì lão như là Lỗ Ban còn Thầy thì như là anh thợ bạn mới tập múa búa. Đường đường, chính chính

uợc đấu lý với lão là đại; Thầy bèn xuyên tạc ý của lão thành ra:

«*Bạc nhất mao lợi thiên hạ, bất vi*». (Nhờ 1 sợi lông mà lợi thiên hạ cũng không làm).

Để cho lão trở thành 1 anh xấu bụng thì Thầy mới thẳng — thẳng là được còn kể gì phương tiện — vì thua Mặc-Địch rồi còn thua Dương-Chu nữa thì Thầy «*lúa*» mất rồi, sao còn là bạc Á Thánh được? Tuy vậy, Thầy cũng thấy hơi thẹn thẹn vì chả gì Thầy cũng là cái rương đựng đạo đức mà lại đi xuyên tạc lời người thì còn ra thế thống gì... nhất là đến bây giờ là lúc gần đất xa trời, Thầy chẳng sợ thế nhân chê là hiếu biện, ăn nói chanh chua như đàn bà mà Thầy chỉ sợ lúc về với đất, xuống cửu tuyền mài mực cho Đức Thánh thì Đức Thánh sẽ ban lời quở trách và lương tâm của Thầy cũng hùa theo mà thống trách, cắn đứt Thầy... Nhưng cũng chẳng sao... đến lúc ấy, Thầy lại ngụy biện thêm một lần nữa cũng được mà..

Chiếc xe tàn chở văn hóa của Thầy lọc cọc bò đến bờ sông Dịch. Nơi đây, đã có 1 đấng Thái tử khấn sô áo tang dất cả bá quan mặc tang phục ra quỳ xuống rót rượu tiễn người hiếm sĩ «*nhất khứ bất phục hồi*» vì tình tri kỷ, vì nghĩa lớn của nước Yên. Người tráng sĩ ra đi, có bạn thân đánh trống tiễn đưa, hùng khi mờ Ngưu, Đâu; ra đi có

an người trọng, vạn người
phương, vạn người hiền. Thầy
sấm sinh áo quần xe cộ đề ra đi
du thuyết, hùng khí nào có kém
chỉ Kinh-Kha, tuy chắc chắn
không phải chết ở cung điện
Hàm Dương nhưng chắc chắn là
nhục nhiều và vinh thì rất mơ
hồ mà nào có ai hiểu, trọng và
thương để cho Thầy thử liệu
mình theo cái kiểu của Thầy 1
phen cho thiên hạ biết tay như
Lạn-tương - Như chẳng hạn...
nhưng tiếc là Thầy không có
thời và như thế thì đối bụng,
mỗi chân, mỗi miệng lắm dù
Thầy có thể thuyết hàng giờ.
Thầy nghĩ vậy.

Cổ xe dừng ở 1 quán rượu ven
sông. Thầy Mạnh-Kha sửa lại áo
mũ, vuốt lại râu, ngoảnh đầu về
Bắc khuyết rồi lập cập xách gậy
trúc, định bụng vào quán kiếm 1
bữa cơm rượu no nê sau 1 ngày
dài ế ẩm gân cốt. Bước đến cửa,
Thầy đã giật mình rồi nép vào
bên cửa, vén màn trúc nhìn vào.
Đó đây, những cốc rượu lớn
đặt ngồn ngang. Dăm gã mặt
trắng còn ôm lấy kỹ nữ mà
cười đùa loi-lả. Rượu cứ
chảy. Vài bậc trượng nhân tóc
bạc cũng gật gù ra cái chiều
tán thưởng. Một gã trông rất
dĩnh ngộ, ý chừng là con nhà
đại gia, đang ôm lấy một nàng
mặt hoa da phấn, vạch bụng
nàng ra làm trống, đánh nhịp
mà ca :

• Phương hề ! Phương hề ! •

Hà đức chí suy

Vãng gia do khả khán

Lai giả do khả truy

Dĩ nhĩ ! Dĩ nhĩ !

(Phương hề ! Phương hề !

Sao đức suy đến thế

Chuyện trước đã không biết
được

Chuyện sau thu được hề !
Về đi ! Về đi ! Hết thời rồi hề !)

T.T. Niệm dịch

Gã hát đến đâu thì cả bọn lại
cười lẫn cười, lóc. Thầy Mạnh
Kha giận đến tái mặt. Sĩ nhân
mà đến như thế thì loạn thật
rồi. Chúng dám đem bài hát của
tên Sở Cường hát khi đi ngang
xe đức Thánh thì còn có Trời
Đất, Thánh, Hiền nào nữa. Giá
như ngày xưa thì thế nào Thầy
cũng tặng cho mỗi đứa dăm
chục hèo vào đấy, đứa nào có
khoa giáp thì lột cớ biên lại trả
vua rồi lôi cổ chúng đến văn miếu,
xôi lợn tạ tội trước Đức Thánh
và tuyên cáo cho sư làm biết đề
rửa nhục cho Nho Gia như thế
đến bây giờ, bây giờ thì Thầy
lặng lặng rút lui, quên cả đối
bụng, quên cả thêm rượu, lặng
lặng trèo lên xe. Con lừa già
nhấn nạy cúi đầu.

Bạc Ái Thánh lặng lặng trèo lên
xe, giật cương, giật cương đi vào
không gian và thời gian thăm
thẳm.

CẢI - LƯƠNG

Ông Tồ Cải - Lương

(Hiện giới đang thờ) là...

BA ÔNG LẠNG ?

Còn Ông PHỒ MUỖI HAI ?

★ NGUYỄN-ANG-CA

TRƯỚC khi nghe kịch-sĩ
lão thành Bảy Nhiều tường
thuật lối ca ra bộ hồi 40
năm trước, chúng tôi xin hỏi bạn :

— Bạn có dịp đề chân lên sân
khấu hậu trường lần nào chưa ?

Nếu có, chắc chắn bạn sẽ chú ý
đến điều này. Là từ một gánh hát
tiến-bộ, đại ban đến một tiểu ban,
sống chết nhờ đình, miếu, chợ
nhỏ, làng xa, gánh nào cũng có
một bàn thờ... Tồ.

Bàn thờ Tồ được trang-hoàng
trực-rỡ, có đèn xanh, màn đỏ, hoa
quả chưng bày, nhang khói suốt
ngày, tỏa ngát hương thơm.

Bất cứ đến viên nào cũng đến
thắp nhang khấn nguyện mỗi khi
ra sân khấu. Họ khấn nguyện một
cách vô cùng kính cẩn. Họ tin
tưởng rằng nếu không thành tâm
với Tồ, khi ra sân khấu họ sẽ quên
cả tuồng, có khi cử chỉ lúng ta



Cô BÍCH-THUẬN

Một cô đào Cải lương duyên-dáng
đã chinh-phục rất nhiều cảm-tình
của khán-giả ái-mộ.



Cô KIM-CHUNG

Từ sân khấu đến ngoài đời luôn trên màn bạc đều sáng chói 4 chữ Tài Đức Vẹn Toàn !

lúng túng, vắng râu, sút măng, vấp ngã, cà lăm, lú lười v.v...

Chỉ đến những ca kịch-sĩ đã xa lánh sân khấu, có dịp lên thăm anh chị em đào kép ở hậu trường, họ cũng không quên đến bàn thờ Tò đốt nhang, đứng lăm râm mấy phút.

Những Ông-Tò mà giới cải-lương kính cẩn tôn sùng, và « Hội Nghệ-Sĩ Ái-Hữu » đã chọn ngày 12 tháng 8 âm-lịch làm ngày giỗ Tò chung cho gia-đình nghệ-sĩ cổ nhạc có phải thật là « Ông Tò Cải-Lương »?

(Đúng với danh nghĩa, Ông Tò Cải-lương chính là **ÔNG PHỐ MUỖI HAI** ở Vinh-Long).

Vậy Ông Tò Cải-Lương mà giới sân khấu đang thờ có phải là ông **PHỐ MUỖI HAI**?

Ờ nhìn kỹ, tại sao ta thấy trên bàn thờ Tò, có đến 3 ông?

Chúng tôi xin đáp mau cho bạn rõ :

Ông Tò Cải-Lương mà anh chị em đang kính-cần thờ, không phải là Ông **PHỐ MUỖI HAI**?

Ông Tò — hay nói đúng hơn là **BA ÔNG LÀNG** — của giới cải-lương đang thờ hiện nay đó, đã mượn bên giới hát bội.

Thật là mâu-thuẩn và trớ-trêu.

Về vấn-đề vay mượn Tò này, sau khi loạt bài của chúng tôi được đăng tải ở báo Điều-tra phóng-sự (số 6, ngày 5-6-1954), chính anh chị em trong giới cải-lương đã nhìn nhận là đúng.

Nhìn nhận nhưng chưa thấy có một sự bỗ cứu và không biết đến chừng nào, giới nghệ-sĩ cải-lương chịu trả « **BA ÔNG LÀNG, TÒ HÁT BỘI** » về cho nghệ-sĩ **HÁT BỘI**?

Năm sau, tại buổi Đại-hội Văn-hóa toàn quốc, nghệ-sĩ tât nguyên Duy-Lân đã có dịp thuyết trình về lịch-trình tiến-triển của nghề hát xù này. Nghệ-sĩ Duy-Lân đã hoàn toàn đồng ý với chúng tôi về « nguồn

ốc » của cải-lương, (xem lại Phở-Thông số 7).

Theo Duy-Lân, triều-lưu phát-triển của cải-lương đã chia ra làm mấy giai-đoạn như sau :

BUỔI ĐẦU

Buổi đầu bở-ngỡ, thiếu phương-tiên thực thi, thiếu phần sáng-tác cứu-cánh, và cũng còn ái-ngại dư-luận và kết-quả, nên năm 1917, Sa-đéc nương luồng gió mới ban xiếc cầm ca « Sa-đéc Amis » rộn-rịp chào đời. Nào đu, đi giầy, nhào lộn, thêm vài lớp ca-lý, hài-kịch phụ diễn, « Sa-đéc Amis » của thầy ký Tông, (can vào một án bội-tín bị dày đi Ông-Yêm, nhào vào rừng tập chơi vài trò xiếc, ngày măn tù về lập nên) — cùng quý ông Ba Thông, Tám Cang ; Tư Hào, cô Tư Sng cô F ai Cúc cô Tư Mão, Hai Vui v.v... đã gây nên một tiếng vang khá lớn.

Vinh-Long quyết không nhường ông Lê-văn-Hiền, nhà chí-sĩ ân-danh, (gốc người Trung-Việt vào Nam lập gia-đình và sinh sống luôn tại vùng Long-Hồ, một bức văn hay võ giỏi, trọn đời không làm việc gì cho Pháp cả) tự lực động-viên cả nhà lập nên một ban « Xiếc Cải-lương » với cô Bảy Ngọc, tục danh cô Bảy gái Vinh-Long, hiện còn theo nghề đi lưu diễn khắp nơi, là cô đào duy nhất còn sống sót — (dâu của ông Hiền), hai cô gái cùng : cô Mười Lớn, cô Mười Nhỏ, ông

Tám Long (con trai) ông Ba Văn, ông giáo Lang, ông Năm Tốt v.v... những tay xiếc lừng danh. Ban xiếc « Lê-văn-Hiền » vẫn cùng một hình thức và nội-dung như « Sa-đéc-Amis ».

VƯỜN MÌNH

Năm sau, vì thiếu phương tiện lưu diễn, nên cả 2 ban « Xiếc Cải-lương » Sa-đéc — Vinh-long đều suy sụp — nhóm nghệ-sĩ Sa-đéc-Amis đi sang Mỹ-tho giúp thầy Năm Tú dự định lập gánh hát Cải-lương. còn lại ba tay hề đặc biệt Tông — Hào — Siêu được ông André T ận hùn vốn vào, mượn tên ông làm bản hiệu, lại quật khởi lên. Riêng nhóm « Lê-văn-Hiền » thì cô Bảy Ngọc xuống đầu quân cho « Kỳ Lân Ban » của bà huyện Xây, một gánh hát Cải-lương có tranh ảnh, có tuồng tích, ca kịch hẳn hoi

Đồng thời ở Mỹ-tho cô Tư Sự lập n' n ban Xiếc Cải-lương « Đồng-Bào Nam » qui tụ những tay kiệt hiệt như cô Năm Phỉ, Hai Giỏi, Hai Bông Ba Du v.v... qua một lúc vui đùa, rồi tan rã. Họ kéo nhau qui tụ dưới bản hiệu của nhóm thợ Kim Hoàn mộ điệu cầm ca, dựng nên « Nam Đồng Ban » vẫn với cô Năm Phỉ — kép Hai Giỏi làm nòng cốt, mượn cổ-tích, thợ truyện-soạn nên tuồng, làm chấn động toàn miền Nam nước Việt.

Do đó « Kỳ Lân Ban » và « Nam đồng Ban » là hai gánh hát Cải-

Lương có một sân khấu ca kịch thuần túy Việt-Nam đầu tiên trong lịch-sử của nghệ-thuật này. Năm 1920 « Kỳ Lân Ban » biến thành « Nhã Tinh Ban » do ông Trần-Phong-Sắc vừa chủ-trương vừa soạn tuồng — cũng như « Nam Đồng Ban » sau ngày kép Hai Giỏi yêu-vong, dành nhường chỗ cho các gánh khác ở khắp nơi nổi lên tranh đua ráo riết « Thầy Năm Tú » — Mỹ-tho « Văn-Hí Ban — Cholon « Tân-Thịnh », Sài-gòn « Tập-ích-Ban », Long-Xuyên « Tân - Hưng » — Vĩnh-Long v.v . . .

OẢN-OẠI DƯỚI CHẾ- ĐỘ THỰC PHONG

Nguồn sáng-tác trên sân - khấu các gánh hát Cải-lương từ 1921 đến 1926 đáng cho ta ca ngợi vì đã xây - dựng trên tinh - thần thuần-túy dân-tộc tính, toàn thể tuồng kịch đều vay mượn ở kho cổ-truyện vô tận của đất nước. Nhưng vì phải sinh-hoạt dưới chế - độ hà - khắc của thực-dân, sự kiểm - duyệt vô cùng chặt chẽ, khiến nên sự sáng-tác phải rập nhau hướng về một chiều

* ĐIỀN QUÁ

Một anh dân chài đang dạo chơi bên bờ sông thì thấy 1 người lao mình xuống sông để tự oản. Anh liền nhào xuống nước cứu kẻ chán đời. Nhưng khi vừa được đem lên bờ, kẻ chán đời lại thất cò trên một nhánh cây, trong khi ấy thì anh dân chài ngồi dầm một cách thân-nhiên.

Cảnh-sát đến và hỏi anh dân chài :

— Sao anh dám hy-sinh mạng sống anh để cứu nó lên rồi anh lại để nó thất cò trên cành cây như vậy mà không can-thiệp ?

— Trời ơi, tôi đâu có biết gì ! Tôi tưởng nó làm như vậy để cho mau hết quần áo chứ !

đạo-đức, luân-lý suông, không ai dám đơn cử lên một khía cạnh tranh-dấu cho quốc-gia, lòng dũng cảm chống quân thù của dân-tộc, nên lẽ dĩ-nhiên là không thấu nhận được hoàn toàn sự tưởng-thưởng của người xem. Nội-dung sân khấu thời ấy đã không phong-phú lành-mạnh, mà hình-thức thì quá buồn-tẻ, đơn-sơ. Thêm vào đó còn bị uy-quyền thực - dân đè nén, ý khinh miệt xướng ca của các nhà đạo-đức nong gân làm trở ngại, nên cuộc sinh-hoạt phải luôn luôn lưu-động theo dấu cũ của ngành Hát Bội, mà sự thâm thập người theo nghề cũng khó nổi chọn-lọc trong giới hữu học, tài-hoa được. Thế nên mặc dầu điệu hát cải-lương là nghệ-thuật lành-mạnh bắt nguồn ở mạch cảm ca phong-lưu, ý-vị, nhưng đa-số người hát vì mực sống thấp kém, vì điều-kiện xã-hội không thuận tiện, hóa ra cuộc sinh-hoạt tinh-thần và vật-chất của sân khấu cải lương trong lúc ban khai vẫn không hơn thực trạng đáng buồn của ngành hát bội bao nhiêu.

(Còn nữa)

ÁNH ĐÈN

Tiểu thuyết của TỪ-VU

VI-HUYỀN-ĐẮC dịch

(Tiếp theo PHỒ-THÔNG Số 7)

Chương VII

TU Y tôi đã mất hết tự-do, và không được phép đi ra khỏi nhà, nhưng tôi được vô-cùng thư-thích ; tôi có thể đọc bất cứ cuốn sách nào, tôi ưa đọc, và nghe bất cứ đĩa hát nào, tôi khoái nghe.

Khi Triều-Tin đã đi khỏi, thì chỉ còn có mỗi một mình tôi ở nhà. Như vậy, tôi được riêng hưởng cả một sự an-tĩnh.

Sáng sớm, khi anh ta ra đi, tôi hãy còn ngủ, cho nên, suốt cả ngày, vắng bóng anh, mà, mãi tới tối sẫm, tôi mới lại giáp mặt.

Tuy nhiên, đó không phải là một cái lệ bất-di, bất-dịch ; cũng có hôm, hẵn vụt trở về để nghỉ-ngơi trong chốc lát, hoặc để thay đổi y-phục, rồi hẵn mới đi ăn cơm ở ngoài ; cũng có khi, hẵn cùng dùng bữa với tôi ở nhà ; ăn xong, hẵn lại ra đi.

Thế rồi, năm ngày sau đó, vào lúc chập tối, hẵn trở về và nói không đi nữa ; hẵn liền chút bỏ bộ nhung-phục ra, để khoác bộ

hòa-phục vào, và tỏ vẻ hết sức thư-thích, an-nhàn để cùng ăn cơm với tôi. Cơm xong, chúng tôi, ung-dung ngồi bên lò sưởi, uống cà-phê, hút thuốc lá, và cùng nhau, chuyện-trò rất lâu.

Quả tình, hẵn là người có học-vấn và hiểu rõ tính-tình của người quan-quân Nhật ở Trung-quốc, bởi vậy, chúng tôi có rất nhiều chuyện, khả dĩ cùng nhau, đàm-thoại. Chúng tôi đã bàn tới tất cả những vấn-đề về văn-hóa và nghệ-thuật ; duy có những điều thuộc về chính-trị, thì bao giờ tôi cũng cố tình tránh, hoặc tìm cách đánh trống lảng.

Hắn bảo tôi :

— Tôi mong rằng, anh cứ coi tôi như một người bạn của anh và đừng e-dè, cố-kỵ gì cả, anh nghe không ?

Tôi đáp :

— Nhưng, thưa ngài, ngài với tôi là hai kẻ « bất-bình-đẳng ».

— Ô ! Hai người chúng ta, cùng ở với nhau trong cái nhà này.

sao lại có thể gọi là bất-bình-dẳng được ?

— Ngài quên rằng, đối với ngài, tôi chỉ là một tên tù-phạm, hay sao? Ngài cũng không nhớ cho rằng, ngài chỉ cất tiếng, nói lên một lời, là ngay tức-khắc, tôi có thể, hoặc bị tống vào lao-ngục, hoặc bị hành-quyết trong giây phút ? Với cái tình-trạng đó, chúng ta không thể nào chuyện-trò với nhau, như hai người bạn bằng vai, phải lữa.

Bỗng, hắn vừa cười, vừa nói :

— Nếu thoảng hoặc, anh thấy ở đây, có điều gì không được như-ý, hay, sự chiều-dãi anh, không được chu-đáo, anh cứ cho tôi rõ.

— Thưa không, về các điểm ấy, thiệt tôi chẳng dám có gì đáng phân-nân, tôi phải cảm-tạ sự ưu-đãi của tôn là đấng khác. Xin tôn ông nhớ cho rằng, tôi ở đây, đã năm ngày rồi. Cái đ.ều mà tôi thấy thiếu-thốn nhất cho tôi, là cái gì, chắc hẳn tôn ông đã biết...

— Nhưng, cái gì, mới được chứ ?

— Thưa sự tự-do.

Hắn phá lên cười, rồi ôn-tồn bảo tôi :

— Tự-do ? Hiện thời, chúng ta đương ở trong tình-trạng chiến-tranh, ai là người được tự-do ? Chính ngay tôi, liệu tôi có được tự-do không, cái đã ? Họa chẳng, như tối nay, chẳng hạn, trong khi công-việc bữa bọn mà chúng ta,

đã vụng trộm tóm được một tý thì-giờ, đề cùnng dùng bữa với nhau, và đề chuyện-văn với nhau, họa chẳng chỉ có bấy nhiêu, là tự-do, thì có ?

— Thưa tôn ông, tôn ông dùng tôi, đề phụng-thừa sự tự-do của tôn ông chứ gì ?

— Tôi hiểu, anh không cho rằng, anh ở đây với tôi, và ngày ngày ta chuyện trò với nhau, là một điều tự-do. Chẳng qua, tôi có một tý quyền-lực nào, tôi đem nó ra đề giúp anh, có thể thôi. Nhưng, nếu anh đem sự ở nơi đây, mà ví với tù-ngục, thì nhất-định, anh phải nhận cho rằng, anh đã được hưởng một thứ tự-do, đấy chứ ? Có phải thế không nào ? Vì, vốn dĩ tự-do, cũng như tiền-tài, đó chỉ là những thứ, có một giá-trị rất tương-đối.

Tôi rút một hơi, điếu thuốc đương hút dở, và tôi đáp :

— Dẫu sao, nói tóm lại, tôn ông giữ tôi ở đây, đề làm gì, kia ạ ? Và tôn ông sẽ câu-lưu tôi như vậy, cho tới bao giờ ?

— Cho tới bao giờ, anh chịu khai cho họ rõ, cái tên Hồng-thường-Tắc, hiện ở đâu ?

— Thì tôn ông cứ trông thân-thề tôi đây

Vừa nói, tôi vừa giơ hai cánh tay, trên đó có đầy những vết tím bầm, với những lần dục, lần ngang, và tôi nói tiếp :

— ... Họ đã dùng đủ thứ độc-hình đề khảo-đá, tra-tấn tôi, mà tôi cũng chịu phép, không sao cung-khai ra được, điều đó đủ chứng-tỏ rằng, tuyệt-nhiên, tôi không biết tên đó ở đâu !

Hắn ta bỗng đứng lên, xoay lưng về phía lò sưởi và nói :

— Thiệt tình, riêng tôi, tôi tin rằng, anh không biết thực, hoặc giả, anh có thể không chịu « xuất-mãi » một người bạn, cái đó không phải là một điều đáng chê, mà trái lại, nếu quả có như vậy, riêng tôi, tôi xin bái-phục lòng quả-cảm của anh !

— Thưa tôn ông, thế bây giờ, tôn ông còn muốn điều gì, ở tôi ?

— Đây là một việc thuộc phạm-vi chính-trị...

Hắn rút ra một điếu xì-gà, dùng đầu que điêm, chọc một cái lỗ ở đ.ầu cuối, và vừa châm lửa hút, vừa nói tiếp :

— Kỳ thực, anh chỉ khai ra, ai là bạn hữu của La-hình-Lụy, thì tức khắt anh cũng sẽ vô sự.

— Tôi rất đổi kinh-ngạc ! Thế này thì ra, họ biết cả rằng có Đinh-my-Quyền ở trong việc này, rồi ư ? Hắn ta lại nói :

— Anh cứ chi-diểm một người khác trong bọn họ thôi, anh sẽ không còn e-ngại là phản bạn, hay xuất-mãi La-hình-Lụy, có phải thế không ? Và, nếu cái người anh chi-diểm có xuất-mãi người bạn của họ đi chẳng nữa, điều đó không

can dự gì tới anh, anh đã nghe ra chưa ?

Hắn nói xong, liền kéo một hơi xì-gà, rồi đi đi, lại lại, đoạn vừa cười, vừa bảo tôi rằng :

— Anh có biết không, tôi thấy rõ, anh là một người có một thứ tự-tý mặc-cảm, không thể tưởng-tượng đ.ợc !

— Tự-tý mặc-cảm ?

— Chứ lại không ư, chính anh, anh cũng không hiểu anh một tý gì cả. . .

Hắn đi ra xa chỗ tôi ngồi, và nói tiếp :

— Anh cứ thử nghĩ kỹ mà coi, anh cứ khăng-khăng một dị, đem tính-mệnh mình, đề thay-thế cho tính-mệnh của tên La-hình-Lụy, như thế, liệu có đáng không ? Tôi thử hỏi anh, đối ngay với Trung-quốc, liệu một kẻ như La-hình-Lụy, liệu hẳn ta có đủ chân-quý đề cho anh hy-sinh cho hắn, tới mực ấy không ? Liệu cái việc hy-sinh của anh, có ý-nghĩa gì không ?

Vẫn ngồi yên trên ghế sô-pha, tôi nhìn theo Triệu-Tấn, tất cả nhân tuyền của tôi đều tập-trung trên thân-hình hắn, thì vừa lúc đó, hắn đi tới dưới làn ánh-sáng của chiếc đèn pha-lê. Chiếc đèn này có một cái chao cũng bằng pha-lê, trên chạm-trổ toàn những đóa hoa, và chung-quanh có rổ xướng, rất nhiều những thanh kính tráng thủy, sáng ngời, nó phản-chiếu, ra vô vàn những tia hào-quang : thường

nhật tôi vẫn hân-thường sự hoa-mỹ của chiếc đèn đó, nhưng, vào khi đèn không bật, nên tôi nào có nhận ra tất cả cái vẻ sáng-lạn, được-mục của nó. Chỉ trong một cái chớp mắt, tôi đem mê nhìn thấy ánh-sáng cường-liệt của chiếc đèn đó, thật nó chẳng khác gì vùng thái-dương tỏa sáng xuống một cánh đồng tuyết, trắng xóa Thế rồi, có lẽ vì cái ký-ức của não chất của tôi, hoặc vì sự liên-tưởng, mà chiếc đèn đó bỗng ám-ảnh tôi, làm cho tôi không còn nhận thấy thực-tại nữa ; tôi chỉ nghe văng-vẳng tiếng nói mơ-hồ của Triều-Tín y như hồi trước đây, tôi đương bị tra-khảo. Bỗng - nhiên tôi thấy môi-mệt dờ cả người, rồi tôi ngất đi, bất tỉnh nhân-sự !



Khi tỉnh lại, tôi thấy tôi đương nằm ở giường, trong phòng ngủ.

Triều-Tín để vào mũi tôi một cái chai thủy-tinh nhỏ, cho tôi ngửi, trong khi một tên bộc-dịch cầm một cái cốc đầy nước, đứng đợi ở một bên. Lúc tôi mở mắt ra, chứ không lim-dim nữa, hẳn liền hỏi tôi :

— A, anh tỉnh rồi, hả ?

Đoạn, hẳn cầm lấy cái cốc ở tay người bộc-dịch, kề vào miệng tôi và ôn-tồn nói :

— Anh hãy uống cốc rượu này đi, cho nó đỡ mệt.

Tôi vừa uống cạn cốc rượu, thì hẳn lại bảo :

— Thôi, bây giờ hãy an-tĩnh nằm nghỉ và cố ngủ đi, sáng mai, ta sẽ tái kiến.

Trước khi cùng người đẩy tôi ra khỏi phòng, hẳn còn tắt đèn đi cẩn-thận.

Lúc đó, trong buồng yên-ắng và mờ-mờ tối. Tôi ngoáy nhìn ra cửa sổ, mặt trăng lười liềm đương ẩn, hiện sau những đám mây xám, đang từ từ đuổi nhau, trên nền trời thăm-thẳm.

Tôi nằm nghĩ vẩn-vơ, nhớ lại cái ngọn đèn có chao bằng lưới sắt, dính trên trần nhà lao, với bao nhiêu bụi-bậm bám đầy. Tôi không khỏi không khoan-khoái, nghĩ tới cái đêm, mà Đinh-my-Quyền cùng tôi, đôi lứa song-song dưới ánh trăng, cùng nhau kẻ-lẽ nỗi lòng

Tôi lại tự hỏi ; tại sao, chỉ nhìn vào cái đèn sáng, ở khách-sảnh, mà tôi lại ngất đi. Có lẽ, sự đau khổ đến cực đỉnh trước đây, đã biến thành một thứ hiện-tượng về sinh-lý, mà rồi đây, chưa biết chừng, cái hiện-tượng đó, sẽ truyền thành một chứng bệnh cho tôi, cũng nên.

Đề cho được yên-tâm, tôi liền thử xem, sự dự-đoạn của tôi, có đúng hay không ? Tôi bèn đứng lên, bật đèn, và ngồi chú-thị vào ánh-sáng như thế, tới ngót một

khắc đồng-hồ, nhưng, không, tôi không thấy hôn-mê và vẩn-tĩnh-táo như thường. Nếu vậy, sự ước-đoán của tôi không đúng một tí nào cả. Hoặc giả, ánh-sáng của ngọn đèn yếu-ớt quá chẳng, hoặc giả, tôi quá ý-thức về sự hôn-vững và lòng tôi run sợ nên sự thí-nghiệm không có kết-quả. Với lại, hiện thời, tôi chỉ chú-thị vào luồng ánh-sáng, mà không có ai ở bên tôi tra-vấn, nên cái cảm-giác quái gở kia, không xuất-hiện ?

Cứ bình-tĩnh mà xét, không những, tôi không oán-ghét Triều-Tín về những lời hẳn nói với tôi, mà, có một phần nào, tôi phải cảm-ân hẳn, vì những phút vui-vẻ, hẳn đã đem lại cho tôi, trong các cuộc đàm-thoại. Kề ra, một kẻ tù-phạm mà được hưởng ngần ấy ân-huệ, cũng là một sự hân-hữu. Tuy-nhiên, không phải tôi không tự biết thân, biết phận mình, vì, dẫu sao, tôi cũng chỉ là một tên tù giam lỏng, ở trong tay hẳn ; hẳn lại là một quân-nhân Nhật-Bản, hẳn là một trong những kẻ đến xâm-lăng đất nước tôi, hẳn tức là kẻ thống-trị ; trong cái trạng-hướng trênh-lệch dường ấy, tình hữu-nghị không thể nào có sự cời-mở và sự thăm-thiết được.

— Còn như nơi lần-trốn của La-hình-Lụy, mỗi lần họ cật-vấn

tôi, tôi đều rắp tâm nói phớt ra với họ cho xong, nhưng không rõ tại sao, họ không cho tôi cơ-hội thuận tiện, để cung-chiều.

Vừa mới rồi, Triều-Tín đã động tới sự tự-ty mặc-cảm của tôi, ngẫu-nhiên. hay cố ý, hẳn đã kích-thích vào cái phản mẫn-cảm nhất của tâm não tôi. Tôi cũng định bụng cáo-tố với hẳn, tất cả những điều mà tôi biết. Phải, tội gì, tôi lại điên-cuồng, mà đem sinh-mệnh của tôi ra, để che-chở cho sinh-mệnh của La-hình-Lụy, thứ nhất, sau này, tôi sẽ còn có bao dịp, đem thân cống-hiến cho đất nước. Nhưng, tôi chợt nhìn vào cái đèn pha-lê ở phòng khách, làn ánh-sáng đó, có một cường-lực làm cho người tôi bỗng bị dung-hóa, y như ánh dương dung-hóa tuyết trắng vậy, và tôi bị hôn-mê rồi ngất đi.

Nghĩ lại, tôi vụt nhận ra, có lẽ ở trong tâm-não của tôi, đã sẵn tiềm-tàng một thứ lực-lượng truyền-thống, nó ước-chế tôi, không cho tôi cung-nhận. Bởi vậy, mỗi khi, vì quá đau-dớn về nhục-thề, cũng như về tâm-thần, tôi đành tâm khai ra hết, thì một thứ cơ-cấu tự-vệ, lại làm cho tôi hôn-đảo và ngất lịm đi.

(Còn nữa)



THÁI - THỨC - DIỄN

(Xem P.T. từ số 1)

Lui về với ánh-sáng, U-minh và Ánh-sáng biết nói — Ánh-sáng một yếu-tố của tam-nguyên không-gian — Đèn rọi.

Ánh-sáng Xuân dịu hiền tỏa khắp vũ-trụ khiến cho bạn và tôi cần phải trở lại vấn đề ánh-sáng của điện-ảnh. Đây là một vấn-đề cần bản hết sức phức-tạp.

Trong điện-ảnh ánh-sáng đối với bác thợ quay cũng như màu sắc với chàng họa-sĩ, đá-đất sét hoặc gỗ qui với anh thợ điêu-khắc, những nốt nhạc với nhạc-sĩ. Có bột mới khuấy nên hồ, ai cũng hiểu trong bóng tối âm-u bác thợ quay dù tài thần cũng đành thúc-thủ lại hàng.

Nhưng giá-trị của hình-ảnh không cốt về nhiều ánh-sáng mà cốt ở cách đặt ánh-sáng cho đúng chỗ.

Trước khi bắt đầu lấy ảnh bác thợ cố nhiên phải « THẤY » trước cảnh-trí ấy sẽ hiện ra sao trên màn bạc. Bác « THẤY » chứ không phải « ĐOÁN » hay « HI-VỌNG ». Ánh-sáng gồm có nhiều sắc-thái, mặc-độ cần phải biết khai-thác và điều-khiển. Ai cũng hiểu, sáng tức là vui tươi rộn-rịp huy-hoàng, tối tức là hồi-hộp, rùng-rợn lo-âu buồn-thảm. Giữa hai thái-cực cả một hệ-thống dợt ánh-sáng cần phải lựa chọn đề đem lại cái vẻ sống, cái vẻ linh-động cho cuốn phim. Nói riêng về màu trắng có nghĩa là sáng, gồm rất nhiều thứ trắng: cái trắng của một đêm trăng, cái trắng của một bộ mặt thơ-ngây, cái trắng của một bộ mặt dĩ-thỏa

trơ-trần, cái trắng của mặt lão hề mũi đỏ, cái trắng của nét hoảng-sợ, cái trắng nhợt-nhạt của một xác chết... Cả một « bạch-giai » trù-phủ đề cho bác thợ quay khai-thác cho đến cái « hắc-giai » cũng vậy. Cần phải biết điều-hòa...

Phim nước nhà thường ít cuốn chú-trọng đến cái sức nói lên của ánh-sáng hoặc không được khai-thác liên-tục, nên mất mãnh-lực quyến-rũ liên-tục. Có thể nói là phim nước nhà thiếu tánh-chất đồng-nhất về ánh-sáng. Thử lấy một tí-vụ để chứng tỏ sức lên của ánh-sáng. Bạn chắc đã xem Fenêtre sur cour? Không phải đề-cập đến cái tài của Đạo-diễn Alfred Hitchcock, nhưng chỉ đề-cập đến một vài đoạn gần cuối để nhấn mạnh vào sự quan-trọng của ánh-sáng: Khi tên sát nhân bước lên thang lầu, đồng thời với tiếng giày đi, rồi dừng lại ta bỗng thấy màn ảnh tối đen, rồi một gạch vàng (khe cửa) rộng dần, khiến cho khán-giả hết-sức hồi-hộp và thông-cảm ngay sự bối-rối, sự thất-vọng lớn dần cho đến tột-độ của viên ký-giả khi bóng tên sát nhân choáng hết một nửa khung ánh-sáng của cảnh cửa. Một màn sau bạn hẳn còn nhớ, những chiếc bóng đèn Flash đưa nhau búng sáng lên, sáng đỏ rực, biến qua màu hồng, qua màu tím để rồi tắt hẳn, hình-dung tiếng kêu cứu ghê-rợn không thoát nổi cuống họng và hình-dung những tia hi-vọng này nở rồi phụt tắt, chơi-

vời như cánh tay của một kẻ sắp bị chết chìm, hi-vọng lập lờ lóa ra rồi lịm dần trước màn đen tối, dày kịt của sự tuyệt-vọng. Diễn-tả bằng ánh-sáng đến thế kẻ thật là tài tình.

Những cảnh-vật trong hoàn-vũ đều nằm vào trong khoảng tam-nguyên không-gian (ba chiều) trong khi bác thợ quay chỉ thực-hiện, được có hai chiều. Chiều thứ ba thể-hiện bằng ảo-giác: BỀ THẨM. Nếu không có bề thẩm thì hình-ảnh bằng phẳng trên-trệt thế nào. Để thể-hiện bề thẩm chỉ nhờ ở ánh-sáng phốt viên các góc cạnh của hình khối để làm nổi, bật những chỗ lồi lõm, tùm bùm. Một bức tường của thần Vệ-Nữ cũng chỉ là một hình vẽ bằng bút chì trên giấy, với một luồng ánh-sáng tràn ngập; nhưng nếu ánh-sáng được chỉ huy khéo léo phơn phớt ven rìa thì những nét nhẵn « vụn-cỏ » sẽ nổi bật lên gân-guộc, cứng rắn như cả tâm-hồn và tinh-thần mà ông lão sẵn có.

Thực-hiện ảo-giác của không-gian ba chiều phải nhờ đến ánh-sáng. Nếu quay ở ngoài, sẵn ánh mặt trời, tuy tưởng là dễ nhưng rất khó. Bao nhiêu phức-tạp: mây, gió, ánh-sáng, bóng tối v.v... Bác thợ nhẩn nại tìm ra được cảnh thích-hợp, dò xét mùa, thời-tiết, chiều gió, hướng mặt trời mọc v.v... tính-toán kỹ-lưỡng, rồi cuộc đến lúc chót thường bị tréo cẳng ngỗng chỉ muốn làm « cóc » (cậu ông Trời)

đề oán-thán mà thôi. Bày ra, đẹp lại, phí-tồn kê ra không xiết! Nếu các tài-tử thiếu-hiệu cho ông Giám-đốc sản-xuất bị đôn vào thể bi trong những trường-hợp kê trên thì sung-sướng biết mấy! Lắm lúc, họ kêu trời như bông và hạch-sách đủ cách làm ông muốn vứt bỏ ngay tức-khắc cái nghề « bạc-bẽo » này!

Nhưng khi quay ở phim-trường, bác thợ là ông Trời «đô-can» rồi. Sướng biết chừng nào. Ác hại thay, vốn liếng của nhà sản-xuất có hạn nên đèn đóm quá ít không đủ nhu-cầu, nên phần nhiều các cảnh của phim ta tròn-trẹt, làm cho nhiều nhà phê-bình kêu lên: nào là phim trắng ẹt, sáng xốn mắt, không có thời-gian-tính, đêm ra ngày, ngày lại hóa ra đêm v.v...

Lấy một tỉ-dụ cho rõ. Chúng ta muốn quay một cảnh trình-bày một tài-tử đang phiến muộn, đi đi lại lại trong một căn-phòng. Trời chiều sắp tối lọt qua cánh cửa sổ độc nhất. Tài-tử lại tựa vào khung cửa nhà vợ vờn, xoay mình đi vào, ngã mình trên một chiếc ghế dựa đặt ở góc phòng tài-tử bỗng thấy trời tối bật đèn...

Phân cảnh chia từng hệ-thống động-tác không bàn đến làm gì. Chỉ biết rằng khi tài-tử ở trong phòng là ánh-sáng tranh tối tranh sáng, lúc đến bên cửa sổ tài-tử đi từ chỗ mùi xám tro ra mùi

trắng bạch, trở lui vào phòng, nếu lấy ở trong phòng ra thì tài-tử mặt phải đen, hình bóng của tài-tử cắt lên nền ánh-sáng đóng khung qua chiếc cửa sổ, tài-tử ngồi xuống, thân-hình, áo quần, tay chân chìm vào bóng tối nhưng còn một vài chỗ nhỏ ra như đầu gối, mũi, trán, ngón tay cái đang loay hoay v.v... lại phản ánh trời chiều đang tắt dần... Chú-ý: trần nhà ở trong, các bức tường đều ở trong bóng không đậm lắm nhưng về sau bóng ấy đậm dần, ... cho đến khi đèn bật sáng... Bạn thử hình dung ra cái cảnh ấy thì bạn sẽ thấy quay cho được là cả một công-trình tỉ-mỉ biết bao!

Nếu phân cảnh có ghi một vài ảnh to (CU, GP) muốn cho các góc ảnh cho đồng-nhất thật là cả một vấn-đề. Như ảnh to khi tài-tử đứng cạnh cửa sổ thì khác, mà khi ngồi ghế dựa lại khác, rồi khi bật đèn lên lại khác nữa.

Tuy nhiên khó thì có khó, nhưng thực-hiện vẫn được. Là tại vì có đèn. Đèn có hai thứ: thứ chạy bằng than, thứ bằng tim kim-khí. Thứ chạy bằng than hút điện 1 chiều từ 10 đến 225 ăm-pe. Thứ bóng thường có từ 500 đến 5000 watts. Đèn than thường dùng khi quay ngoài trời, các bạn còn nhớ đạo Tết năm kia mấy nhà quay phim « The Quiet American » đã dùng các thứ đèn ấy. Kỳ dư trong phim trường thường dùng các loại đèn bóng tim kim-khí.

Chung qui đèn được sắp đặt theo 4 hệ-thống.

1o) Hệ-thống chính: gồm có những đèn rọi cho sáng chủ-đề và định mặc-độ và tỷ-lệ sáng và tối. Đèn này rất hệ-trọng tượng-trung ánh-sáng mặt trời. Thường dùng là những đèn độ 2.000 watts đặt trên chiếu xuống nghiêng 45 độ. Đây là những cây đèn khiến cho cảnh và người có thể ăn vào mặt thuốc và đây là điều cốt-yếu.

2o) Hệ-thống các đèn xóa bỏ những bóng đen quá đậm do hệ-thống đèn chính gây ra quá đậm-đà. Đây là một thứ đèn để điều-hòa, xoa dịu những nét màu-thuần qua rõ rệt giữa đen và trắng làm cho xốn-mắt vì quá trắng, hoặc quá đen. Công-dụng của thứ đèn này, có thể ví như những nét chì phơn-phốt đánh bóng. Nhưng phải để ý coi chừng các ánh đèn này phản-chiếu vào những ống kính hoặc vẽ những lần bóng treo nhàu, hoặc làm cho vật lại có hai ba chiếc bóng trông rất kỳ.

3o) Hệ-thống các đèn «chấm phá»: gồm có những cây đèn spot, hay đèn rọi rất sáng, công dụng để điểm thêm mùi-vị vào các vật-kiến hoặc tài-tử mái tóc, bàn tay, chiếc đồng-hồ, chiếc súng ống-ảnh v.v... Nói tóm tắt cả những cái gì mà chúng ta muốn lôi kéo sự chú-ý của khán-giả.

Đây là một thứ gia-vị đặc-biệt cần phải sử-dụng một cách thận-trọng, nếu không món ăn sẽ quá cay, quá chua, mất hạn hiệu-quả mong muốn.

4o) Hệ-thống các đèn soi rọi nền sau, thành gỗ, trần nhà, v.v... tùy theo trường-hợp, cốt ý để làm cho chủ-đề nổi bật ra có khía cạnh, có bề khối, chớ không như bị dán bẹt vào nền sau. Đèn này, làm cho màn ảnh có bề thắm, gây ra ảo-giác không-gian ba chiều.

Ở trên có nói đến cách «THẤY» của bác thợ quay. Kinh-nghiệm vẫn là yếu-tố của thành-công, tuy nhiên người ta đã giúp bác nhiều sau khi sáng-chế ra một thứ kiếng màu «nâu nhạt» để dùng để NHẬN ĐỊNH TỶ-LỆ TUƠNG ĐỐI giữa sáng và tối.

Chính là cái kiếng tròn nhỏ nhỏ tồn tàng trước ngực của bác thợ quay đó. Rồi đó ông thầy tôi có tóm tắt bí-quyết để đèn trong một bài từ-tuyệt xin chép lại hiến các bạn.

Đèn được xem chừng thiếu một cái đèn nào đó thì ông thầy tôi nói: «Ngày ra ngày với đêm ra đêm». Mỗi người một bóng luôn luôn.

Đèn làm bóng nhiều hóa nhấp-nháy, mà các sự vật lại nhem nhem. (Còn nữa). (Sẽ nói kỹ về đèn kỹ sau) tuần 11-12

ĐAM MA VŨ-TRONG-PHỤNG

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ NGUYỄN-VỸ

Tôi đi lang-thang dọc theo bờ Hồ Hoàn-Kiểm. Bóng tôi phớt qua chậm-chậm dưới bóng rặng dương liễu buông rủ mảnh tơ trên mặt nước. Tâm-hồn tôi cũng chậm chậm phớt qua như con chim xanh kia, trên mây ngọn lá vương mây. Nhưng con chim đã hót lên một bài thơ ấm-áp mà tâm-hồn tôi sáng sớm hôm nay không hát được một bài thơ.

Trời vẫn đẹp. Hà-nội buổi mới khoác một chiếc áo nắng màu hồng, như chiếc áo cưới. Sáng mới nào tôi cũng yêu Hà-nội duyên-dáng khoác chiếc áo cưới xa-hoa cũ-kỹ của nàng. Tôi yêu Hà-nội, pàng Thơ lãnh-dạm kiều-căng của tuổi niên-hoa. Nhưng sáng nay tôi ghét Hà-nội vô cùng. Tôi lánh xa trong bóng liễu, vì tôi không muốn nàng khoác chiếc áo hồng tro-trên trên tôi. Tâm-hồn tôi u-ám lạ ! Tôi ngồi xuống góc liễu, bảo nàng Thơ hoa-lệ rục-rở trong chiếc áo hồng :

« Đề ta ngồi yên. Đề ta cô độc nơi đây. »

— Kia, đưa nào kia phải Nguyễn Vỹ không, Lư ?

Tôi nghe tiếng Lưu-trọng-Lư rủ-rủ như tiếng gió :

— Vỹ ơi !

Chuyến tàu-diện đậu ở Cầu-gỗ hình như sắp chạy. Nguyễn-nhược-Pháp trên tàu nhảy vọt xuống, băng qua đường ra đến cây liễu, nắm tay tôi. Hắn kéo tôi đứng dậy. Tôi không sao quên được nụ cười ảm-dạm muốn nở trên môi hắn. Nở rồi lại tàn. Không nói năng một tiếng, tác-giả thơ « Đi Chùa Hương » đưa tôi lên tàu-diện đi đâu ? Bốn người đã ngồi trên ghế, riêng một bên, có lẽ đã hẹn nhau từ hôm qua, như một âm-mưu của im lặng. Lưu-trọng-Lư, nét mặt xương đôi mắt đục ngầu, áo quần không ủi. Lan-Khai ủ-rủ với cặp kiến cận-thị, hai má trắng-bạch như vôi. Trương-Tứ mắt đỏ, tai đỏ, tóc như chiếc bàn chải muốn quét một bóng mây đen trên vòm trán của chàng. Sơn-Tiên với một con mắt có vảy, môi không son, má không phấn, mặc áo đen quần đen. Nàng đưa nét mặt buồn tuyệt đẹp, ngó tôi, nói rất nhỏ :

— Anh đã hay tin... Vũ-trọng-Phụng chưa ?

Tôi không trả lời, ngồi xuống cạnh nàng. Nhược-Pháp ngồi cạnh Lan-Khai.

Từ một tuần lễ, tôi đã biết Vũ-trọng-Phụng đau nặng. Tôi

không muốn đến thăm, vì tính tôi như thế. Trông thấy cảnh tượng đau-đớn, tôi chịu không được. Tôi nhìn những đau khổ riêng của tôi, rất bình tĩnh, lạnh-lùng, nhưng tôi không có can-dảm chứng-kiến đau khổ của một người nào. Trông thấy bộ mặt âm-thầm lặng-lẽ của bốn người bạn này, tôi không cần trả lời câu hỏi bụi-ngùi của Sơn-Tiên. Tôi cúi mặt xuống, châm điếu thuốc-hút. Hai giòng nước mắt tự-nhiên chảy xuống đôi má tôi, rớt xuống hai giọt làm tắt điếu thuốc tôi đang cầm nơi tay Sơn-Tiên đặt bàn tay êm-dịu của nàng trên vai tôi. Cả năm người đều không nói, Nước mắt cũng lặng-lẽ rơi trên tất cả mấy gương mặt âm-thầm.



Một chuyến tàu tên là Im-lặng...

Tàu-diện chạy qua Hàng-Gai... Hàng Bông. Đến vườn hoa Cửa-Nam, nó đỗ một phút. Nguyễn-Tuân bước lên, với một nụ cười. Chỉ có một Nguyễn-Tuân cười mà thôi, nhưng nụ cười của hắn là... " vang bóng một thời ", nụ cười xa-xăm từ vãn-cò u-hồn. Hắn ngồi cạnh Nguyễn-nhược-Pháp, có vẻ trịnh-trọng.

Tôi không nhớ ai hỏi :

— Ai làm bài điệu-văn bây giờ nhỉ ?

Tôi cũng không nhớ ai trả lời. Một người trả lời, — nhưng không phải Sơn-Tiên — và tất cả đều gật đầu đồng-ý. Tôi vẫn làm thinh.

Hồi sáng nay, đi lang - thang dưới bóng liễu, tôi chưa biết là

Vũ-trọng-Phụng đã chết ngày hôm qua. Bây giờ anh em rủ nhau đi chuyển tàu-diện đầu tiên buổi sáng sớm, tôi cũng không biết là chúng tôi đi đưa đám ma anh chàng. Rồi ngồi trên tàu mà bảo tôi làm bài điệu-văn, thay mặt mấy anh em bạn thân của Vũ-trọng-Phụng, đề chốc nữa, 8 giờ, đọc cho Phụng nghe dưới huyệt mã, thì thật là ...

Tôi bảo :

— Giờ phút này, các cậu sai tôi viết bài điệu - văn khóc Vũ-trọng-Phụng ? Tốt hơn là các cậu đọc ngay bài điệu-văn khóc Nguyễn-Vỹ cho rồi !

Nguyễn-Tuân còn trào-phúng lố-lăng :

— Tàu đến croisement Thái-hà-ấp, cho cu Vỹ xuống đề nó lên gò Đống - Đa ngồi viết cho kịp chuyển tàu sau nó lên, thì quan tài của thằng Phụng cũng vừa đến nghĩa-địa, không trễ đâu, tụi bây.

Lan-Khai bảo :

— Ngồi ngay trên tàu này viết không được sao, cậu ?

Nguyễn-nhược-Pháp cười tùm-tùm, nụ cười mím-môi bất-hủ của chàng. Hắn móc cây bút máy trên túi áo, đưa tôi :

— Đây, cậu !

Lưu-trọng-Lư hỏi :

— Đưa nào có miếng giấy lộn nào đó không, đưa cho nó, chứ nó viết bằng gì ?

Trương-Tứ thò tay vào túi áo, móc ra bốn tấm giấy nhàu nát trao tôi : đây là hai mảnh giấy của một con mẹ nào đó gọi đòi nợ hắn.

một mảnh thứ ba không biết Túu làm bài toán gì mà viết đầy đặc những bài toán nhơn, và toán chia, còn mảnh giấy thứ tư là bức thư của cô tình-nhân thơ may gửi cho chàng hôm chủ nhật trước.

Tôi khê đập đầu cần bút của Nguyễn-nhiệm-Pháp vào hai răng cửa của tôi, kêu cóc-cóc-cóc... Tôi ngó Sơn-Tiên-Nàng mỉm cười, quay lưng lại tôi.

— Em cho anh mượn cái lưng của em để anh làm mặt bàn.

Tôi đặt tờ giấy trên lưng Sơn-Tiên, nguyền nguyền mấy chữ:

«Vũ-trọng-Phụng ơi!

Tàu chạy đảo qua đảo lại. Cái lưng mặc áo hàng đen của Sơn-Tiên lắc lại lắc qua. Nàng Thơ-Mộng cố gắng ngồi thẳng lưng, tôi bảo:

— Em khòm xuống một tý.

Cái lưng khòm xuống, một tý.

Tôi viết tiếp:

Chúng tôi, tất cả những nhà Văn đang xúm quanh huyết mã của anh đây. — Chúng tôi thề rằng Linh-hồn của anh...

★

Đám ma của Vũ-trọng-Phụng lặng lẽ đi vào nghĩa-địa, ở giữa quảng đường tàu - điện Hà nội-Hà-dông. Vài hạt sương còn long lanh trong lòng cỏ hai bên vỉa đường. Tàu điện vừa đỗ Lưu-trọng-Lư muốn giựt bốn tờ giấy trong tay tôi vừa viết xong.

Cả nhóm đều dừng bước, để xem bài văn-tế...

Nguyễn-Tuân hỏi:

— Cậu viết xong chưa?

Tôi nhét bốn tờ giấy vào túi:

— Tao không cho đứa nào coi cả.

Một mình thằng Vũ-trọng-Phụng được nghe trước mà thôi.

Lưu-trọng-Lư bảo:

— Mày xoàng lắm, tàu chạy 5 cây số, mà mày mới viết được có bốn trang?

Chúng tôi im-lặng, không đùa được nữa. Sắp hàng hai, chúng tôi bước chậm-chạp theo sau đám ma vào Nghĩa-địa. Đi sát cạnh quan-tài, chị Phụng khóc nức-nổ. Mấy đứa con của Phụng, còn nhỏ quá, mặc đồ tang đi theo sau, khóc sụt-mướt. Tim tôi rí-rả, âm-thầm, chậm-chạp, như đám ma đi trong ấy.

Quan - tài hạ huyết, Nguyễn-Tuân khê đẩy tôi ra để thay mặt anh em làng Văn đọc bài vĩnh-biệt.

Lần đầu tiên tôi nghe Nguyễn-Tuân khóc. Hắn khóc như người ta hút thuốc phiện, từng cơn, chậm rãi đều đều...

Lưu-trọng-Lư cũng thút-thít bên cạnh tôi, làm tôi đọc không được. Tôi quay lại khê bảo:

— Yên, cho tao đọc mày,

Tôi chỉ nói ầm ừ mấy tiếng rồi nghẹn luôn. Ông Vũ-dình-Long, chủ-nhiệm «Tiểu-Thuyết Thứ Bảy» lấy xấp giấy của tôi, đọc tiếp ba trang chót...

Viết đêm Thứ sáu 13, tháng 3, 1959.

Vũ-trọng-Phụng chết đêm Thứ sáu 13, tháng 10, 1939



Phóng sự thời đại của NGUYỄN - THU - MINH

L.T.G. Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai. Mong quý độc giả hiểu cho.

★

(Xem từ P.T. số 1)

Ôi vẫn nhớ câu nàng nói khi thấy tôi còn ngần ngại: «Hay anh khinh em chăng? Chê em chứ gì! À, mà những kẻ như em thì dù có cho biết nhà cũng vô ích, mang tiếng mang tাম với thiên hạ hàng xóm. Bạn bè biết được thêm «ế» người ra...»

Trước những lời trách móc sâu kín ấy tôi không thể nào từ chối với nàng được, tôi không thể phụ lòng tốt của nàng đã nghĩ đến tôi, đã dành cho tôi... Tôi đã cảm thấy vui vui, lâng lâng cả cõi lòng khi mời nàng về nhà tôi chơi và

giải thích đề nàng rõ nỗi phân vân của tôi không phải như ý nàng nghĩ, chỉ vì tôi muốn che đậy sự nghèo túng, buồn tẻ như bao nhiêu người sống giữa đời này vậy. Cuộc sống không cho phép mình phô trương mặt thật của mình mà!

Sau một hồi nghe tôi phân giải, nàng đã buồn nhiều lắm, nhìn tôi với đôi mắt rướm-rướm lệ và thờ dài....

— Rõ thế mà cũng che với giấu. Em chứ phải ai đâu.

Một cái gì uất nghẹn khắp lòng vì cảm thương, vì sung sướng, tôi chưa kịp nói ra một lời

nào an ủi nàng, Alice-Lan đã tiếp :

— Tại sao anh lại che giấu nhỉ? Ngay cả với em, trong khi em đang ao ước được hưởng ‘cảnh nghèo’ như anh. Chẳng hiểu anh có cho phép em không?

Tôi vội cúi xuống vờ nhìn gót giày để giấu một sự thay đổi khác thường của lòng và đáp :

— Đời Lan đã khổ nhiều rồi ! Anh không muốn Lan thêm cái cảnh khổ như anh nữa . . .

Alice-Lan đã khóc. Những giọt nước mắt lại được dịp tuôn trào ra hai khóe mắt thâm, sâu vì qua những đêm trắng ánh đèn, truyền sang má tôi thứ nước âm-ẩm. Lúc này, tôi chỉ biết lặng yên thương xót cho một đời người con gái xấu số biết mình là NGƯỜI mà không được nhận cái nghĩa cao đẹp của NGƯỜI, tôi không hiểu đến bao giờ người ta mới chịu nhường cho nàng những bước đi trên con đường nhựa sáng sủa, rộng rãi như nàng thầm ao ước. Đố ai hiểu thấu lòng người con gái đôi chín xuân-xanh kia vui hay buồn, khóc hay cười cho chính nàng hay cho ai. Có điều mà tôi biết chắc là nàng khóc cho tôi và nàng nhiều hơn hết trong chiều nay.

Hôm nay, Alice-Lan rất ít nói, chỉ thờ dài buồn bã và bồn khoăn

cho sự gặp gỡ giữa tôi và nàng, Alice-Lan nhắc mãi : ‘ giá đừng gặp thì hay bao nhiêu hoặc gặp nhau sớm . . . hơn ! . . . ’

Và tôi đã nói với nàng rằng : ‘ Trước hay sau cũng thế, chỉ tùy thuộc lòng mình và sức chịu đựng mà thôi em ạ ! . . . ’ Tôi còn nói với nàng nhiều lắm nhưng chỉ nhớ có chừng ấy.

Đến khi từ giả tôi, Alice-Lan vẫn còn nhắc mãi câu ấy với đôi mắt ướt lệ.

Buồn thay, tôi lại đắm ra lần thần, đứng dưng trước phút đậm đà hương vị chưa cay ấy ! Có lẽ, bất cứ việc gì, tình ý gì sâu thâm nhất mà trở lui trở tới, lập đi lập lại mãi cũng thành vô nghĩa, vô duyên chẳng?

Nếu thật vậy thì tôi thầm mong Lan hãy hiểu mà tha thứ cho tôi cũng như bao nhiêu người Lan đã gặp vậy.

Sự thật của cuộc đời là vậy thì làm sao tránh được hờ Lan.



Alice-Lan ra về chưa được hai phút thì Hoàng và Thành đến, đem theo vào cả một nguồn vui vô tận của lớp tuổi đôi mươi phó mặc tình đời đen bạc.

Mở đầu cuộc ‘ đại-chiến ’ tay bà là giọng cười như phèn-la của

Hoàng và câu hỏi ‘ đồn xóc ’ :

— Thành, mày cho rằng tao nói đúng không, mày thử nhìn thẳng mặt thằng M. kia. Tao không ngờ nó đại đến thế, dẫn xác con Lan về đây làm gì đã chứ.

Tôi định chối cãi. Hoàng đã vên đòi hỏi thêm, dầy nói :

— Mày không chối bọn tao được đâu. Tao vừa gặp nó ở đầu ngõ, tao hỏi, nó đã nói rồi còn gì mà định chối dài, hơn nữa hai ly nước còn nằm giữa bàn thì mày giấu sao nỗi tao. Điều tao nói là nói vậy thôi, chứ mày kéo nó về nhà càng hay chứ sao đâu. Tụi tiên của mày cũng nhẹ được một ít đề dùng vào việc khác ích hơn.

Thành nãy giờ chỉ ngồi hút thuốc và cười chứ không tỏ ý kiến hay thái độ gì cả. Mặt vẫn ‘ lạnh như tiền ’ chứng tỏ con người khá dày dặn trong trường đời. Nhìn lên trần nhà nói một cách băng quơ :

— Chuyện đời biết sao mà lường được. Và lại người ta thường có câu : ‘ Có thể lấy đi về làm vợ chứ không lấy vợ về làm đi. ’

Thằng M. dẫu nó thương con Lan cũng được vậy.

Hoàng vội cãi :

— Cứ thực hành như mày thì cho tao xin lỗi. Hơn nữa chuyện của thằng M. và con Lan chỉ là sự nông nổi, bất chợt trong tình thương mù quáng, thực tế nó khác xa.

Thấy câu chuyện bàn cãi giữa Hoàng và Thành không đi đến đâu, tôi liền xen vào cười giải huê :

— Các cậu thật rõ hơi. đến định rủ tớ đi đâu đấy mà chưa kịp mời đã cãi nhau vì một chuyện không ra gì. Hai cậu đã cơm chưa? Nếu chưa cùng đi ăn luôn thề, đói rồi đây !

Thành nheo một mắt đùa :

— Con Alice nó còn ngồi nữa hẳn mày chưa kêu vang đói.

Tôi chỉ cười. Hoàng cũng cười:

— Nói nó làm gì. Thôi sửa soạn mà đi, tối nay tớ với cậu kéo thằng M. đi lúp một đêm xem sao. Im lìm như nó chứ cũng ‘ một cây ’ chẳng thua ai đâu. Quả nó ‘ thiệt-thà ’ thì tao kéo nó đi nó đã phản đối. Đẳng này nó cũng chơi đúng điệu như ai chứ bộ.

Thành hút mạnh hơi thuốc cuối cùng, ném mẩu thuốc còn lại xuống nền nhà vừa lắc đầu rồi ngược mặt lên trần nhà nhả ra những vòng khói trắng :

— Ngán ôi là ngán ! Cuộc đời bọn mình cứ trầm lặng thế này mãi rồi sẽ đi về đâu nhỉ. Hoàng, M., chúng mày định bao giờ lấy vợ?

Tôi trả lời không một chút suy nghĩ :

— Mày định giết đời tao sao ?
Sự nghiệp vẫn hai bàn tay trắng, nhà cửa đi ở nhờ mà nói chuyện vợ, con. Còn nổi thất nghiệp lúc nào không hay đây nữa chứ !

Ba chúng tôi đều thở dài...

Những nỗi buồn man mác, mênh mông tràn ngập cả lòng. Nhưng chỉ thoáng qua trong giây lát rồi trở lại nguồn vui muôn thuở của những kẻ sống độc thân, xa gia đình, thản nhiên trước cuộc đời !

Trước mắt chúng tôi đang vẽ ra những cảnh mê-ly huyền-ảo của những đôi trai tài gái sắc, say sưa quây quần bên nhau. Mỗi chúng tôi đều là tay "kiện tướng" quàng lưng, sát mỗi người đẹp đi đi vòng quanh "pít" không mảy may do dự, chẳng cần biết rằng kẻ đến với mình thành thật hay giả dối, cười hay khóc, vui hay buồn. Miễn cá nhân chúng tôi thỏa mãn theo sở thích là đủ.

Hoàng, Thành và tôi kéo nhau ra đi vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều. Sự nhộn nhịp của phố phường càng làm cho chúng tôi vui thêm. Những cái gì đối với chúng tôi cũng hay, những "đáng kiêu" nào đối với chúng tôi cũng đẹp dù với kẻ khác cho là "thường" là "tệ" !

Sau khi cơm nước ở tiệm xong và bắt đầu cuộc "chơi giải trí" vừa đúng bảy giờ hai mươi, thì giờ mà đối với những kẻ cô-độc như chúng tôi thương bán khoán nhất trong sự vui chơi để quên một

ngày mệt nhọc vì miếng cơm manh áo đã qua. Và chẳng biết đi đâu hơn là đến những phòng trà ca nhạc mà người ta thường mệnh danh là chốn giải trí "thanh lịch" nhất.

Chiếc taxi đưa ba chúng tôi về đường Trần-hưng-Đạo rồi ngừng tại một phòng trà "nổi tiếng" nhất về "khách sang" lẫn "người đẹp", ca sĩ "mùi" !

Tôi vẫn nhớ lời Hoàng giới thiệu lúc còn ngồi ở xe taxi : "mày đến đây sẽ thấy rằng lời tao nói là đúng, hơn nữa mày sẽ gặp được tri-kỹ xinh hơn cả con Lan, nếu mày chịu khó ở lại luôn đến lúc "nhảy". Tao sẽ giới thiệu cho mày một nàng rồi liệu mày còn nhớ đến con Lan nữa không cho biết.

Lúc ấy Thành cũng xen vào :
"Ừ, phải đấy, mày nhớ đón trước con... ấy mà giới thiệu cho thằng M..."

Tôi chỉ cười và nghĩ đến con người mà Hoàng, Thành sẽ giới thiệu cho tôi hẳn là đẹp, duyên lắm, trẻ nữa chứ ! Rồi tôi sẽ chiếm được cảm tình nàng v.v... và v.v...

Một giọng hát rất trong, thanh từ trong vọng ra. Ba chúng tôi nhìn nhau cười, đồng tiến vào... Cả một căn phòng đầy người và người trạc tuổi chúng tôi lồng dưới ánh sáng đủ màu rất huyền ảo, thơ mộng, hòa với giọng ca ấm, nhẹ nhàng của một nữ ca sĩ trẻ tuổi lắm gọi cảm.

Chúng tôi khỏi phải nhờ đến người bồi bàn mà tự tìm lấy chỗ ngồi theo sở thích. Chỗ chúng tôi hơi chênh với giàn nhạc nhưng độc một điểm là đối diện với chỗ của các ca-tài tử nghỉ xả-hơi hoặc "làm dáng" cho sắc đẹp của mình trước những cặp mắt của những anh chàng si, và mỗi khi lên trình bày một bài ca mới, phần nhiều do thỉnh giả yêu cầu.

Vừa ngồi xuống ghế Hoàng vội xoay qua tôi :

— Cậu trông Thanh - Hương hôm nay khác nhiều không ? Càng ngày nó càng đẹp ra cậu nhỉ ?

Tôi nhìn Hoàng gật đầu — vì sự thực Thanh-Hương hôm nay đẹp nhiều. Có lẽ một phần do chiếc áo màu pha "kim tuyến" óng ánh đèn, lẫn đôi môi son dày trề ra đúng điệu "gà nòi" câu mời kiến — đã có tiếng Thành :

— Mình chẳng thấy gì là đẹp cả, chỉ quyến rũ thì có. Nếu mà nói đẹp và dễ thương phải nói đến Mộng-Thúy mới đúng, nét đẹp kín đáo, thùy mị vô cùng !

Tuy chưa rõ mặt Mộng-Thúy nhưng cứ nghe lời Thành kể và cử chỉ diễn tả tôi cũng cảm được vẻ đẹp... của Mộng-Thúy rồi. Lúc này Hoàng lặng nghe mà không nói gì thêm ! Tôi định bảo Thành chỉ Mộng-Thúy cho tôi xem, song chưa kịp đã gặp phải câu hỏi của người bồi bàn thản nhiên và thiếu nhã nhặn :

— ... dùng gì ?

Hoàng buông lỏng một câu :

— Ba ly trà.

Người bồi bàn đứng dưng quay gót trở vào như không để ý đến giọng gay gắt, dẫn dỗi của Hoàng.

Giàn nhạc bắt đầu trời nhip "Mambo" đầy rạo-rực.

Không khí xô bồ, huyền ảo vì ch vện trò của khách đến dự đã dứt hẳn, nhường cho âm thanh của khúc nhạc và tiếng ca

của một nữ ca sĩ khá duyên với cử chỉ diễn tả "đặc biệt" thân hình, "đan bà".

Có tiếng thì thầm ở bàn bên cạnh của hai anh chàng mặt trệt, mũi to, da chì khiến tôi chú ý lắng nghe trong tiếng nhạc : "Cứ nhìn em"

cũng đủ khoái rồi chứ khỏi cần nghe hát..

Thế rồi hai chàng ngà ngời ra ghế cười, đưa cả răng và lợi trông thật khả ố.

Tôi vội xoay đi nơi khác để khỏi phải nhìn những cử chỉ lỗ lã, thấp kém ấy và đỡ phải nghĩ mà bực tức thăm về chuyện không đầu.

Đến đây bản nhạc "Mambo" cũng vừa chấm dứt.

Những tiếng cười đùa, trò chuyện của khách hàng tiếp tục trở lại trong riêng rẽ.

Tôi đảo mắt quanh phòng nhạc với một cảm nghĩ vui vui khi nhận thấy nơi đây phần nhiều là những tay «giang-hồ hảo hán» — cái «hảo hán» được bộc lộ rõ rệt trước những đôi mắt xanh! Xen lẫn đó đây vài bản đờn hương-vị «đàn bà» nũng-nịu, yêu thương rất khó phân biệt hay hay dở, «tốt» hay «xấu» vì trên khuôn mặt nào cũng có vẻ đàng hoàng, lịch sự biết thưởng-thức đến chỗ tuyệt-dịch của «nghệ-thuật» trà ca nhạc. Nhưng, có điểm dễ biết nhất là đa số đến nơi đây không vì giải trí ca nhạc mà để hẹn hò những cuộc đớp-hít lẫn tranh nhau ngôi «hoàng-ử» của các nàng ca sĩ trẻ có cặp mắt xanh, giọng hát gọi tình, tấm thân biết dẻo gọt cho cân đối...

... Và có lẽ các cô ca sĩ nơi đây đã thừa hiểu «chỗ» ấy nên gặp ai cũng vờ nhoẽn miệng cười duyên, đôi khi còn mạnh dạn hỏi thăm đến cả «sức khỏe» của khách, khi đã quen mặt qua vài hôm tức trực thường thức giọng ca mùi mẫn mê ly của các cô.

Ban nhạc đã đổi qua nhịp điệu «Tango». Hoàng liền đưa tay bấm vài tôi cùng nhìn Thành:

— Mộng-Thúy trình bày, Thành kia! Mà đâu rồi sao chưa thấy.

Thành chắc lười đáp:

— Ồ, thôi để nghe cậu, đang bước lên kia kìa.

Tôi vội chăm chú nhìn về hướng ban nhạc. Mộng-Thúy từ từ bước tới trước «mì-cờ-rô» khẽ gập đầu chào mọi người và bắt đầu hát. Tôi vừa nghe vừa nhận xét đến con người của Mộng-Thúy không bỏ sót một cử-chỉ nào, một đặc-diểm nào để rồi cuối cùng phải nhận rằng Mộng-Thúy đẹp, dễ thương, thân hình mảnh khảnh đúng như lời Thành đã nói.

Giữa lúc này có người đẩy cửa bước vào, tiến đến ngay bàn chúng tôi. Ba chúng tôi đồng ngước lên nhìn. Chẳng ai xa lạ. Đó là Phúc và Thiện đều bạn quen biết của những tối trà-ca-nhạc lẫn các cuộc đấu hót năng thơ đầu kê tay ấp.

Bản nhạc đã chấm dứt, Mộng-Thúy đang vờ khép-nếp bước xuống «bục». Thiện nhìn theo cười nói:

— «Em» đang xuống đẩy Phúc, đến nói chuyện chơi mấy đề cho vài anh chàng «ức» chơi».

Thế rồi Phúc và Thiện cùng tiến đến phía Mộng-Thúy. Nhìn thấy hai người đến, Mộng-Thúy liền mỉm cười chào trả trông rất đĩ điểm — cái đĩ điểm đàn bà của các nàng ca sĩ chuyên nghiệp thì phải biết, khó mà tả nổi.

Thành quay mặt đi nơi khác như để tránh những cảm nghĩ ảm-ức buồn buồn của lòng mình đang bị mất-mắc.

(Còn nữa)

CHIẾN-DỊCH RUỒI

☆ BẠCH-YẾN

TÔI vừa cầm bút, chưa biết phải viết gì, thì một con Ruồi ranh-mảnh bay tới đậu ngay trên ngòi bút. Tôi lấy thước định khò vào cánh nó thì nó đã vụt bay đậu trên tờ giấy trắng để trước mặt. Tôi quây đầu cán viết sắp đập, thì nó đã lẹ làng bay đậu trên miệng lọ mực, đứng chênh-chệ trên bờ hồ sâu mà không hề sợ té, lại còn giơ hai chân trước lên cọ cọ vào nhau và nhìn tôi như có ý trêu tức. Tôi mỉm cười bảo: «Chú Ruồi bé tí kia đã bay đi ăn uống no-nê rồi, bây giờ lại đến đây định đùa nghịch với tôi đấy phải không?» Thế rồi, tôi giơ tay định chụp, thì nó đã tinh mắt bay vù đậu trên cành hoa linh-lan ở trong độc bình gần đấy. Tôi không thể nào bắt nó dễ-dàng được. Vì khoa học đã cho tôi biết rằng, tuy ruồi là một giống vật bé nhỏ, song tạo hóa đã ban cho nó có trên hai ngàn đôi mắt li-ti, linh-động. Thế nên con Ruồi, cũng như con Muỗi, con Ong, con Nhện, con Chuông Chuông v.v... đều có hàng nghìn con mắt trong hai con mắt để nhìn

được khắp chung quanh. Đã thế mỗi giờ nó có thể bay đến 15.000 ki-lô-mét và khi bay thì đập cánh 9.600 cái trong 1 phút (nghĩa là nó đã bay 5 lần nhanh hơn các chong-chóng của phi-cơ). Nếu bay đua với loại phi-cơ tối-tân như kiểu Spitfire, nó có thể chiếm giải quán quân bay vòng quanh trái đất! Nhờ có những lợi khí tinh-xảo ấy nên vừa rồi nó đã bay lượn nhí nhảnh quanh bàn viết để trêu tức tôi, và tôi đã cố rình hàng giờ để bắt sống nó, nhưng không được.

Ta cứ khinh Ruồi là một giống vật bé tí nhưng nếu làm một cuộc kiểm-tra dân-số thì loài người chỉ là một thiểu-số đối với giống Ruồi. Nếu lấy một địa điểm rộng chừng 2 ki-lô-mét vuông, ta sẽ thấy số ruồi 20 lần nhiều hơn số người. Đã thế sự sinh-sản của nó lại còn đáng sợ hơn nữa. Các bạn thử tính xem, một cặp vợ chồng Ruồi trao-đổi ái-ân trong nháy mắt, đến tuần lễ sau, nếu không có gì trở ngại «nàng» có thể cho ra đời đến 250.000.000 cái trứng! Các nhà bác-học đã nghiên-cứu rằng: Về mùa Hè và mùa Thu, nhất là

rong mấy tháng viêm-nhiệt, từ tháng tư đến tháng tám, một cô Ruồi có thể lấy chóp-nhoáng đến 10.000.000.000 (mười lăm ngàn triệu) chú ruồi con. Thật là một con số kinh-khủng ! Cũng may là trong lúc sinh nở có một số trứng đã thành dòi, hoặc bị hư và chết đi. Dù sao ta có thể tưởng-tượng với mức sản-xuất kia số ruồi trên trái đất nhiều đến ngần nào. Các cô nàng Ruồi sao mà đa-tình lắm thế ! Chính-phủ Ruồi nghĩ thế nào mà duy-trì chế độ đa phu bừa-bãi quá nhỉ ?

Người ta cho Ruồi là một con vật bẩn thỉu, kể ra thì cũng hơi oan cho nó ! Nếu đem soi vào kính hiển-vi, ta sẽ thấy hai chân trước của nó có lông y như hai bàn chải. Mỗi lần nó cọ sát hai chân vào nhau, ấy là nó muốn chải chân cho sạch, nó luôn luôn chải miệng, cánh, mình. Ta có thể nói là nó rửa tay chân còn sạch hơn ta rửa bằng xà - phòng nữa đó ! Trót mang phải một thân hình đen dứa xấu xa, nhưng nó lại thích làm dáng lắm cơ ! Ta cứ coi mỗi khi nó đậu là đưa hai tay lên lau miệng lau môi thì rõ. Tuy nó chỉ ăn uống ở những nơi bẩn thỉu, nhưng nhờ hai chân trước của nó chứa một thứ nước gọi là diastase để diệt trừ các loại vi-trùng. Ruồi đậu lên thùng rác, lấy vòi hút các chất bẩn mà ta tưởng đây là những

vi-trùng. Nhưng khi hút vào trong miệng, đã có một chất nước miếng làm tiêu-tan các loại vi-trùng trong ấy. Thế là thức ăn đã được lọc kỹ bằng chất hóa-học nên Ruồi không bao giờ bị một chứng bệnh nào cả. Nếu bắt một con Ruồi đến viện Pasteur, bỏ ngâm vào một thứ nước nuôi trùng ở phòng thí-nghiệm, ta sẽ ngạc nhiên, vì không thấy nảy-nở ra một loại vi-trùng nào ở con Ruồi cả. Thế mới biết giống ruồi còn « lành mạnh » hơn chúng ta nữa đấy ! Nhưng coi chừng khi Ruồi ăn quá no, chất nước miếng diệt trùng của nó sẽ bị khô cạn. Khi ấy ta thấy ruồi bay một cách nặng-nề, uể-oải. Nó tìm nơi để đậu và nôn ra một giọt nước trong-trong trên vôi nó. Đó là chất thừa-thải mà ruồi ăn không tiêu, và không được diệt trùng, khi ấy nó mới thật là nguy hiểm. Chính giọt nước ấy đã mang các chứng bệnh truyền nhiễm tai hại cho chúng ta như : bệnh dịch-tả, ho-lao, kiết-ly, đau mắt hột v.v... Người ta ghê tởm nó và tìm đủ mọi cách để tiêu diệt giống ruồi cũng vì nguyên do ấy.

Năm vừa qua, nghe nói ngoài Bắc-Việt-Cộng có mở ra chiến-dịch giết ruồi. Sau đó ông nói, nói là ông nói là « Chiến-dịch, đó chỉ là một thứ theo người Mỹ chứ không có gì lạ. Vào khoảng năm 1910 ở nước

Mỹ, có mở một chiến-dịch toàn quốc diệt Ruồi, gọi là « Tuần lễ quốc-gia Ruồi » Trong tuần lễ ấy, mỗi bữa trưa cứ đúng 1 giờ kém 5 phút thì các xưởng máy kéo còi hạ và các nhà thờ công - giáo đổ chuông báo động trong khắp xứ Huê-Kỳ. Tức thì từ già, trẻ, bé, lớn, đàn ông, đàn bà hết thấy mọi người ai cũng đều cầm quạt hoặc các vật khác để đập Ruồi. Chỉ 5 phút thôi. Đúng 1 giờ, còi lại hạ và chuông đổ, báo hiệu chấm dứt.

Các báo ở Mỹ tuyên-truyền rằng nếu mỗi công-dân chịu khó giết Ruồi mỗi ngày chỉ 5 phút như thế thôi, thì cả xứ Huê-Kỳ sẽ không còn một con Ruồi nào cả. Nhưng muốn tiêu-diệt nó đâu phải là chuyện dễ dàng, vì hàng ngày giống Ruồi ranh-mãnh kia đã tháp tùng theo các tàu bè để đi du-lịch từ xứ này sang xứ kia, sống một cuộc đời phong-lưu nhàn-nhã trong khoảng thời gian 6 tháng để rồi thân Ruồi sẽ trở về với cát bụi

☆ SÁNG KIẾN CHỦ NHÂN

Trước cửa một tiệm buôn người Tàu tại đường Lê-Lợi có treo một tấm hàng đề : « Ở đây nói đủ tất cả các thứ tiếng ngoại-ngữ ».

Một người bạn hỏi chủ tiệm :

- Bộ anh có nhiều thông-ngôn lắm à !
- Không có thầy nào cả.
- Vậy ở ai mới tiếng ngoại-ngữ ở đây.
- Anh khờ quá ! thì khách hàng ngoại-quốc chớ ai !

★ Đề những ai không biết lợi

Một hôm 1 người bạn đến thăm một ông thầy-khoán, ông này khoe với bạn :

- Tôi vừa mua một miếng đất và định xây ba hồ tắm.

Người bạn hỏi :

- Đề làm gì, ba cái hồ lặn à ?
- Vâng, hồ thứ nhất sẽ đựng nước nóng, hồ thứ hai sẽ đựng nước lạnh, còn hồ thứ ba sẽ không có nước.
- Ngạc nhiên người bạn liền hỏi :
- Hồ thứ nhất có nước nóng, hồ thứ nhì có nước lạnh thì được rồi. Tôi không hiểu hồ thứ ba không nước sẽ dùng làm gì ?
- Anh không hiểu à ? Hồ không có nước để cho những người không biết lợi.

Mơ Nguyệt.

Tôi biết thôi. Giàn qua' đêm ở,
Rải trăng rải gió ngập Vàn thơ!
Hôm nay tam-tắc Giàn Sao rung:
Nguyệt trắng âm. Phấn ngập Giấc mơ!

Nguyệt nở' muôn hoa dưới nguyệt đêm,
Nguyệt dờm rào rạt ánh hương tình.
Nguyệt đương thơ. Thướt trên Cánh Gió,
Nguyệt rủ' mình to' xuống bóng mình...

Tôi mơ' lòng hoa, chép một bài:
Nhưng hoa nguyệt rụng ngập trên ai!
Vàn thơ mơ nguyệt còn trong-trắng,
Tôi hái mơ về... để' tặng ai?

Ng. V. P.

Rằm tháng 2. Kỷ Hợi.

KIÊN TRINH

Truyện dài của CỎ VÂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 7)

CÁU CHUYỆN trong
bàn tiệc lại xoay sang
việc quân. Nhật bất
thình-linh đổ bộ lên Đông-dương
từ mấy năm nay và nghiêm-nhiên
làm vị chủ-nhân ông thứ-nhi trên
toàn bán-đảo này mà quyền hành
lấn áp cả về ngang-tàng hống-hách
của người Pháp cai-trị nơi đây
mà dân-quê chỉ thấy trọng-trung
qua bộ mặt hăm-hù li-lợm của
viên-san-đảm đi xét-thuế hay nét
mặt phi-nộ và đỏ-gay-gắt của
lũ-tào-cáo bắt-rượu-lậu-lúc-nào
cũng vắng-tục và lăm-le roi-gân
bò trên tay. Những vụ-linh-Nhật
cà-khịa với Pháp-kiểu hằng xem
dân-bản-xử như rơm-rác-kia và
đã-cho-bọn-Tây-trắng-nhiều-bài
học-dịch-đảng về dân-mũi-tet-da
vàng-khiến-cho-dân-trong-làng
loan-truyền-với-nhau, nói-đi-nói
lại-cũng-bấy-nhiều-chuyện «cũ-xi»
ấy-như-cơm-bữa và không-hề
biết-chán.

Thói-thường của dân-quê-chất
phác-khi-thấy-kẻ-xưa-nay-vẫn
cởi-dầu-cởi-cổ-từ-đời-ông, cha
mình-đến-đời-mình-bỗng-nhiên
lại-bị-một-kẻ-xa-lạ-đến-làm-bỉ-mặt

và-lãng-phục-đến-điều-thì-họ
khoan-khoái-hả-dạ-yô-cùng-và
coi-xem-người-thứ-nhi-nợ-như
một-người-bạn, hay-là-một-bậc
cứu-tình-vậy.

Hương-thân-Bồ, một-cựu-chức
việc-trong-làng-có-hằng-sản-khá
to-ở-Mường-Cộ-tỏ-ra-mình-có
nhiều-tin-tức-đặc-biệt-hơn:

—Hôm-rày-có-ba-chiếc-Tàu
nhà-binh-Pháp-không-biết-ở-đâu
chạy-đến-đậu-nơi-Cờ-Đỏ-mà
trên-tàu-chở-lũ-khủ-những-đầm
và-tây-con, mặt-mây-đưa-nào
cũng-dờn-da-dờn-dác-xem-kỳ-lạ
lắm. Chắc-là-có-chuyện-gì-không
êm-rồi-đây. Thầy-giáo-đoán-coi
gì-mà-kỳ-vậy?

Thầy-giáo-Thông-gật-đầu, đáp-lại:

—Tàu-nhà-binh-ít-khi-chở-đàn-bà
và-trẻ-nít. Hơn-nữa, nếu-chở-đồng
như-thể-thi-toàn-là-ở-Sài-gòn-xuống?
Vậy-ở-Sài-gòn-đã-xây-ra-chuyện-gì-chờ?

Ba-Ủi-chen-lời-vào:

—Bấy-lâu-nay-người-Pháp
sửa-sang-miệnt-bên-trong-Cầu-Đúc
Cái-Xinh-đủ-lắm-như-chuẩn-bị-thiết-lập
những-kho-dựng-ở

đẩy một cách bí-mật và cấm không cho thường dân bén mảng đến gần. Mỗi tháng trước họ có bắt một người tên là Bả-Son nơi cầu vì nghi là làm dọ-thám cho Nhật. Anh ta có đến xin ngủ đờ một đêm ở nhà tôi cách đây ba tháng và xem ra cũng là người có ăn học và đứng đắn. Nhưng không hiểu anh ta đi đâu đến đó và bị giết thảm thương như vậy. Mới vừa đây, tôi có nghe tin đồn là linh Pháp không biết ở đâu kéo về đó đông lắm, chú nào chú nấy mặt mày ngơ ngác và mặt nhọc đến nỗi bỏ rơi cho dân chúng lượm nhiều bó giấy bạc năm trăm đồng mới tỉnh khỏi mà không buồn lấy lại.

Thầy giáo Thông nghe nói thế, quả quyết bảo :

— Như vậy chắc chắn là ở Sài-gòn có chuyện dữ rồi. Tôi có đọc báo và thấy thuật lại cảnh triệt thối của quân Pháp ở mặt trận Âu-châu mấy năm trước cũng thế.

Mọi người còn đang phân vân bồng nghe có tiếng nói lao xao ngoài bến. Ở trong nhìn ra họ thấy dưới ánh đèn măng-xông dọi chênh chếch ra nửa sân nhà và soi sáng cho con đường lát đá-ong từ dưới bến cầu lên đến thềm nhà, một bóng người bận đồ đen xam xam bước tới.

— Ô, thằng Ba Chắt.

Chú Ba Chắt là một người

cheo đồ hiền lương và sốt sắng ở chợ Giồng-Riềng, hay đem tin tức mới lạ về những miệt xa xôi cho bà con cùng biết. Chú vừa bước đến cửa vừa neho mắt nhìn những mặt quen trong nhà tiệc và vung tay nói bô bô lên :

— Rồi rồi bà con. Bọn mình hết khổ rồi !

Thầy giáo Thông vội lên tiếng gọi :

— Chú Ba, lại đây hớp ngụm rượu cái đã rồi việc gì phải nói đang hoàng nghe coi.

Ba Chắt đưa tay che ánh sáng và nhìn vào trong thấy có đủ các hạng tai mắt trong làng, vội lột chiếc khăn tẩm rằn ri chít trên đầu và bước đến xá chào. Hương thân Bồ cất tiếng đồng-dục hỏi :

— Mày mới nói cái gì mà rồi rồi đó vậy Ba ?

— Thưa ông Hương thân, có gì đâu ? — Ba Chắt vừa lúng túng chối vừa ngó lão liên.

Ba Ủi liền nhỏ nhẹ bảo :

— Ấy, thằng Ba sợ gì mà không nói chứ ? Em có biết chuyện gì ngộ lắm đó hả ? Nói lên đi rồi uống rượu chơi. Mấy qua không bắt lỗi phải gì đâu.

Ba Chắt gãi tay, lấp bắp nói :

— Dạ, thưa . . . tôi cũng nghe người ta . . . đồn vậy thôi . . .

— Họ đồn làm sao ?

— Dạ, Nhật mới bắt ông Chánh Chủ Tỉnh ở Rạch-giá hồi đầu hôm này . . .

— Ủy, thật vậy sao ? Đầu em nói rành rẽ cho các qua nghe, ai

đã nói như vậy và có chắc chắn không rồi qua sẽ thưởng cho em.

Thầy giáo Thông đứng lên nhắc một chiếc ghế đầu để một bên, kéo tay Ba Chắt ép ngồi xuống và cho uống một ly rượu. Ba Chắt hơi bạo dạn, bắt đầu kể chuyện :

— Hồi hôm này, lúc 9 giờ, tôi không có khách thuê đồ đi đâu hết mới đậu đồ nơi cầu tàu của Hai Hi để ngủ, bồng nghe có tiếng máy tàu chạy đến gần. Tôi sợ sóng nhồi kẹt lật đồ mới vội bước ra lái chống đồ dang ra be cầu. Từ đằng xa chạy đến rất chậm một chiếc tàu nhỏ giống như tàu nhà đoàn và từ từ ghé vào bến cầu, đậu cập sát bên ghe tôi.

« Đứng trên mũi tàu có bốn người ăn mặc võ phục sĩ quan Nhật với cái mũ lưỡi trai, với chiếc grom dài lông thông bên lưng, với bộ đồ xanh cứt ngựa bó sát vào mình và với chiếc ủng cao dưới chân, đang li lô trăm tiếng Nhật với nhau. Tôi sợ quá, toán chun vào mũi đồ, trốn đi cho họ đừng thấy. Nhưng một trong bốn người nọ đã cất tiếng hỏi tôi, giọng nói tiếng Việt sành sỏi :

— « Anh kia, làm gì ở đây ?

— « Dạ thưa bầm quan, tôi là dân cheo đồ ở đây. — Tôi khúm núm xá chào người ấy và đáp lại.

« Người nọ, có lẽ là người nước mình vì tôi nhìn kỹ thấy

cao hơn ba người kia này giờ cao giờ mắt ra nhìn tôi, nghe tôi nói như thế, gật đầu ra về hài lòng và hỏi tiếp :

— « Có phải dinh quận đi về hướng kia không ? Ban đêm vì đèn tắt hết nên tôi không nhận ra đường lối nào cả.

— « Bầm quan lớn, phải đó.

« Người nọ quay sang ba ông quan Nhật nọ, nói riu rít như chim. Ba người ấy cũng trả lời lại vắn tắt vài câu, và người nọ hỏi lại tôi :

— « Từ sáng nay đến bây giờ có lính mới từ đâu đến quận này không ?

— « Bầm không.

— « Anh có chắc vậy ? Hay là có mà anh không biết ?

— « Bầm chắc lắm, ở một quận bé nhỏ này có gì lạ xảy ra là tôi hay liền.

« Người nọ gật đầu đáp lại :

— « Theo tin mật báo của chúng tôi thì linh quận chỉ có mười lăm người phải không ?

— « Bầm phải.

« Người nọ chưa vội thông ngôn lại cho các quan Nhật nghe và cứ hỏi tiếp :

— « Ông quận ở đây ác với dân chúng lắm hả ? Anh đừng sợ gì, cứ nói thiệt đi. Trước khi hỏi anh, chúng tôi cũng đã biết rõ hết mọi chuyện xảy ra ở đây rồi.

Cha Chắt ngừng nói, gơ tay tiếp đón lấy ly rượu trắng « tay bắt » rót bọt vung chùn của thầy

giáo Thông vừa trao ra và đưa vào miệng uống nghe cái chót rồi đưa tay áo quạt môi, khẽ tiếp :

— Tôi nghe người đó nói vậy, nhưng cũng hãy còn dè dặt và đáp lại : «Đạ thừa quan, ông chủ quận này thì có hơi gắc gớm với dân một chút.»

«Người nọ mỉm cười, nói thêm:

— «Và ăn của hối lộ tài dách ! Có phải vậy không ? Nhưng này tôi nói cho anh mừng ; nó hết thời rồi nên chúng tôi đến đây để bắt nó.

«Tôi còn đang ngờ-ngần không biết mình có nghe lộn không thì thấy người nọ chạy qua ba quan Nhật và nói tía lia một lúc lâu. Một trong ba ông quan nọ gật đầu và hô lên một tiếng. Tức thời một tốp lính Nhật ở dưới hầm tàu rầm rộ chạy lên và gỡ những bao vải che thành nhiều đống ở trước mũi tàu. Mèn ơi các ông biết gì đó không ? Toàn là súng gì nặng-nề, kịch cộm và bị sộn ! »

Mọi người trong bàn tiệc nghe nói đến đoạn hào hứng vội hỏi nhón lên :

— Rồi sao nữa ? Trong dinh quận có hay gì không ?

— Không ngờ ! Từ cầu tàu Hai Hi đến cầu tàu trước dinh quận có bao xa he, nhưng nơi đó không thấy có mòi rục rịch gì hết. Ông quan to dưới tàu liền truyền re

một lính, tàu rời bến liền và tiến về cầu tàu dinh quận. Người lính tập gát trước dinh la át lên : «Tàu ai chạy nghinh-ngang vậy ? Không biết giờ cấm sao ? «Tàu nọ cặp vào bờ, và dưới tàu hẳn chỉ thiên một loạt súng nổ nghe chát chúa. Dưới ánh đèn bão tù mù treo trước dinh quận, tôi thấy rõ tên lính quận. Quảng súng chạy u vào trong. Dưới tàu liền bước lên bốn bóng người hùng hổ đi vào quận. Một lát sau, tôi lại thấy bọn lính quận chun rào lui trốn cả ra chợ. Tôi đợi một lúc lâu không thấy có gì lạ nữa và trong dinh quận có nhiều đèn thấp sáng lên cùng với nhiều lính Nhật canh gác chung quanh đấy mà thôi.

Thầy giáo Thông hỏi tới:

— Rồi sao anh biết Chánh Chủ tỉnh ở Rạch-giá cũng bị Nhật bắt.

— À, cái đó thì cậu Xă Xum nói cho tôi rõ . . .

— Xă Xum ở Hòa-Thuận mà sao gặp được chú ?

— Xă Xum đi chợ Rạch-giá mới về và mướn đồ tôi sau khi xảy ra việc lạ vừa nói trên. Cậu xă cho tôi hay cầu phải về nhà gấp vì có nhiều việc lộn xộn vừa diễn ra ở chợ Rạch-giá. Nhật đã bắt ông Chánh Chủ tỉnh và các quan chức người Pháp cả rồi. Lính tập, lính cò, lính mật-thăm gì đều bỏ trốn rào bách

Cầu đang coi hát ở chợ tỉnh thì đám hát bỗng tan nửa chừng và cầu không dám ở lại vì sợ e có chuyện không hay nên vội đạp xe máy chạy về Giồng-riêng, may sao lại gặp đồ của tôi đậu nghỉ mới mướn đưa tuốt về nhà . . .

Mọi người nghe Ba Chắt nói xong xúm nhau lại bàn tán với nhau kẻ mắng người lo, kẻ tin người ngờ và sau rốt đồng hẹn nhau sáng mai sẽ ra quận cho biết hư thực thế nào.

Trời khi ấy đã khuya, tiệc cưới cũng tàn lấu rồi, mọi người chia tay nhau về. Má tôi cùng tôi vừa xuống tam-bản bỗng nghe tiếng gọi sau lưng :

— Chị Năm ! Khoan về đã, tụi tôi có chuyện muốn nói với chị.

Má tôi nhìn lại nhận ra người gọi là vợ cựu Hương-quản Chùa và vợ Ba Hác, liền hỏi :

— Hai chị muốn nói gì ?

Bà Hương-quản Chùa nhỏ phệt cổ trầu xuống đất, đưa khăn đỏ vắt vai lau miệng và bảo :

— Thăng quận Nhiều thất nhân ác đức đã đầy chồng chúng tôi và con chị ra Côn-đảo mà ngày tàn của nó đã tới rồi, chị em mình lại chịu làm nợ không trả oán sao ?

— Trả oán cách nào ?

— Mai này tụi mình kéo nhau ra quận đòi nó trả lại chồng và con, nếu nó nói lời thôi thì xáng

guốc lên trên đầu nó. Phải quánh cho nó với con vợ đồng đánh của nó một mánh toi bởi mới hả tức hận từ bấy lâu nay.

Tôi đưa mắt nhìn về má tôi. Người suy nghĩ một chút và đáp lại :

— Làm vậy cũng không ăn thua gì. Hơn nữa, ai phải quấy có ông Trời biết, chớ sao nữ xuống tay hiệp đáp lại người đã thất thế ? Nhưng vậy, mình cũng ở quấy như họ.

Hai người nọ nguầy bở đi và nói :

— Chị này cứ mừng hiền lành mà chúng ăn hiệp mặt kiếp !

Má con tôi xuống tam bản. Hai người bạn Thổ chèo bốn chèo như bay. Vòm trời bản bạc như ngậm sương. Vài ánh sao sáng vừa khi nãy như cần ngọc lưu ly đã mờ dần về lưng linh trên bóng nước lồng.

Tôi bỗng chợt nhận thức được một bài học trước vũ trụ mênh mông. Không có gì tồn tại cả và con người là một vật hết sức bé nhỏ của tạo hóa đối với thời gian và không gian. Vì vậy ta cần phải xử liệu bề ăn ở sao cho phải lẽ và không gây thù chuốc oán cùng ai.

(Còn nữa)

Buồn ơi, chào mi !

(Xem từ P.T. 1)

DIỆU-HUYỀN dịch

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề rút ngắn câu chuyện, bắt đầu từ chương này tôi chỉ dịch những đoạn chính trong cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xét thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

DIỆU-HUYỀN

Phần thứ Nhì

Chương I và II

MỖI ngày tôi mỗi gầy sòm một tý. Một buổi sáng, tôi đang nằm lim-dim trên bãi cát sau khi tắm biển xong thì Ba tôi đến ngồi cạnh tôi và ngó tôi. Tôi cảm thấy tia mắt của ông đè nặng trên người tôi. Tôi sắp ngồi dậy, với bộ mặt vui gượng mà tôi đã quen rồi, tôi định rủ ông đi xuống lội nước chơi thì ông đặt bàn tay lên đầu tôi và cất tiếng thăm-đạm gọi Ánh-Lệ :

— Ánh-Lệ ơi, lại đây coi con châu-chấu này, nó gầy quá sức ! Nếu tại vì nó học quá mà nên nổi, thì nó phải nghỉ học đi thôi.

Ba tôi tưởng nói thế, là sắp đặt được mọi việc, nhưng giá sử ông biết sắp đặt mười ngày trước thì có lẽ tốt hơn. Vì tình-thế phiền-phức đã đến một giai-đoạn

quá xa rồi và những giờ học buổi chiều không còn khó chịu với tôi nữa, vì lẽ từ ngày học Bergson tôi không còn mó đến một quyển sách nào nữa cả.

Ánh-Lệ đến gần tôi. Tôi đang nằm sấp bụng trên bãi cát, lắng tai nghe tiếng chân nàng chậm-chậm bước. Nàng ngồi một bên, và khẽ bảo :

— Ừ, hồng. Giá sử cô chịu khó học thật-sự thay vì đi loanh-quanh mãi trong phòng, thì...

Tôi quay lại ngó hai người. Tại sao Ánh-Lệ biết là tôi không học ? Có lẽ nàng dò-xét được những ý-nghĩ của tôi chăng ? Tôi tin rằng nàng có khả-năng ấy lắm. Ý-nghĩ ấy khiến tôi dăm sợ nàng. Tôi cãi lại :

— Tôi không có đi loanh-quanh trong phòng.

Ba tôi hỏi :

— Có phải con thiếu thẳng con trai ấy không ?

— Không !

Tôi trả lời như thế cũng không đúng với sự thật cho lắm, nhưng thật ra thì tôi làm gì còn có thì giờ để nghĩ đến Tuấn-Sinh ! Ba tôi nghiêm-khắc bảo :

— Vậy sao coi bộ con ốm teo như thế ? Ánh-Lệ, em ngó xem có phải nó giống như con gà dò bị rút hết xương rồi đem rоти ngoài nắng không ?

Ánh-Lệ bảo :

— Mộng-Linh em ạ, em nên cố-gắng. Nên học một chút, và ăn thật nhiều. Phải quan-tâm đến kỳ thi tú tài...

Tôi la lên :

— Tôi đếch cần kỳ thi tú-tài. Bà nghe chưa, tôi đếch cần !

Tôi nhìn nàng với nét mặt tuyệt-vọng, tôi nhìn thẳng vào mặt nàng, để cho nàng thấy rằng việc của tôi còn trầm-trọng hơn là kỳ thi tú-tài. Đáng lẽ nàng phải hỏi tôi : « Thế nào ? Việc gì thế ? », đáng lẽ nàng phải hỏi dồn-dập như thế và bắt buộc tôi phải kể hết cho nàng nghe tâm-sự của tôi. Nhưng nàng dăm-dăm ngó tôi, tôi nhìn thấy màu xanh da trời trong cặp mắt nàng bị mờ - ám vì giận - dữ. Và tôi hiểu rằng không bao giờ nàng muốn hỏi tôi gì cả để cho tôi được thoải-lộ đôi chút tâm-tĩnh. Tôi biết nàng không thêm chú-trọng đến những ý-nghĩ đang rạo-rực trong trí tôi, và nếu có chăng nữa thì cũng chỉ là để tỏ sự khinh-bĩ tôi, hoặc sự lãnh-đạm. Vì vậy nên chẳng bao giờ, quyết chẳng bao

giờ tôi với nàng có thể thông-cảm được với nhau.

Tôi tức giận nằm lăn ra cát, tôi ấn gò má tôi trên bãi cát nóng dịu, tôi thở ra, người uể-mỏi tôi run cả lên. Bàn tay của Ánh-Lệ, lạnh lẽ và điềm-tĩnh, đặt trên ót tôi, để tôi nằm im một lát, đợi cho tôi hết run. Rồi nàng bảo :

— Em đừng làm cho cuộc đời thêm rối-rắm. Trước kia, sao em vui vẻ thế, em hoạt-động thế, mà bây giờ em trông buồn-bực và nghĩ-ngợi thế ?

— Tôi hả ? Tôi là một con bé vô tư-lự, và trong sạch, vui-vẻ trẻ-trung và khỏe-khỏe.

Nàng bảo :

— Thôi, vào ăn trưa, em.

Ba tôi đã đi trước, ông không thích nghe những cuộc cãi lầy như thế. Trên đường về, ông cầm tay tôi và nắm chặt nó trong bàn tay cứng-rắn và an-ủi của ông. Bàn tay ấy đã vuốt-ve tôi khi tôi bị lần đầu tiên rầu rĩ vì tình yêu, nó đã nắm tay tôi trong những lúc yên-tĩnh và hạnh-phúc hoàn-toàn, nó đã lên lút xiết chặt lấy tay tôi trong những khi đồng-lỏa cười đùa. Bàn tay ấy hồi nào đặt trên tay lái xe hơi, hồi nào cầm chìa khóa, buổi tối và mờ-mảm tìm cho được lỗ khóa, hoặc đặt trên vai một người đàn-bà hay trên điệu thuốc, bàn tay ấy bây giờ không còn giúp ích gì cho tôi được nữa. Tôi xiết chặt lấy nó. Ba tôi quay lại nhìn tôi, mỉm cười với tôi.

Hai ngày qua. Tôi cứ nghĩ vơ nghĩ vẩn, mệt cả trí-óc. Tôi

không thể nào xóa mờ được cái ám-ảnh này : Anh-Lệ sẽ phá nát đời sống của chúng tôi. Tôi không tìm cách gặp lại Tuấn-Sinh nữa, chắc là chàng sẽ đổ-dành tôi, đem lại cho tôi đôi chút hạnh-phúc, nhưng tôi hết ham.

Trời nóng bức. Tôi nằm trên giường, ngả đầu ra, mắt nhìn lên trần nhà. Tôi không ngủ, nhưng tôi đặt trên máy pic-cóp nơi chũm giường, những đĩa hát chậm-chậm, không ru-đương, chỉ vừa có âm-điệu êm-đềm thôi. Tôi hút thuốc lu-bu, tôi tự thấy tôi như thế là suy-dồi nhưng tôi lại thích tôi như thế. Nhưng cái trò chơi ấy cũng chẳng làm tôi nguôi được : bởi tôi buồn quá, như một tâm-hồn lạc-hướng.

Một buổi chiều, chị ở gõ cửa phòng tôi và làm ra vẻ bí-mật khê báo tôi biết « có người nào ở dưới nhà ». Tôi nghĩ ngay đến Tuấn-Sinh. Tôi đi xuống, nhưng không phải chàng. Mà lại là Yến-Hoa. Nàng bắt tay tôi niềm-nở. Tôi nhìn nàng, ngạc-nhiên thấy nàng có vẻ đẹp mới lạ, diễm-trang long-lẫy, và trẻ hẳn lên. Nàng bảo :

— Tôi đến lấy các va-li của tôi. Anh Danh mới mua cho tôi mấy chiếc áo, nhưng vẫn chưa đủ.

Tôi thoáng hỏi thăm Danh là ai, nhưng rồi tôi bỏ qua. Tôi vui-vẻ được gặp lại Yến-Hoa : nàng đem theo nàng cái phong-độ của một cô gái ăn-chơi ở các hộp đêm, nhắc lại cho tôi nhớ những ngày vui - sướng. Tôi

bảo với nàng rằng tôi rất hoan-hỉ được gặp lại nàng, nàng cũng bảo với tôi rằng nàng vẫn luôn luôn quý - mến tôi vì chúng tôi có nhiều điểm tâm-đầu ý - hợp. Tôi rủ nàng lên phòng tôi, để khỏi chạm trán với Ba tôi và Anh-Lệ. Nhắc đến Ba tôi, nàng tỏ vẻ như còn yêu ông... mặc dầu nàng đã có xư Danh nào đó rồi... Nàng hỏi tôi : « Ông Lê-Môn có vui sướng không? », tôi bảo :

— Nói « vui sướng » thì có hơi quá. Anh-Lệ không để cho ông tin cách nào khác nữa đâu. Bà ấy khéo-léo quá.

— Xảo lắm !

— Cô không thể đoán được điều bà ấy đã dự định : bà sắp làm lễ hôn-thú với ông đấy.

Nàng tỏ vẻ mặt kinh-khủng :

— Cưới ông hả ? Lê-Môn muốn lấy vợ sao ?

— Phải. Ba tôi sắp lấy vợ.

Tôi chồm tới để nói khê cho nàng xúc-động :

— Không thể thế được, Yến-Hoa à. Ông đau khổ rồi. Chuyện ấy không thể được, chắc cô cũng dư hiểu.

— Vâng.

— Tôi vẫn chờ cô đấy. Chỉ có cô là đủ sức chống-cự lại Anh-Lệ mà thôi.

— Nhưng nếu ông thành-hôn với bà, tức là ông yêu bà rồi.

Tôi dụ-dàng bảo :

— Xi ! Cô mới thật là người ông yêu, cô Yến-Hoa. Cô biết chán điều đó, tôi còn lạ gì. Nè

cô Yến-Hoa, nếu họ chánh-thức thành-hôn rồi, thì đời sống của cả ba chúng mình đều gây đổ. Cô phải bình-vực cho Ba tôi chớ. Ông lớn nhưng ông còn con nít lắm... Ông còn con nít lắm...

Tôi kết-luận như một câu kinh Thánh :

— Hãy giúp tôi, Yến-Hoa ! Tôi nói thế là vì tôi thương cô, vì tôi thương Ba tôi, và vì tình-yêu của ông với cô.

— Nhưng tôi làm sao được ? Tôi thấy không thể làm gì được.

— Nếu cô thấy không thể làm gì được, thì thôi vậy.

Tôi nói tiếp :

— Yến-Hoa à, cô đến nói với Tuấn-Sinh là tôi gởi-gắm cô cho chàng, để chàng cho cô ở trọ nhờ trong nhà chàng. Chàng liệu điều-đinh với mẹ chàng. Cô bảo chàng là sáng mai tôi sẽ đến thăm chàng. Rồi ba đưa mình sẽ cùng nhau thảo-luận.

Tiến nàng ra đến ngưỡng cửa, tôi nói tiếp :

— Ấy là tôi muốn cô lo gìn giữ cho số phận của cô đấy, Yến-Hoa à.

Nàng nghiêm - nghị gật đầu nhận lời. Tôi nhìn theo bóng nàng đi như khiêu-vũ dưới ánh nắng. Tôi cho giỏi lắm là nội trong một tuần lễ Ba tôi lại sẽ thêm muốn Yến-Hoa ngay.

Đã ba giờ rưỡi chiều. Giờ này, ông còn đang nằm ngủ trong tay Anh-Lệ. Bà cũng nở-nang da thịt, rời rạc tay chân, ngửa-ngiêng

thân mình trong nhiệt-độ của khoai - lạc, của hạnh - phúc, và đang lăn nhào ra ngủ... Tôi khỏi sự đặt ra rất mau lẹ những kế-hoạch tấn công. Tôi đi trong phòng tôi không ngớt, đến tận cửa sổ, nhìn ra biển lặng tan bọt trên bãi cát, rồi tôi lại trở ra cửa lớn, tôi lại trở vào. Tôi suy-tính, tôi đặt đề, tôi phá-hủy dần dần hết thấy các trở-ngại... Tôi tự cảm thấy tôi tinh-ranh nguy-hiểm.

Tôi khỏi cần nói rằng đến giờ tắm biển, tất cả các mưu-tính ấy đều tan vỡ hết ráo. Tôi hối-hận đến run lên trước mặt Anh-Lệ. Tôi không biết làm sao để tự chuộc lỗi cho mình. Tôi vội-vàng chạy đến đưa áo choàng cho bà khi bà ở dưới nước đi lên bờ, tôi niềm-nở, sốt-sắng, nói toàn những lời dụ-dàng thân-thiện. Sự thay-đổi rất chóng của tôi, sau những ngày quau-quọ vừa rồi, đã không khỏi khiến bà ngạc-nhiên, vui sướng. Ba tôi thì khoái lắm. Anh-Lệ mỉm cười để cảm ơn tôi. Tôi nghĩ thầm rằng nên kể lại hết cho bà nghe kế-hoạch « tôi đang sắp-đặt đồng mưu với Yến-Hoa trở lại với Ba tôi. Tôi mưu-toan như thế kể cũng khờ thật, nhưng tại vì tôi ghét bà bắt tôi phải học triết-lý Bergson, tại vì trời nóng-bức... Ai biết bà bắt tôi phải luyện thi tú-tài kỳ tới làm chi, nên tôi mới định gây chuyện với bà đó, chớ bà là bạn thân trước kia của Má tôi, bà là

bạn thân của chúng tôi cơ mà... Vả lại, thì Tú-tài là điều lợi-ích lắm chứ... phải không bà nhỉ ? » Tôi nghĩ thầm như thế rồi tôi hồi to lên :

— Phải không, bà nhỉ ?

Ánh-Lệ hỏi :

— Phải không, cái gì ?

Nghĩ cho kỹ, tốt hơn là tôi làm thính. Thủ thiệt hết cho bà nghe làm chi những mưu-mô của tôi ? Bà đâu có hiểu được !

Tôi nhảy xuống nước, bơi đuối theo Ba tôi, giỡn với Ba tôi, tìm lại những thú vui của nô-đùa,

của nước, của lương-tâm êm đẹp. Ngày mai, tôi sẽ đòi phòng khác. Tôi dọn ở trên gác chứa đồ, với các sách học của tôi. Dù sao tôi cũng không mang theo quyển triết-lý Bergson đâu ! Đừng có lỡ chứ ! Tìm yên-tĩnh để học hai tiếng đồng-hồ đằng-hoàng, cố gắng âm-thầm, mũi giấy, mũi mực... rồi đến tháng mười thì đỗ, nụ cười kinh-ngạc của Ba tôi, sự tán-thành của Ánh-Lệ, rồi vô học thi bằng cử-nhân...

(Kỳ sau tiếp)

★ Ồ NHỆN !

Một vị linh-mục Áo được mời sang viếng Hoa-Kỳ. Trước khi rời thủ-đô Vienne người ta căn dặn ông nên đề phòng những câu hỏi tò mò của mấy « ông nhà báo » ở Mỹ.

Vừa đến phi-trường Nữ-Uớc, một phóng-viên phỏng-vấn ông :

— Thưa « cha » có định đi viếng những « ồ nhện » ở Nữ-Uớc không ?

Vị linh-mục giả dờ không biết, nên trả lời :

— Ở Nữ-Uớc có ồ nhện à ?

Ngày mai ông ngạc nhiên thấy đăng tên một tờ báo, nơi trang nhất, một nhan đề to lớn :

« Câu hỏi đầu tiên của vị linh-mục Áo khi đặt chân xuống phi-trường là :

« ở Nữ-Uớc có « ồ nhện » không ? »

☆ ANH BỒI KHÔN LẠNH

Một vị Thượng khách, ngoại-quốc đến trọ ở một khách-sạn sang-trọng giữa — châu-thành Sài-gòn, được một tuần. Tính ông hà-tiện nên rất khó chịu vì phải luôn luôn phải tiền « bước-boia » cho nhân-viên khách-sạn.

Một buổi sáng, có tiếng gõ cửa. Từ ngoài, người bồi phòng lễ phép nói :

— Thưa Cụ, có điện-tín đề tên Cụ ạ.

Biết chắc anh bồi phòng này muốn xin tiền « bước-boia » vị Thượng khách trả lời :

— Anh dứt nó qua dưới khe cửa cho tôi.

Do dự, anh bồi phòng trả lời :

— Dạ thưa Cụ, không thể nào được ạ.

— Tại sao ?

— Dạ thưa Cụ, vì tấm điện-tín đặt ở trên cái mâm ạ.

Hải-Phương



GIÒNG NƯỚC THIÊNG

T HUỜ xtra, trong làng nọ có gia-đình một bà góa - phụ nghèo nàn, sống hăm hút với đứa con cô. Tuy nghèo khó song con bà, nàng Ngọc-

nhờ thể Ngọc-Hoa đã trở nên một cô gái đức-hạnh hoàn toàn. Cha mất sớm, Ngọc-Hoa chỉ còn lại một bà mẹ, nàng đã dành hết lòng thờ kính thương yêu, mẹ nàng cũng thương con tha-thiết vì đó là hình ảnh.

Hoa có một vẻ đẹp yêu - kiều diễm lệ với làn da mịn màng trắng mướt, đôi mắt bồ câu long lanh đã làm say đắm không biết bao nhiêu chàng thanh niên cùng xóm. Lúc nhỏ, nàng được cha cho đến trường học về đạo Thánh hiền





của người chồng yêu quý của bà.

Một hôm Ngọc-Hoa đang xách nước tưới rau với mẹ ngoài vườn, bỗng mẹ nàng kêu mệ vào nhà nằm. Đêm hôm ấy, bà lâm trọng bệnh, Ngọc-Hoa luôn luôn quanh quần bên giường mẹ đẻ săn sóc và lo lắng thuốc thang. Con bệnh mỗi ngày một trầm trọng, bao nhiêu vị lương y trong vùng đều lắc đầu bó tay, Ngọc-Hoa lo lắng, sợ hãi vô cùng. Một đêm kia, ngoài trời mưa rả-rít, gió thổi từng cơn ghê rợn, mẹ nàng đã đuối sức nằm thiêm thiếp trên chiếc giường tre tiêu vẹo, Ngọc-Hoa bưng thuốc vào thấy hơi thở của bà yếu đuối, sinh mạng của mẹ nàng lúc ấy như một ngọn lửa sắp tàn chỉ đợi một làn gió nhẹ thoảng qua là tắt ngay, Ngọc-Hoa nhìn thân hình gầy gò, khuôn mặt hốc hác xanh xao của mẹ rồi

nàng oà lên khóc, mẹ nàng vẫn mệ mang. Bỗng một luồng gió lạnh thổi tạt vào, Ngọc-Hoa ngừng đầu lên, trong bóng tối lơ mơ, nàng kinh ngạc thấy hiện ra chập chờn một cụ già dị tướng kỳ hình góm ghieo vô cùng mà nàng chưa hề thấy bao giờ. Da cụ nhăn nheo đen dúa, mũi cong vòng như mỏ két, miệng rộng toác đưa hai hàm răng nhọn lều vồ trật tự dài lỏm chòm, tay cầm liềm hái giờ lên và đóng đặc bảo :

— Ta là Thần chết đến đây đề rước mẹ của ngươi về âm phủ.

Ngọc-Hoa kinh hãi, nàng vừa sợ Thần chết, vừa sợ mẹ mất, nhào đến ôm mẹ khóc thét lên rồi run rẩy bảo :

— Thưa nữ thần, hãy tha chết cho mẹ con, rồi con nguyện sẽ làm tôi mọi cho nữ thần trọn kiếp.

Thần chết lạnh-lùng bảo :

— Điều ấy ta không cần.

Ngọc-Hoa cố nài-nỉ van xin :

— Thưa nữ thần, nếu bà bắt mẹ con, thì con sẽ sống với ai, khi bên mình con không có một người bà con thân quyến.

Thần chết nhe răng cười, bảo :

— Ta chỉ có một điều, nếu muốn bảo toàn tánh mạng mẹ ngươi, ngươi hãy nhận lấy cái hình thù xấu xí của ta, bằng không ta sẽ bắt mẹ ngươi lập tức.

Thần chết vung liềm liềm lên. Ngọc-Hoa hốt hoảng, nàng nhận lời ngay. Thế rồi Thần chết biến mất. Sáng hôm sau nàng thấy trong

người khó chịu, mặt mày ngứa ngáy, nàng đến soi gương thì hơi ối, cái sắc đẹp khả ái yểu kiều trước kia nay đã trở nên xấu xí góm ghê. Ngọc-Hoa thấy thế, nàng khóc cho số phận mình rồi đẩy mọi người sẽ tránh xa xô đuổi nàng như một con ác quỷ. Nhưng Ngọc-Hoa cũng cảm thấy sung sướng được phần nào khi biết từ đây mẹ nàng đã mạnh hẳn.

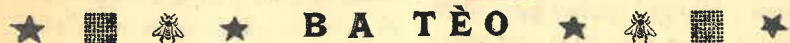
Một hôm bà gọi con vào buồng đề xin chén nước, khi Ngọc-Hoa vừa bước vào, bà kinh ngạc và xua đuổi con người ghê gớm kia, Ngọc-Hoa cố phân-trần, đem chuyện Thần chết kể cho mẹ nghe, song bà vẫn không tin và cố xua đuổi, nàng nghĩ rằng có giải thích cũng vô ích nên đành bỏ nhà ra đi. Mẹ nàng sau khi lành mạnh bà thường khóc lóc cho rằng con bà đã đi mất từ lâu, chỉ để lại một cụ già đáng ghét kia chăm sóc cho bà, lòng thương con vô bờ bên song bà không biết phải tìm kiếm nơi đâu, và con bà phải là một nàng Ngọc-Hoa tuyệt đẹp chứ không phải xấu xí như lời cụ già kia đã bảo với bà.

Về phần Ngọc-Hoa vừa từ-giã mẹ, nàng đi lang-thang ngoài đường lú trẻ thấy nàng đi đến đâu cũng đều sợ hãi bỏ chạy trốn, người lớn thì lấy đá ném nàng. Đau khổ tràn ngập cả tâm hồn, Ngọc-Hoa đi thật mau đến con đường vắng-vẻ đề nghỉ chân. Bỗng từ đằng xa một cụ



già ăn xin tiến đến, bà run rẩy van xin nàng bố thí, Ngọc-Hoa không màng sống nữa, nàng định cho tất cả thức ăn và áo quần nàng cho bà lão ăn xin rồi đi tự tử. Nhưng bà lão hình như đoán được ý định của nàng, nên bà dẫn nàng đến một suối nước lạnh trong veo và nói dối rằng nơi đây đã có rất nhiều người đã đến đề tìm vào cõi chết. Ngọc-Hoa tưởng thật bèn nhảy xuống đề mong dòng nước kia đưa linh hồn về bên kia thế-giới. Nhưng khi nhảy xuống thì lạ thay nàng cảm thấy thân mình nhẹ nhàng, khỏe-khoắn, da hồng hào đẹp đẽ như xưa. Ngọc-Hoa sung sướng nghĩ thầm có lẽ đức Thượng-đế đã cảm thông được tấm lòng chí hiếu của nàng mà sai người xuống cứu giúp chăng. Thế rồi Ngọc-Hoa hăm hở chạy vội về nhà, hai mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi hai dòng lệ sung sướng lăn dài trên đôi má !

VIỆT-NAM



BA TÈO

(Xem Phở-Thông bộ mới từ số 3)

★ Bạn Võ-dinh-Tiên

Nguyễn-Công-Trợ (Nha-Trang)

2487.— Chiều chiều mang giỏ
hái dâu,

Hái dâu không hái, nhớ câu
ân tình.

2488.— Chiều chiều én liệng
cò bay,

Cảm thương chú Lúa bị vây
trong thành

2489.— Chiều chiều én liệng
cò bay,

Khoan khoan hỏi bạn, bạn rày
nhớ ai ?

2490.— Chiều chiều cóc cọt
đi thi,

Bỏ quên ngòi viết lấy gì viết
thơ ?

2491.— Chiều chiều vịt lội bờ
bàn,

Thương người áo trắng vá quàng
nửa vai.

2492.— Chiều chiều mây phủ
đá bia,

Đá bia mây phủ chị kia mất
chồng.

Mất chồng đây chàng có lo,
Sợ đó mất vợ nằm co một mình.

2493.— Chim lạc bầy tìm cây
nuơng cội,

Người lạc người tội lỗi lắm trời ơi !
Thà rằng không gặp thì thôi,

Gặp rồi mỗi đứa mỗi nơi sao
đành !

2494.— Lỡ khi ăn miếng trầu
anh,

Đem lo ngày sợ mặt xanh như
chàm.

2495.— Dù cho cha đánh ngõ
đình,

Mẹ ngăn ngõ chợ đôi đứa mình
dừng xa.

2496.— Già đồ buồn kén bán tơ,
Đi ngang qua ngõ rớt thơ cho
chàng.

2497.— Ngó lên nhà ngói sờ sờ,
Ngói thời mặc ngói cũng chờ
nhà tranh.

Nước trên nguồn chảy xuống
ruộng xanh.

Khò thời chịu khò lia anh không
lìa.

2498.— Ngó ra đám bắp thái
thai,

Bầy chim ăn hết chị hai gặm cùi.

2499.— Ngó ra ngoài biển thu
đông,

Thấy người thiên hạ sao không
thấy chàng !

2500.— Trèo lên đèo Cà, ngó
xuống thấy Vạn-Già, Tu-Bông.

Không biết nhà phụ mẫu đành
không,

Anh chờ em đợi uồng công hai
dàng.

2501.— Ước gì sông hẹp một
gang,

Bắc cầu giải yếm cho chàng sang
chơi.

2502.— Học hành ba chữ lem
lem,

Thấy gái thì thèm như chữa thèm
chưa.

2503.— Thử chuồng cho biết
chuồng đồng,

Thử người cho biết một lòng
hay hai,

Chữ đề trên đá chưa phai,
Vợ chồng chưa chắc gái trai
chắc gì.

2504.— Tối trời đom đóm liệng
giăng,

Bởi anh vụng tính nên trăng xa
đèn.

2505.— Khi kia anh ở cùng ai,
Bây giờ đang chiếc thuyền hai
phụ đồ.

Khi kia anh ở cùng dò,

Bây giờ dò lũng anh mò thuyền
nguyên.

2506.— Má lúm bầu coi lâu
muốn chửi,

Mặt chữ điền trăm rười cũng
mua.

2507.— Cầm cần câu cá liệt
xuôi,

Nấu canh rau bợ mà nuôi mẹ
già.

Mẹ già như bắp khô bao,

Sao anh không kiếm nơi nào đỡ
tay ?

2508.— Ngồi buồn khuấy
nước giốn trắng,

Nước xạo trắng lặn buồn chẳng
hời buồn.

2509.— Đã liều lựa ế bán cho,
Còn ché khò hẹp đòi đồ thước
dài.

2510 — Thiếp xa chàng hái
dâu quên giỏ,

Chàng xa thiếp cắt cỏ quên liềm.

Xuống sông gánh nước hủ chìm
giống trôi,

Nhọc lòng khổ lắm ai ơi,
Hủ chìm kiếm được, giống trời
phương nào.

2511.— Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn
chè.

Chè gì chè đồ chè khoai,
Bắt tôi giả nếp canh hai chưa
rồi.

2512.— Ai làm cho đó xa đây,
Cho chim chèo bẻo xa cây măng
vòi.

2513.— Trách ai đem lửa đốt
nguồn,
Cho tro bay xuống, cho buồn dạ
em.

2514.— Vì ai nước mắt sụt
sùi,
Khăn lau không ráo vạt áo chùi
không khô.

★ Bạn Liêu-văn-Sanh — 30, Mạc
đĩnh-Chi Saigon.

2515.— Mấy khi Ròng gặp
mây đây,
Đề Ròng than thở với mây vài
lời!

Nửa mai Ròng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nổi lời nước
non.

2516.— Trên đầu em đội khăn
vuông,

Trông xuống dưới ngực cau
buồng, còn non.

Cò tay em vừa trắng vừa tròn,
Mặt mũi vuông vắn, chồng con
thế nào.

2517 — Ước gì anh hóa ra dừa,

Đề em đem rửa nước mưa chùi
đồng.

Ước gì anh hóa ra hồng,

Đề em bế, em bông trên tay.

2518 — Đêm khuya thiếp một
hỏi chàng?

Cau xanh ăn với trâu vàng xứng
chàng?

Cau xanh nhai lẫn trâu vàng,

Duyên em sánh với tình anh tuyệt
vời.

2519.— Có کیا má đỏ hồng-
hồng,

Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ
ai?

Buồng không lẫn nửa hôm mai,
Đầu xuân mấy chốc, da mồi tóc
sương.

2520.— Ai về làng ấy mấy đồ,
Mấy cầu, mấy quán, anh cho
mượn tiền.

Ước gì quan đắp đường liền,
Đề ta đi lại, khỏi phiền đồ
ngang?

2522.— Tiện đây đưa một
miếng trâu,

Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng
lòng.

Trầu này ơn nặng hơn chì,

Ăn thì đã vậy, lấy gì trả ơn.

2523.— Thân em như củ ấu gai,
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài
thì đen.

Ai ơi! nếm thử mà xem,

Nếm ra mới biết rằng em ngọt
bùi.

★ Bài của Thanh-Tâm (Như-Trang)

2524.— Lạ thay! nét nói nét
cười,

Nét sao lại khiến cho người
muốn thương.

2525.— Đàn bà thì phải nuôi
heo,

Thời vận đương nghèo nuôi
chẳng đáng trâu.

2526.— Bim bíp kêu nước lớn
em ơi!

Buôn bán không lời, chèo chống
mỏi mề.

2527.— Trắng như bông lòng
anh không chuộng,

Đen như cục than hầm làm ruộng
khá thương.

2528.— Chiều chiều ra ngõ mà
trông.

Ngõ thời thấy ngõ sao không
thấy người.

2529.— Trên trời có đám mây
xanh

Giữa mây trắng chung quanh
mây vàng.

Ước gì anh lấy được nàng,

Đề anh mua gạch bác Tràng
về xây.

2530.— Con qua có lông đen
gọi rằng ô-thước,

Em có chồng rồi có phước anh
thương.

2531.— Đất lạng nguyên tự
nhiên cây cỏ mọc,

Anh mãi lo nghèo mạn ngọc
có đôi.

2532.— Lấy vợ thì cưới liền
tay,

Chớ đề lâu ngày có kẻ đem pha.

2533.— Chị kia bới tóc cánh
tiên,

Chồng chị đi cưới mấy thiên cá
mòi.

2534.— Làm trai cố chí lập thân.

Rời ra gặp hội phong vân kịp
người.

2535.— Trâu ta ăn cả đồng ta,

Chừng nào hết cỏ sang qua đồng
người.

2536.— Người xấu duyên lặn
vào trong,

Bao nhiêu người đẹp, duyên bong
ra ngoài.

2537.— Còn duyên buôn cây
bán hồng,

Hết duyên buôn mít cho chồng
cây xo.

2538.— Ngày ngày ra đứng
bờ sông,

Hỏi thăm chú lái rằng chồng tôi
đâu?

2539.— Thương nhau cời áo
cho nhau,

Về nhà mẹ hỏi qua câu gió bay.

2540.— Chiều chiều lại nhớ
chiều chiều,

Nhớ người quân tử khăn điều
vắt vai.

2541.— Có hay chàng ở đâu
đây,

Thiếp xin mượn cánh chấp bay
theo chàng.

2542.— Phụng hoàng gặp bước
cheo leo,

Sa cơ thất thế phải theo đàn gà,
Bao giờ mưa thuận gió hòa,

- Thay lòng đổi cánh lại ra phụng hoàng.
 2543.— Trai khôn tìm vợ chốn đông,
 Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.
 2544.— Có phúc lấy được vợ già,
 Sạch cửa, sạch nhà lại ngọt cơm canh.
 Vô phúc lấy phải trẻ ranh,
 Nó ăn nó bỏ tung hoành nó đi.
 2545.— Con khôn ai cha mẹ nào rảnh,
 Tỷ như quả bưởi ai lẳng nó tròn.
 2546.— Trúng rỗng lại nở ra rỗng,
 Liu diu lại nở ra giòng liu diu.
 2547.— Đói lòng ăn kẻ với sung,
 Ăn thấy mẹ chồng mà nuốt chẳng vô.
 2548.— Chim Liều nó biều chim Quỳnh,
 Biều to biều nhỏ, biều mình thương lui.
 2549.— Cá sấu cá chằng quạt đuôi,
 Tỷ như em kia sấu huệ, như tui sấu mình.
 2550.— Chim kêu dưới suốt tang tình,
 Không ai lẻ bạn cho mình kiếm đôi.
 2551.— Một liều ba bảy cũng liều,
 Cầm bằng con trẻ chơi điều đứt giây.
 Nói chín thì làm nên mười,
 Nói mười làm chín mọi người đều chê.
 (Còn nữa)

★ HÃY THƯƠNG NGƯỜI

Một vị linh-mục muốn cho những tín-đồ ông đừng phạm lỗi thù ghét lẫn nhau, ông đem đạo giáo ra khuyên dạy : « không nên thù ghét lẫn nhau vì thù ghét lẫn nhau là trái với ý Chúa ». Nghĩ một chập ông hỏi :

- Các con, ai đã diệt được sự thù ghét, hãy dơ tay lên !
- Chỉ có một cánh tay đưa lên, đó là ông già Ba-Búa, 80 tuổi.
- Vị linh-mục hỏi :
- Con không thù ghét ai cả à ?
- Dạ thưa « cha » không.
- Hay lắm, vậy con hãy đứng lên và thuật lại cái phương-pháp mà con đã áp-dụng để đi đến kết-quả tốt đẹp ấy !

Bằng một giọng ba-gai ông già Ba-Búa giải thích :

— Thưa « cha », mấy tháng chơi đùa với con, chúng nó đã « chết mẹ » nó hết rồi, nên con chẳng còn ai để thù ghét nữa cả !



★ PHỤ-NỮ VỚI HÔN-NHÂN của Bà GINA LOMBROSO do NGUYỄN-TỬ-QUANG lược dịch.

(Nhà Xuất-bản SÓNG-MỠI phát-hành)

Một quyển sách giúp cho các bạn phụ-nữ hiểu một cách tế-nghị về vấn-đề hôn-nhân. Nội dung không phải là một lý-thuyết viển-vông, mà là những nhận-xét xác-thực, tỉ-mỉ, căn-cứ vào thực-tế tâm-lý của đàn-bà và đem lại một quan-niệm riêng về hôn-nhân của một nữ-sĩ Ý-Đại-Lợi. Sách dày 133 trang — Giá 25 đồng.

★ VIỆT-NAM VĂN-HỌC TOÀN-THƯ, Quyển I HOÀNG-TRỌNG-MIÊN biên soạn.

(Nhà Xuất-bản QUỐC-HOA)

Một quyển sách sưu-tầm tài-liệu văn-chương Việt-Nam, khởi đầu nói về Thần-thoại, gồm một số văn liệu chưa hề in và nhiều phụ-bản về các dấu tích văn-hóa thời cổ.

Tác-giả ghi chép những truyện tích truyền khẩu đầu tiên của dân-tộc Việt-Nam và các dân thiểu số miền Thượng-du Trung và Bắc-Việt.

Ấn-loát tối-tân, trang nhã, khuôn-khổ lớn, bìa bọc mỹ-thuật, trình-bày theo cổ họa đồ họa-sĩ Tú-Duyên. Một quyển sách rất có ích cho các bạn muốn nghiên-cứu Văn-học-sử Việt-Nam. Dày 240 trang — Giá 100 đồng.

★ NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG : truyện dài của NHẬT-TIẾN mô-tả đời sống tinh-thần và vật-chất của các viện mô-côi. Văn rất tự nhiên và cảm-động.

(Nhà Xuất-bản HUYỀN-TRẦN ấn-hành) Giá — 28 đồng.

Đáp bạn

bốn

phương



Xin các bạn gửi bài nhớ viết trên một mặt giấy, và viết chữ rõ-ràng, dễ đọc. Những bài viết trên hai mặt giấy, hoặc viết tháu quá, chúng tôi không nhận xin các bạn thông-cảm cho.

- ★ Bạn VÂN-CÙ — HỌC-SINH — HUẾ
Ông Nguyễn-Vỹ, Giám-Đốc tạp chí Phò-Thông không phải là ông Nguyễn-văn-Vỹ, giáo-sư Toán-Lý-Hóa, tác-giả tập «Toán-Vật-Lý» mà bạn đã hỏi.
- ★ Bạn NGUYỄN-TRẦN-GIANG — Trịnh-Minh-Thế — NHA-TRANG
Đã nhận được thơ và bài của bạn. Đang xem. Xin cảm ơn.
- ★ Bạn LÊ-NGỌC-TRỤ — Phan-Văn-Trị — GIA-ĐÌNH.
Muốn biết thể-lệ thi Trung-học Đệ-nhất cấp. Bạn hãy đến xem thông-cáo về cuộc thi này ở Bộ Quốc-gia Giáo-dục hay ở các trường trong độ-thành có lẽ sẽ đầy đủ chi-tiết hơn.
- ★ TẤT CẢ CÁC BẠN ĐÃ GỬI BÀI. Chúng tôi có nhận được đủ các bài của các bạn, và đang xem. Thành thật cảm ơn.
- ★ Bạn LÊ-ĐỨC-BÀNH — Học-sinh Quân-Trị.
Theo thể-lệ của bốn báo, yêu cầu bạn gửi luôn câu đáp cùng một lượt với câu đố.

Bạn HUỖNH-HOÀ — Học-sinh — Đà-lạt.

★ Trong bài « Ngày xuân bàn chuyện Tam-quốc » tác-giả dùng hai chữ « yêu-cầu » là đúng lắm, chứ không sai. Yêu-cầu sinh-lý. Yêu-cầu tinh-thần, nghĩa là đòi hỏi của sinh-lý, của tinh-thần (les exigences physiologiques morale), thì nghĩa là cần dùng (les nécessités).

★ Bạn NGUYỄN-LÊ.

Mong được tin và cho biết địa-chỉ đề liên lạc. Thân. N. T. M.

★ Cô TƯỜNG-VI — Sài-gòn.

Thư cô đã chuyển đến bạn L.V.T. Cần liên-lạc cô biên thư về tòa-soạn Chuông-Mai vì hiện nay anh không còn cộng-tác với P.T. nữa.

★ Anh PHẠM-CÔNG-THIỆN.

Có thư ở tòa-soạn. Xin mời anh đến nhận.

Bốn phương gửi về

★ BẠN NGUYỄN-CỬU — Trường tiểu-học — Sông-Mao.

... Tôi thường thấy có nhiều cô, bà có tên như thế này : Nguyễn-Liêu-Thu, Trần-Hồng-Hoa, Lê-Tú-Anh, ... nghĩa là trông thấy tên họ tôi cứ ngỡ là mấy ông cậu, ai dè ! ... Tại sao họ lại bỏ chữ «Thị» quý báu của ngàn xưa đi, và bảo như thế có hợp tình hợp lý không ?

★ BẠN TRẦN-VĂN-NGỌC — K.B.C 3.317

... Trong bài «Non nước miền Nam» của Thái-văn-Kiểm trong trang 10 báo Phò-Thông số Xuân có đoạn nói về Ba-Son (Arsenal). Ông Kiểm viết «do chữ bassin mà ra chữ Ba-Son».

Thưa ông, theo tôi biết như sau :

Đó là do trong mấy năm về trước có ông cái tên Nguyễn-văn-Son, thứ ba. Cõi dân thợ làm việc rất khắt-khe, đối xử rất dã-man, nếu không nói là ác. Lúc đó còn Pháp nên có một sĩ-quan Pháp gọi trại là Ba-Son. Vì thế dân thợ gọi luôn là Ba-Son (quyền làm hay đuổi lều do ông ta có, mãi đến nay gọi luôn là sư Ba-Son).

Các bạn : Học-sinh, Quân nhân, Công,
Tư chức hãy đón mua một tài-liệu
học tập cần-thiết :

HIẾU HỌC

TỰ LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

Xuất bản hằng tuần, giá 6\$00

Gồm có các đặc điểm sau đây :

— Hướng dẫn Học-sinh về sáu môn căn bản :
VIỆT-ANH PHÁP-TOÁN-LÝ-HÓA chuẩn bị kỳ thi
Trung Học Đệ Nhất Cấp sắp đến (28-5-59) theo
đúng chương trình của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

— Hướng dẫn quý bạn Công, Tư chức, Quân
nhân, những bạn vì sinh kế, vì nghề-nghiệp bắt
buộc không thể đến nhà trường được, dùng tập
sách HIẾU HỌC này để tự học và tự luyện thi.

— Sách do MỘT NHÓM GIÁO-SƯ biên soạn
và do NHÀ XUẤT BẢN SỐNG MỚI 30, đường
Phạm-ngũ-Lão Saigon ấn-hành.

NHÀ SÁCH
ĐUỐC MINH
45 CAO-THẮNG, SAIGON

